

Số: 08 /NQ-ĐHĐCĐ

Vinh, ngày 26 tháng 04 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/01/2008, sửa đổi bổ sung lần V ngày 07/12/2019;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông ngày 26/04/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị và Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt năm 2019-2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.

Điều 2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019-2022 và kế hoạch SXKD năm 2023 của Ban Giám đốc công ty với các chỉ tiêu sau:

- Doanh thu: 62,225 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 7,512 tỷ đồng.
- Tổng mức đầu tư, mua sắm trang thiết bị: 6,000 tỷ đồng

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính các năm 2019-2022 của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính đối với năm tài chính 2023 của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông trong số các doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thông qua kết quả lợi nhuận các năm từ 2019-2022 và phương án sử dụng lợi nhuận năm 2019-2023 theo đề xuất của HĐQT. cụ thể:

1. Kết quả lợi nhuận giai đoạn từ 2019-2022

Đơn vị tính : Đồng

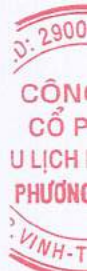
TT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2019	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2022	TỔNG CỘNG
1	Tổng lợi nhuận sau thuế	1,727,022,226	-8,592,257,138	-14,815,697,320	4,852,955,290	-16,827,976,942
2	Trích lập các quỹ:					0
	Quỹ dự phòng Tài chính	0	0	0	0	0
	Quỹ khen thưởng Phúc lợi	0	0	0	0	0
	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	0	0	0	0	0
3	Tổng lợi nhuận còn lại	1,727,022,226	-8,592,257,138	-14,815,697,320	4,852,955,290	-16,827,976,942

2. Phương án sử dụng lợi nhuận năm 2019-2022:

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2019-2022 đã được kiểm toán, lợi nhuận của năm 2019-2022 lỗ **16.827.976.942 đồng**, tuy nhiên Công ty đến nay còn lỗ lũy kế là **41.279.035.953 đồng**, khoản lỗ này sẽ được bù đắp ở những năm tiếp theo từ lợi nhuận của hoạt động SXKD. Theo quy định tại khoản 2 điều 135 của Luật Doanh nghiệp “... Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;...”, Công ty không chi trả cổ tức của năm 2019-2022.

3. Phương án sử dụng lợi nhuận năm 2023

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng lợi nhuận sau thuế	Đồng	4,852,955,290	7,512,108,545
2	Trích lập các quỹ:			
	- Quỹ dự phòng Tài chính	Đồng	0	0
	- Quỹ khen thưởng Phúc lợi	Đồng	0	0
	- Quỹ khen thưởng Ban quản lý	Đồng	0	0
3	Tổng lợi nhuận còn lại	Đồng	4,852,955,290	7,512,108,545



Phương án sử dụng lợi nhuận của năm 2023, Công ty không trích lập các Quỹ và không chi trả cổ tức của năm 2023 theo quy định tại khoản 2 điều 135 của Luật Doanh nghiệp đã nêu ở trên.

Điều 5. Thông qua việc thực hiện quỹ thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát giai đoạn từ năm 2019-2022 và kế hoạch quỹ thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 như sau:

1. Thông qua việc thực hiện Quỹ thù lao của HĐQT, BKS giai đoạn từ năm 2019-2023 như sau:

- Năm 2019: 313.497.000 đồng ;
- Năm 2020: 287.586.695 đồng ;
- Năm 2021: 257.402.429 đồng ;
- Năm 2022: 330.773.401 đồng.

2. Thông qua Bảng quỹ thù lao kiêm nhiệm năm 2023 và kế hoạch dự kiến Quỹ thù lao đối với các chức danh HĐQT kiêm nhiệm của năm 2023 là: **132.000.000 đồng**. Đối với các chức danh chuyên trách sẽ căn cứ Quy chế tiền lương của Công ty để trả lương. Trường hợp chuyển từ chức danh chuyên trách sang kiêm nhiệm, Công ty sẽ căn cứ Bảng quỹ thù lao kiêm nhiệm năm 2023 đã được phê duyệt để chi trả.

a) Bảng Quỹ thù lao của HĐQT, BKS kiêm nhiệm năm 2023:

STT	Chức danh	Mức thù lao tháng
I	Hội đồng quản trị	
	Chủ tịch Hội đồng quản trị	3.000.000
	Thành viên Hội đồng quản trị	1.500.000
II	Ban Kiểm soát	
	Trưởng ban KS	2.500.000
	Thành viên ban kiểm soát	1.000.000

b) Dự kiến Quỹ thù lao của HĐQT, BKS kiêm nhiệm năm 2023:

Đơn vị tính:

Đồng

STT	Chức danh	Thời gian hưởng thù lao	Số người	Mức thù lao tháng	Mức thù lao năm
I	Hội đồng quản trị				
1	Chủ tịch HĐQT	12 tháng	01	3.000.000	36.000.000
2	Thành viên HĐQT	12 tháng	04	1.500.000	72.000.000
II	Ban kiểm soát				
1	Thành viên BKS	12 tháng	02	1.000.000	24.000.000
Tổng cộng:					132.000.000

3. Tiền lương của chức danh chuyên trách sẽ được chi trả hàng tháng; đối với các chức danh kiêm nhiệm sẽ được chi trả hàng quý.

Điều 6. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông như Phụ lục đính kèm.

Điều 7. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông, ủy quyền cho HĐQT ký ban hành.

Điều 8. Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông, ủy quyền cho HĐQT ký ban hành.

Điều 9. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (sửa đổi bổ sung lần thứ nhất), ủy quyền cho HĐQT ký ban hành.

Điều 10. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông, ủy quyền cho BKS ký ban hành.

Điều 11. Thông qua việc Miễn nhiệm toàn bộ Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019 – 2023 và phê chuẩn kết quả bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

Danh sách thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 -2028:

1. Ông Đỗ Trung Kiên
2. Ông Lê Hải An
3. Bà Phạm Thu Thủy
4. Ông Thái Hồng Nhã
5. Ông Lê Văn Thìn

Danh sách thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028:

1. Bà Lê Thị Thu Hương
2. Bà Nguyễn Thị Việt Hà
3. Bà Phan Thị An

Điều 12. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc công ty, Ban giám đốc đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (đề b/c);
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban Giám đốc/đơn vị;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOA ĐẠI HỘI**



Thái Hồng Nhã



Vinh, ngày 26 tháng 04 năm 2023

**BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG**

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (PTC)

Địa chỉ trụ sở chính: 218 Lê Duẩn, Phường Trường Thi, Tp.Vinh, Nghệ An.

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2900781381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần 10 ngày 21/10/2016.

Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông: Từ 08h30' đến 11h10' ngày 26/04/2023, tại Khách sạn Mường Thanh Phương Đông - Số 02 Trường Thi, Tp.Vinh, Nghệ An.

Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký Đại hội:

Đoàn Chủ tịch:

- Ông: **Thái Hồng Nhã** : Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty - Chủ tọa Đại hội;
(Theo giấy ủy quyền của Ông Lê Thanh Thảo – Chủ tịch HĐQT Công ty)
- Bà **Lê Thị Thu Hương** : Trưởng BKS - Thành viên.

Ban Thư ký:

- Bà: **Võ Thị Thảo** - Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty - Khách sạn Mường Thanh Grand Phương Đông – Trưởng Ban
- Bà : **Nguyễn Thị Tươi** - Phòng Tổ chức hành chính Công ty – Thành viên

Số cổ đông tham dự: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông với sự tham dự của 20 cổ đông, đại diện cho 12,000,456 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (đây là số liệu cuối cùng khi tiến hành biểu quyết, bầu cử theo Biên bản kiểm phiếu).

TÓM TẮT DIỄN BIẾN CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

1. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội:

Để tiến hành Đại hội theo đúng quy định, ông Trương Văn Lĩnh thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội: Tại thời điểm 10h00' ngày 26/04/2023, số lượng cổ đông/đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội là 20 người, đại diện 12,000,456 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Căn cứ Điều 145 Luật Doanh nghiệp và Điều 18 Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty đủ điều kiện tiến hành.

2. Thủ tục khai mạc Đại hội:

Ban tổ chức giới thiệu Đoàn Chủ tịch và Đoàn Chủ tịch giới thiệu Thư ký, Ban Kiểm phiếu:

- Đoàn Chủ tịch gồm:

2. Ông **Thái Hồng Nhã** : Thành viên HĐQT - Chủ tọa Đại hội;
3. Bà **Lê Thị Thu Hương** : Trưởng BKS - Thành viên.

- Ban Thư ký

1. Bà: **Võ Thị Thảo** : Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty –
Khách sạn Mường Thanh Phương Đông
DGM Khách sạn - Trưởng Ban

2. Bà : **Nguyễn Thị Tụ** : Phòng Tổ chức hành chính Công ty - Thành viên

- Ban Kiểm phiếu gồm:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyệt** : Kế toán trưởng Công ty - Trưởng ban;
2. Bà **Võ Thị Thảo** : P.Giám đốc Khách sạn - Phó ban.
5. Bà **Cao Thị Tố Uyên** : Kế toán Khách sạn - Thành viên

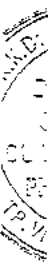
Đại hội nhất trí thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu.

3. Nội dung diễn tiến Đại hội:

Ông Thái Hồng Nhã phát biểu khai mạc Đại hội.

Ông Thái Hồng Nhã thông qua Quy chế làm việc, thể lệ biểu quyết và chương trình Nghị sự của Đại hội gồm:

- Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2019-2022 và kế hoạch SXKD năm 2023.
- Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2019-2022 và phương hướng hoạt động năm 2023.
- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2019-2022 và phương hướng hoạt động năm 2023.
- Tờ trình của HĐQT về Báo cáo tài chính năm 2019-2022 đã kiểm toán và việc Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2019-2023.
- Tờ trình của HĐQT về kết quả lợi nhuận năm 2019-2022 và phương án sử dụng lợi nhuận các năm 2019-2023.
- Tờ trình của HĐQT về việc thực hiện quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2019-2022 và kế hoạch quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2023.
- Tờ trình của HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
- Tờ trình của HĐQT Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Tờ trình của HĐQT về Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
- Tờ trình của BKS về Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.



- Tờ trình của HĐQT về việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT, Thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2023 và bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028.
- Đại hội thảo luận, biểu quyết thông qua nội dung các Báo cáo, Tờ trình.
- Đại hội bầu Thành viên HĐQT, Thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028.

Đại hội nhất trí biểu quyết thông qua Quy chế và chương trình làm việc, Thẻ lệ biểu quyết

Đoàn Chủ tịch trình bày các nội dung Báo cáo, Tờ trình và Đại hội tiến hành thảo luận, đóng góp ý kiến về kết quả SXKD, việc đầu tư các dự án, việc phân chia lợi nhuận, công tác quản trị Công ty, ... Kết thúc phần thảo luận, Đại hội biểu quyết các vấn đề đã được báo cáo, trình bày.

Tiếp theo, bà Nguyễn thị Nguyệt thay mặt Ban Kiểm phiếu thông qua *Quy định đề cử, ứng cử bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông năm 2023, Quy chế bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông năm 2023 và Danh sách các ứng viên được cập nhật tới thời điểm bầu cử.* Đại hội biểu quyết thông qua và tiến hành bầu cử.

Ban kiểm phiếu tiến hành thu Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử để kiểm phiếu.

Sau khi kiểm phiếu, Bà Võ Thị Thảo thay mặt Ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu.

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau (chi tiết kết quả kiểm phiếu tại Biên bản kiểm phiếu được đính kèm Biên bản này):

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD giai đoạn từ năm 2019-2022 và kế hoạch SXKD năm 2023 của Ban Giám đốc công ty với các chỉ tiêu sau:

- Doanh thu: 62,225 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 7,512 tỷ đồng.
- Tổng mức đầu tư, mua sắm trang thiết bị: 6,000 tỷ đồng..

Số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 99,96%.

2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2019-2022 và phương hướng hoạt động năm 2023.

Số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 99,75%.

3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2019-2022 và phương hướng hoạt động năm 2023.

Số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 99,75%.

4. Thông qua Báo cáo tài chính các năm 2019-2022 của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính đối với năm tài chính 2023 của Công ty Cổ phần Du

lịch Dầu khí Phương Đông trong số các doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật.

Số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 99,75%.

5. Thông qua kết quả lợi nhuận các năm từ 2019-2022 và phương án sử dụng lợi nhuận các năm từ 2019-2023 theo đề xuất của HĐQT, cụ thể:

5.1. Kết quả lợi nhuận giai đoạn từ 2019-2022

Đơn vị tính : Đồng

TT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2019	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2022	TỔNG CỘNG
1	Tổng lợi nhuận sau thuế	1,727,022,226	-8,592,257,138	-14,815,697,320	4,852,955,290	-16,827,976,942
2	Trích lập các quỹ:					0
	Quỹ dự phòng Tài chính	0	0	0	0	0
	Quy khen thưởng Phúc lợi	0	0	0	0	0
	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	0	0	0	0	0
3	Tổng lợi nhuận còn lại	1,727,022,226	-8,592,257,138	-14,815,697,320	4,852,955,290	-16,827,976,942

5.2. Phương án sử dụng lợi nhuận từ 2019-2022:

5.2.1. Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2019-2022 đã được kiểm toán, lợi nhuận của năm 2019-2022 lỗ **16.827.976.942 đồng**, tuy nhiên Công ty đến nay còn lỗ lũy kế là **41.279.035.953 đồng**, khoản lỗ này sẽ được bù đắp ở những năm tiếp theo từ lợi nhuận của hoạt động SXKD. Theo quy định tại khoản 2 điều 135 của Luật Doanh nghiệp "...Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; ...". Công ty không chi trả cổ tức của năm 2019-2022.

5.2.2 Phương án sử dụng lợi nhuận năm 2023

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
I	Phương án sử dụng lợi nhuận năm 2023			
1	Tổng lợi nhuận sau thuế	Đồng	4,852,955,290	7,512,108,545
2	Trích lập các quỹ:			

	- Quỹ dự phòng Tài chính	Đồng	0	0
	- Quy khen thưởng Phúc lợi	Đồng	0	0
	- Quỹ khen thưởng Ban quản lý	Đồng	0	0
3	Tổng lợi nhuận còn lại	Đồng	4,852,955,290	7,512,108,545

Phương án sử dụng lợi nhuận của năm 2023, Công ty không trích lập các Quỹ và không chi trả cổ tức của năm 2023 theo quy định tại khoản 2 điều 135 của Luật Doanh nghiệp đã nêu ở trên.

Số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 99,75%.

6. Thông qua việc thực hiện quỹ thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát giai đoạn từ năm 2019-2022 và kế hoạch quỹ thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 như sau:

6.1. Thông qua việc thực hiện Quỹ thù lao của HĐQT, BKS giai đoạn từ năm 2019-2022 như sau:

- Năm 2019: 313.497.000 đồng ;
- Năm 2020: 287.586.695 đồng ;
- Năm 2021: 257.402.429 đồng ;
- Năm 2022: 330.773.401 đồng .

6.2. Thông qua Bảng quỹ thù lao kiêm nhiệm năm 2023 và kế hoạch dự kiến Quỹ thù lao đối với các chức danh HĐQT kiêm nhiệm của năm 2023 là: **132.000.000 đồng**. Đối với các chức danh chuyên trách sẽ căn cứ Quy chế tiền lương của Công ty để trả lương. Trường hợp chuyển từ chức danh chuyên trách sang kiêm nhiệm, Công ty sẽ căn cứ Bảng quỹ thù lao kiêm nhiệm năm 2023 đã được phê duyệt để chi trả.

a) Bảng Quỹ thù lao của HĐQT, BKS kiêm nhiệm năm 2023:

STT	Chức danh	Mức thù lao tháng
I	Hội đồng quản trị	
	Chủ tịch Hội đồng quản trị	3.000.000
	Thành viên Hội đồng quản trị	1.500.000
II	Ban Kiểm soát	
	Trưởng ban KS	2.500.000
	Thành viên ban kiểm soát	1.000.000

b) Dự kiến Quỹ thù lao của HĐQT, BKS kiêm nhiệm năm 2023:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chức danh	Thời gian hưởng thù lao	Số người	Mức thù lao tháng	Mức thù lao năm
I	Hội đồng quản trị				
1	Chủ tịch HĐQT	12 tháng	01	3.000.000	36.000.000
2	Thành viên HĐQT	12 tháng	04	1.500.000	72.000.000
II	Ban kiểm soát				
1	Thành viên BKS	12 tháng	02	1.000.000	24.000.000
Tổng cộng:					132.000.000

6.3. Tiền lương của chức danh chuyên trách sẽ được chi trả hàng tháng; đối với các chức danh kiêm nhiệm sẽ được chi trả hàng quý.

Số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 99,75%.

7. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông như Phụ lục đính kèm Biên bản này, Ủy quyền cho HĐQT ký ban hành.

Số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 99,75%.

8. Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty CP Du lịch CP Du lịch Dầu khí Phương Đông, ủy quyền cho HĐQT ký ban hành.

Số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 99,75%.

9. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (sửa đổi bổ sung lần thứ nhất), ủy quyền cho HĐQT ký ban hành.

Số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 99,75%.

10. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP Du lịch CP Du lịch Dầu khí Phương Đông, ủy quyền cho BKS ký ban hành.

Số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 99,75%.

11. Thông qua việc Miễn nhiệm toàn bộ Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019 – 2023 với lý do kết thúc nhiệm kỳ và bầu Thành viên HĐQT, Thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028 tại ĐHĐCĐ thường niên 2023.

Số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 99,75%.

12. Kết quả bầu Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

12.1. Kết quả bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 -2028:

1. Ông Đỗ Trung Kiên số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 130,09%

2. Ông Thái Hồng Nhã số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 92,65%
3. Bà Phạm Thu Thủy số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 92,46%
4. Ông Lê Văn Thìn số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 92,41%
5. Ông Lê Hải An số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 92,40%

12.2. Kết quả bầu thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028:

1. Bà Lê Thị Thu Hương số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 100,04%
2. Bà Phan Thị An số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 99,99%
3. Bà Nguyễn Thị Việt Hà số phiếu biểu quyết đồng ý đạt 99,97%

13. Bà Võ Thị Thảo, Trưởng ban Thư ký đại hội trình bày Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 với 100% số phiếu tán thành. Đại hội kết thúc vào hồi 11h10' ngày 26/04/2023./.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TOA ĐẠI HỘI**



Thái Hồng Nhã

BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI

THÀNH VIÊN

Nguyễn Thị Tụ

TRƯỞNG BAN

Võ Thị Thảo

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG**

Số: **06** /PTC-HDQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vinh, ngày 24 tháng 04 năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020 được Quốc hội nước CHXNCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020

- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/1/2008, sửa đổi bổ sung lần V ngày 07 tháng 12 năm 2019.

Hôm nay, ngày 24 tháng 04 năm 2023, tại Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông, Số 218, Lê Duẩn, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Nghệ An. Chúng tôi gồm:

I. BÊN ỦY QUYỀN:

Ông: LÊ THANH THÂN

Chứng minh nhân dân: 012873918 do Công an Hà Nội cấp ngày 30/4/2006

Hộ khẩu thường trú: Lô 13, Biệt thự 3, bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông

II. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN:

Ông: THÁI HỒNG NHÃ

Chứng minh nhân dân: 182259756

Ngày cấp: 15/9/2015 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An

Hộ khẩu thường trú: Khối 4, Trường Thi, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An

Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông

III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

1. Bên được ủy quyền thay mặt bên ủy quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông nhiệm kỳ 2018-2023 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông được tổ chức ngày 26 tháng 04 năm 2023 tại Khách sạn Mường Thanh Phương Đông - Số 02, Đường Trường Thi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.



Ông Thái Hồng Nhã chịu toàn bộ trách nhiệm cá nhân trước Người ủy quyền và trước pháp luật về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.

IV. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2023, chấm dứt ủy quyền khi các công việc ủy quyền được hoàn thành hoặc có văn bản khác thay thế. *hs*

**BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN
THÀNH VIÊN HĐQT**

Thái Hồng Nhã

**BÊN ỦY QUYỀN
CHỦ TỊCH HĐQT**



Lê Thanh Thảo

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT PTC
- BKS(đề biết)
- Lưu VT-TCHC



**BÁO CÁO CỦA BGD VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD TỪ NĂM 2019 - 2023
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP DL DK Phương Đông.

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH CHUNG

1. Tình hình kinh tế xã hội

Từ năm 2019 đến 2022, tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn gặp nhiều khó khăn nhất là Đại dịch Covid-19 đã gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành du lịch với việc hạn chế đi lại, làm gián đoạn các chuỗi cung ứng hoạt động kinh doanh bao gồm các biện pháp ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh như tạm dừng các hoạt động dịch vụ không thiết yếu của Khách sạn, Nhà hàng ...

Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 về hình thức xử phạt nặng hơn khi tham gia điều khiển phương tiện giao thông dưới ảnh hưởng của bia rượu với bất kỳ nồng độ cồn nào trong máu và hơi thở.

Hệ thống khách sạn nhà hàng cùng phân khúc trên địa bàn tăng lên đáng kể dẫn đến việc cạnh tranh khốc liệt về thị phần.

2. Tình hình nội bộ Công ty:

Từ năm 2019 đến 2022, cơ cấu cổ đông ổn định, nguồn nhân lực của công ty cũng thay đổi để phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh.

Công ty tập trung phát triển lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả (Kinh doanh khách sạn)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2019

1. Kết quả thực hiện công tác SXKD từ năm 2019 đến năm 2023:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	53,070,493	42,634,786	21,151,021	49,524,162
2. Doanh thu hoạt động tài chính	552,847	36,059	6,387	5,285
3. Thu nhập khác	801,789	498,982	385,118	1,334,601
4. Tổng chi phí	51,999,445	51,762,082	36,358,222	46,011,092
5. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,425,684	-8,592,255	-14,815,696	4,852,956
6. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	1,727,023	-8,592,255	-14,815,696	4,852,956
7. Nộp Ngân sách Nhà nước	1,798,472	3,242,017	2,984,810	3,074,661

1.1. Doanh thu

1.1. Năm 2019:

Tổng doanh thu toàn Công ty: 53,070,493,587 đồng, trong đó doanh dịch vụ: 43,449,481,352 đồng, doanh thu kinh doanh bất động sản : 9,621,012,235 đồng.

Tình hình doanh thu lĩnh vực chính Khách sạn Nhà hàng cụ thể:

Doanh thu thực hiện 41,469,840,443 đồng bằng 96,9% so với cùng kỳ, đạt 90,3% kế hoạch năm 2019. Trong đó:

+ Doanh thu buồng phòng : 16,217,283,031 đồng, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước, đạt 94% kế hoạch năm 2019.

+ Doanh thu Nhà hàng: 18,539,831,963 đồng, giảm 10% so với cùng kỳ năm trước, đạt 88% kế hoạch năm 2019.

+ Doanh thu khác: 6,712,725,449 đồng, giảm 3% so với cùng kỳ, đạt 89% kế hoạch năm 2019.

1.2. Năm 2020

Tổng doanh thu toàn Công ty: 42,634,786,983 đồng, trong đó doanh dịch vụ: 38,878,217,257 đồng, doanh thu kinh doanh bất động sản : 3,756,569,726 đồng.

Tình hình doanh thu lĩnh vực chính Khách sạn Nhà hàng cụ thể:

Doanh thu thực hiện 29,351,610,939 đồng bằng 70,8% so với cùng kỳ, đạt 65,8% kế hoạch năm 2020. Trong đó:

+ Doanh thu buồng phòng : 12,237,197,813 đồng, giảm 24,5% so với cùng kỳ năm trước, đạt 68,4% kế hoạch năm 2020.

+ Doanh thu Nhà hàng: 13,227,698,599 đồng, giảm 28,7% so với cùng kỳ năm trước, đạt 66,2% kế hoạch năm 2020.

+ Doanh thu khác: 3.886,714,527 đồng, giảm 42,1% so với cùng kỳ, đạt 57,5% kế hoạch năm 2020.

1.3. Năm 2021

Tổng doanh thu toàn Công ty: 21,151,021,069 đồng, trong đó doanh dịch vụ: 18,885,901,419 đồng, doanh thu kinh doanh bất động sản : 2,265,119,650 đồng.

Tình hình doanh thu lĩnh vực chính Khách sạn Nhà hàng cụ thể:

Doanh thu thực hiện 18,401,967,276 đồng bằng 62,7% so với cùng kỳ, đạt 46,4% kế hoạch năm 2021. Trong đó:

+ Doanh thu buồng phòng : 8,912,099,964 đồng, giảm 27,2% so với cùng kỳ năm trước, đạt 58,3% kế hoạch năm 2021.

+ Doanh thu Nhà hàng: 6,399,721,836 đồng, giảm 51,6% so với cùng kỳ năm trước, đạt 35,8% kế hoạch năm 2021.

+ Doanh thu khác: 3,090,145,476 đồng, giảm 20,5% so với cùng kỳ, đạt 47,3% kế hoạch năm 2021.

1.4. Năm 2022

Tổng doanh thu toàn Công ty: 49,524,162,475 đồng, trong đó doanh dịch vụ: 48,818,401,601 đồng, doanh thu kinh doanh bất động sản : 705.760,874 đồng.

Tình hình doanh thu lĩnh vực chính Khách sạn Nhà hàng cụ thể:

Doanh thu thực hiện 46,309,309,730 đồng bằng 251,7% so với cùng kỳ, đạt 129,9% kế hoạch năm 2022. Trong đó:

+ Doanh thu buồng phòng : 22,254,770,573 đồng, tăng 149,7% so với cùng kỳ năm trước, đạt 152,55% kế hoạch năm 2022.

+ Doanh thu Nhà hàng: 18,271,404,073 đồng, tăng 185,5% so với cùng kỳ năm trước, đạt 119,1% kế hoạch năm 2022.

+ Doanh thu khác: 5,783,135,084 đồng, tăng 87,1% so với cùng kỳ, đạt 101,2% kế hoạch năm 2022.

1.2. Hiệu quả kinh doanh

1. Năm 2019: Lãi trước thuế: 2.425,683,395 đồng, tăng 1,081,080,378 đồng so với cùng kỳ năm trước, đạt 104% kế hoạch năm 2019.

2. Năm 2020: Lỗ trước thuế: -8,592,257,138 đồng, không hoàn thành kế hoạch do ảnh hưởng của Đại dịch bệnh Covid-19.

3. Năm 2021 : Lỗ trước thuế: -14,815,697,320 đồng, không hoàn thành kế hoạch do ảnh hưởng của Đại dịch bệnh Covid-19.

4. Năm 2022: Lãi trước thuế: 4,852,955,290 đồng, tăng 3 tỷ 126 triệu so với năm 2019.

1.3. Đầu tư tại Công ty Cổ phần Sài Gòn Kim Liên:

Năm 2019, cổ tức mà PTC được hưởng từ Công ty CP Sài Gòn Kim Liên là 190.868,372đồng. Công ty CP Sài Gòn Kim Liên là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh lĩnh vực Khách sạn Nhà hàng, do vậy từ năm 2020-2022, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thua lỗ bởi ảnh hưởng của dịch Covid -19, nên khoản đầu tư không có cổ tức được chia, tại ngày 31/12/2022, Công ty đang trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư này với số tiền 4.276,113,046 đồng.

II. Công tác đầu tư, XDCB:

Mức đầu tư thực hiện qua các năm 2019-2022 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Tổng cộng
1	Máy móc thiết bị	1,151	313		2,310	3,774
2	Tài sản cố định khác	1,082				1,082
3	Sửa chữa nội thất		12,460			12,460
4	Sảnh			1,094		1,094
5	Nhà cửa	482				482
	Tổng cộng	2,715	12,773	1,094	2,310	18,892

Từ năm 2019 đến năm 2022, cơ sở vật chất ngày càng xuống cấp trong khi các đối thủ cùng phân khúc có cơ sở vật chất mới nên họ thu hút lượng khách về nhiều hơn đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tái đầu tư để tiếp tục phục vụ công tác kinh doanh. Đơn vị đã thực hiện cải tạo, sửa chữa, mua sắm mới tài sản cố định với tổng kinh phí trong 4 năm là: 18 tỷ 892 triệu đồng. Cụ thể, năm 2019 đầu tư 2,715 tỷ đồng, năm 2020 đầu tư 12,773 tỷ đồng, năm 2021 đầu tư 1,094, tỷ đồng, năm 2022 đầu tư mua sắm máy móc thiết bị 2,3 tỷ đồng. Các hạng mục đầu tư là các hạng mục đã hư hỏng, xuống cấp và được đầu tư từ những năm 2000 gồm nội thất khối phòng ngủ từ tầng 4, phòng VIP tầng 5,6; tầng 8-12. Lắp đặt hệ thống phòng xông hơi, cải tạo sảnh Lễ tân, lắp đặt rèm cửa, ti vi, công cụ dụng cụ bếp, ốp gỗ nhà hàng, hệ thống đèn Khách sạn, thay thảm Trung tâm Hội nghị.

III. Công tác tổ chức, quản lý, điều hành Công ty:

Sau khi cơ cấu cổ đông thay đổi, cơ cấu quản lý của công ty cũng thay đổi theo hướng tinh giản, gọn nhẹ phù hợp với xu thế kinh doanh.

Phân công, phân cấp lại các cấp quản lý theo quy chuẩn nhằm đáp ứng xu thế phát triển của công ty.

IV. Công tác tài chính:

Từ năm 2019 đến năm 2022, công tác tài chính tại công ty gặp nhiều khó khăn hơn vì doanh thu sụt giảm do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhưng vẫn phải hỗ trợ các khoản chi trả Lương, BHXH, BHYT và các chế độ đối với người lao động trong thời gian phải tạm dừng hoạt động không ổn định. Bên cạnh đó, sau thời gian đầu hoạt động trở lại khi dịch được kiểm soát, cơ sở vật chất của một số dịch vụ bị xuống cấp nghiêm trọng do đóng cửa thời gian dài bị ảnh hưởng của thời tiết ẩm mốc, hư hỏng không sử dụng được cần sắp xếp vốn để sửa chữa. Ban điều hành đã thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí không cần thiết tập trung nguồn tài chính để sửa chữa, mua sắm mới tài sản phục vụ hoạt động kinh doanh đảm bảo chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

1. Các khoản nợ tài chính phải trả:

Đầu năm 2019, Công ty phải trả tiền đặt cọc hợp đồng số 02/2013/HDDC/OJB-PDC ngày 15/10/2016 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Dương để đầu tư Trung tâm hội nghị khách sạn Phương Đông chỗ tại số 218 đường Lê Duẩn, Tp Vinh từ năm 2013 với Số tiền : 24.094.150.352 đồng. Đến 31/12/2022, Công ty đã hoàn trả hết khoản đặt cọc của Ngân hàng TMCP Đại Dương, Cụ thể :

- Năm 2019: Hoàn trả:	12.309.800.000	đồng
- Năm 2020 : Hoàn trả :	1.879.115.638	đồng
- Năm 2021 : Hoàn trả	2.000.000.000	đồng
- Năm 2021: Hoàn trả :	2.000.000.000	đồng
- Năm 2022 : Hoàn trả:	7.705.234.714	đồng

2. Các khoản phải thu:

Các khoản công nợ phải thu ngắn hạn: Đến 31/12/2022, công nợ phải thu ngắn hạn là: 94.319.604.222 đồng. Công ty đang ghi nhận các khoản công nợ phải thu với khách sạn Cửa Đông- DNTN xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên là khoản phải thu khách hàng với số tiền là: 88.609.592.339 đồng.

Đối với các khoản phải thu và phải trả phát sinh khi xây dựng tổ hợp dự án Cửa Đông, Công ty sẽ đối trừ phần công nợ hai bên.

V. Công tác thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động:

- Công tác thực hiện các chính sách chế độ đối với người lao động được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước; tạo mọi điều kiện để người lao động được làm việc trong điều kiện tốt nhất. Thông qua các tổ chức đoàn thể kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người lao động để xử lý kịp thời, thỏa đáng.

- Thu nhập của người lao động tăng dần hàng năm tuy nhiên vẫn chưa được như kỳ vọng, công ty đảm bảo việc 100% lao động có việc làm, mua sắm công cụ, dụng cụ, trang

thiết bị kỹ thuật làm việc, đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động; trang phục, BHI.Đ đầy đủ cho CNV-LĐ.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG SXKD NĂM 2023

1. Đặc điểm tình hình:

Du lịch thế giới năm 2023 được dự báo sẽ tiếp tục có sự hồi phục nhưng chưa trở về mức năm 2019, du lịch nội địa có sự tăng trưởng nhưng tốc độ sẽ chậm. Ngành Du lịch ngành Du lịch vẫn gặp một số khó khăn, thách thức, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang có dấu hiệu suy thoái, các rủi ro về tài chính, tiền tệ, nợ công, an ninh năng lượng, lương thực gia tăng. Ở trong nước, nền kinh tế có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn.

Thị trường lao động du lịch tại địa phương còn gặp nhiều khó khăn, nguồn nhân lực có chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu phát triển ngành Du lịch còn thiếu hụt không đảm bảo.

2. Kế hoạch, nhiệm vụ trong năm 2023

2.1 Phương hướng:

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông tiếp tục thực hiện các định hướng của HĐQT đề ra. Tập trung chủ yếu vào lĩnh vực khách sạn. Nâng cao năng lực quản lý điều hành, tận dụng tối đa mọi lợi thế để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững, từng bước đầu tư mở rộng trong tương lai.

2.2. Các chỉ tiêu cụ thể:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	THỰC HIỆN năm 2022	KẾ HOẠCH năm 2023	KẾ HOẠCH/ THỰC HIỆN %
A	B	C	1	2	3 = 2/1
I	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	49,524	62,225	+125.64
II	Tổng chi phí	Tỷ đồng	44,671	54,713	+22.48
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,853	7,512	+54.79
IV	Các khoản nộp ngân sách	Tỷ đồng	3,075	5,700	+69.10
V	Đầu tư, mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	2,310	6,000	+159.7%

3. Giải pháp thực hiện:

- Tăng cường ổn định, đoàn kết nội bộ. Phát huy vai trò quản lý của các cấp lãnh đạo, huy động sức mạnh tập thể, lòng nhiệt huyết, yêu nghề của CBCNV trong toàn công ty từ đó tạo ra một khí thế mới, sức sống mới trong hoạt động SXKD.

- Nâng cao chất lượng tay nghề của CBCNV bằng việc tăng cường công tác đào tạo, thi tay nghề đối với người lao động.

- Phát huy hơn nữa vai trò của cấp quản lý trong việc giám sát chất lượng dịch vụ cũng như chi phí đầu vào.

3.1. Các giải pháp về kinh doanh

- Triển khai quyết liệt, có hiệu quả công tác marketing. Hợp tác với các đơn vị lữ hành trong cả nước để tăng lượng khách khối phòng ngủ.
- Xây dựng các gói sản phẩm mới cho năm 2023 để thu hút khách hàng (đặc biệt là tiệc cưới) cho Trung tâm hội nghị 800 chỗ.
- Đẩy mạnh bán hàng online bằng các công cụ trực tuyến. Hợp tác chặt chẽ với các công ty dịch vụ trực tuyến để thu hút đối tượng khách lẻ.
- Triển khai công tác tuyên truyền quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại trung ương, địa phương, tham gia các sự kiện xúc tiến, quảng bá,...
- Duy trì và nâng cao chất lượng các dịch vụ hiện có; tiếp tục đưa ra các chính sách giá phù hợp trong từng thời điểm và xây dựng khung giá riêng cho từng đối tượng khách hàng.
- Làm tốt công tác chăm sóc khách hàng truyền thống, có chế độ ưu đãi, hậu mãi đối với khách hàng mới.

3.2. Giải pháp về tổ chức, quản lý, nhân sự

- Đẩy mạnh công tác giám sát, chỉ đạo của bộ máy quản lý đối với các đơn vị, phòng ban trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023.
- Sắp xếp, điều chuyển nhân lực trong toàn công ty hợp lý, hiệu quả, đảm bảo hoạt động cho tất cả các phòng ban, bộ phận.
- Tuyển dụng mới nhân sự có năng lực, trình độ để đáp ứng yêu cầu của đơn vị.
- Triển khai đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực để nâng cao trình độ nghiệp vụ, quản lý.
- Xây dựng được nguồn nhân lực dự phòng để đáp ứng các yêu cầu tăng nhân lực khi đột xuất.

3.3. Giải pháp về tài chính:

- Tiếp tục giám sát chặt chẽ và thật linh động trong việc áp dụng các định mức tiêu hao, tỷ lệ lãi gộp trong kinh doanh nhà hàng, khách sạn.
- Thường xuyên phân tích đánh giá đúng tình hình thị trường, biến động giá cả để từ đó đưa ra các phương án, giải pháp xử lý tài chính một cách linh hoạt, hiệu quả và kịp thời.
- Có phương án sắp xếp nguồn vốn hợp lý đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và thực hiện dự án. Tiếp tục đầu tư để sửa chữa khách sạn nhằm đảm bảo cơ sở vật chất trong kinh doanh.

3.4. Giải pháp về Đầu tư:

- Tiếp tục đầu tư để sửa chữa khách sạn nhằm đảm bảo cơ sở vật chất trong kinh doanh.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác đầu tư, mua sắm trang thiết bị. Phối hợp với các bộ phận để triển khai thi công phù hợp tránh ảnh hưởng tới khách hàng.
- Tập trung nguồn tài chính cho công tác cải tạo, đảm bảo không bị động tránh ảnh hưởng đến tiến độ chung của dự án.

3.5. Các giải pháp khác

- Thực hiện khen thưởng, động viên khuyến khích người lao động kịp thời tạo động lực làm việc cho người lao động trong Công ty.

- Thông qua các tổ chức đoàn thể để phát động các phong trào thiết thực trong hoạt động SXKD nhằm tạo không khí thi đua sôi nổi góp phần hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban KS PTC;
- Ban tổ chức ĐHCĐ PTC 2023;
- Website PTC;
- Lưu: VT, TCHC.



Thái Hồng Nhã

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP DL DK Phương Đông

Thực hiện quyền và nhiệm vụ Hội đồng quản trị (HĐQT) được Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch dầu khí Phương Đông (PTC), xin báo cáo Đại Hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của HĐQT trong các năm 2019 -2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023.như sau:

I. TỔNG QUAN VỀ HĐQT:

Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Đại hội đã thông qua việc miễn nhiệm HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018 và tiến hành bầu HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023 gồm 06 Thành viên.

Hiện nay các Thành viên HĐQT Công ty đều hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, cơ cấu nhân sự cụ thể như sau:

- | | |
|---------------------------------|------------------------------|
| 1. Ông Lê Thanh Thân | : Chủ tịch HĐQT; |
| 2. Ông Đình Sỹ Đức | : Phó. Chủ tịch HĐQT; |
| 3. Bà Lê Thị Hoàng Yến | : Thành viên HĐQT; |
| 4. Ông Thái Hồng Nhã | : Thành viên HĐQT. |
| 5. Ông Lê Văn Thìn | : Thành viên HĐQT (độc lập); |
| 6. Ông Phạm Thị Thu Thủy | : Thành viên HĐQT. |

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2019 -2022:

Trong các năm từ 2019-2022, do các Thành viên HĐQT đều là Thành viên kiêm nhiệm nên song song với hình thức họp tập trung, HĐQT chủ yếu tiến hành lấy phiếu ý kiến đối với các vấn đề cần thông qua thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT để ban hành các Nghị quyết/Quyết định. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được Đại hội đồng cổ đông giao phó, phù hợp với luật pháp và Điều lệ Công ty, HĐQT đã ban hành tổng cộng 15 Nghị quyết/Quyết định. Đồng thời triển chỉ đạo các nhóm công tác sau:

1. Công tác sản xuất kinh doanh, giám sát đối với Giám đốc và bộ máy điều hành:

Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, cơ cấu tổ chức bộ máy HĐQT đã được ổn định, công tác chỉ đạo giám sát Ban giám đốc, cán bộ quản lý được triển

khai kịp thời. Tuy nhiên tình hình chung từ năm 2020 đến 2022 do có sự biến động lớn đối với nền kinh tế thế giới và cả Việt Nam do dịch Covid-19 bùng phát mạnh trên phạm vi toàn cầu và Việt Nam, đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế- xã hội. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là Khách sạn nhà hàng đã phải đối mặt với những thách thức khó khăn. Trong năm 2020 và 2021, hoạt động kinh doanh phải đảm bảo thực hiện các biện pháp an toàn phòng chống dịch theo quy định của Nhà nước, một số dịch vụ không thiết yếu phải đóng cửa tạm dừng trong thời gian dài, hoạt động không ổn định để phòng chống dịch trong thời gian dịch bùng phát mạnh tại địa bàn hoạt động, doanh thu giảm sút mạnh, các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh không hoàn thành. Tháng 3 năm 2022, sau khi du lịch được mở cửa trở lại do dịch bệnh covid-19 đã được kiểm soát, khách du lịch nội địa tăng, hoạt động kinh doanh bước đầu ổn định, hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

Kết quả kinh doanh năm 2019-2022 như sau :

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	53,070,493	42,634,786	21,151,021	49,524,162
2. Doanh thu hoạt động tài chính	552,847	36,059	6,387	5,285
3. Thu nhập khác	801,789	498,982	385,118	1,334,601
4. Tổng chi phí	51,999,445	51,762,082	36,358,222	46,011,092
5. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,425,684	-8,592,255	-14,815,696	4,852,956
6. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	1,727,023	-8,592,255	-14,815,696	4,852,956
7.Nộp Ngân sách Nhà nước	1,798,472	3,242,017	2,984,810	3,074,661

Trên phương diện quản lý, chỉ đạo, HĐQT đã tích cực hỗ trợ, chỉ đạo Ban Giám đốc và bộ máy điều hành trong việc thực hiện các giải pháp phù hợp về tổ chức sắp xếp bộ máy, phát triển nguồn nhân lực; giải quyết chế độ, chính sách đối với người lao động đặc biệt trong giai đoạn ảnh hưởng do dịch Covid-19, đảm bảo 100% CBNV được bố trí sắp xếp việc làm, các chế độ liên quan đến BHXH, BHYT.. nộp đầy đủ kịp thời. Với chức năng kiểm tra, giám sát, HĐQT đánh giá cao kết quả công việc của Ban Giám đốc và bộ máy điều hành đã cố gắng khắc phục khó khăn, điều hành hoạt động kinh doanh trong các năm 2019-2022 của Công ty.

2. Công tác cán bộ , sắp xếp tổ chức:

Để phù hợp với định hướng phát triển Công ty trong giai đoạn mới, phù hợp hơn với cơ cấu vốn chủ sở hữu, HĐQT đã tập trung thực hiện và chỉ đạo thực hiện công tác cán bộ, sắp xếp cơ cấu tổ chức Công ty theo hướng nhỏ gọn, tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh thế mạnh, có hiệu quả thực chất, tránh đầu tư dàn trải, rủi ro, ...đồng thời đẩy mạnh phân cấp, tăng tính tự chủ trong hoạt động kinh doanh của các đơn vị, tiết giảm chi phí quản lý. Năm 2021 HĐQT điều chỉnh lại cơ cấu nhân sự Ban Giám đốc

Công ty phù hợp với công tác điều hành thực tế theo hướng tinh giảm hiệu quả. HĐQT tiếp tục thực hiện chủ trương để Ban giám đốc có thể khai thác tối đa lợi thế của Công ty về thương hiệu, mặt bằng và cơ sở vật chất hiện có, thúc đẩy hoạt động kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch khác để tăng nguồn thu cho Công ty.

3. Công tác đầu tư, mua sắm:

Năm 2019 -2022, hoạt động đầu tư đảm bảo tuân thủ các quy định của Công ty trong quá trình thực hiện về đầu tư mua sắm mới, nâng cấp, sửa chữa, cải tạo các hạng mục, đáp ứng yêu cầu kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ.

Tổng mức đầu tư qua các năm như sau:

Đơn vị tính : Triệu đồng

TT	HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Tổng cộng
1	Máy móc thiết bị	1,151	313		2,310	3,774
2	Tài sản cố định khác	1,082				1,082
3	Sửa chữa nội thất		12,460			12,460
4	Sàn			1,094		1,094
5	Nhà cửa	482				482
	Tổng cộng	2,715	12,773	1,094	2,310	18,892

5. Công tác ban hành các Quy định, Quy chế quản lý nội bộ:

Giai đoạn 2019-2022, Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Ban giám đốc Công ty rà soát, tham khảo và ứng dụng hệ thống quy trình, quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tập đoàn Mường Thanh vào quản lý hoạt động kinh doanh của đơn vị, giao Ban Giám đốc Công ty trình HĐQT điều chỉnh, sửa đổi, xây dựng hoàn thiện hơn nữa hệ thống các văn bản quy chế, quy định, quản lý nội bộ, hệ thống chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật trong toàn Công ty đảm bảo mọi hoạt động của Công ty có hiệu quả hơn.

6. Công tác thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019:

Hội đồng quản trị đánh giá, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ban hành ngày 07/12/2019 đã được HĐQT cũng như Giám đốc và ban điều hành Công ty triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

7. Quan hệ cổ đông và thực hiện nghĩa vụ của tổ chức niêm yết:

- Tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường, công bố thông tin theo yêu cầu đối với tổ chức niêm yết như: Công bố Báo cáo tài chính quý/bán niên/năm, Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị công ty, việc thay đổi Giấy phép ĐKDK, thay đổi nhân sự.... và các báo cáo khác theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tiếp xúc và cung cấp các thông tin về Công ty cho Cổ đông theo yêu cầu của Cổ đông.

- Thực hiện công bố thông tin trên trang website www.phuongdongpv.com.vn về các vấn đề quan trọng có liên quan đến Công ty hoặc các quyền lợi của cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

8. Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị:

Trong năm 2019-2022, HĐQT đã hoạt động tích cực, tuân thủ các quy định chung đối với hoạt động của HĐQT, chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra thúc đẩy tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh từng tháng/quý/năm và đưa ra định hướng chỉ đạo với Ban Giám đốc trong việc điều hành Công ty. Chủ tịch HĐQT thường xuyên trao đổi công việc với các cán bộ lãnh đạo Công ty/đơn vị trực thuộc, nắm bắt thông tin kịp thời và sát với thực tế của Công ty, qua đó cùng với các thành viên HĐQT có những quyết định đúng đắn phù hợp trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh tăng trưởng bền vững đảm bảo sự phát triển chung của Công ty.

9. Đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2019-2022 HĐQT đã thực hiện các công việc theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ theo đúng Điều lệ của Công ty, Quy chế quản trị Công ty.

- Các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện đúng vai trò, chức năng, đề xuất các giải pháp phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, đưa ra các quyết định đúng đắn, kịp thời, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023:

Trên cơ sở kết quả thực hiện công tác năm 2019-2022, căn cứ nhiệm vụ quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty, HĐQT định hướng một số hoạt động trọng tâm trong năm 2023 như sau:

1. Chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Giám đốc hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2023, đảm bảo tăng trưởng ổn định và bền vững Cụ thể:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2023
I	Doanh thu	Tỷ đồng	62,225
II	Tổng chi phí	Tỷ đồng	54,713
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,512
IV	Thuế và các khoản phải nộp	Tỷ đồng	5,200
V	Đầu tư, mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	6,000

2. Tiếp tục củng cố, sắp xếp, kiện toàn bộ máy quản lý, nâng cao năng lực quản lý, điều hành, nâng cao vai trò chủ động của các phòng chức năng và đơn vị trực thuộc. Thực hiện tốt nhiệm vụ KD chính, ổn định lực lượng lao động, hoạch định và phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng, tận dụng lợi thế chuỗi Khách sạn của Tập đoàn Mường Thanh, áp dụng công nghệ quản lý mới, đưa các hoạt động của Công ty vào quy chuẩn, nề nếp, nhằm tăng năng suất, giữ vững chất lượng sản phẩm cao, mục tiêu của điều hành là phải có hiệu quả.

3. Đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghiệp vụ cho nhân viên trong đơn vị đáp ứng tiêu chuẩn kỹ năng nghề kinh doanh chính Khách sạn Nhà hàng trong nước và thông lệ Quốc tế, xây dựng kế hoạch đào tạo bổ sung mới đảm bảo đủ nhân lực thiếu hụt trong thời gian vừa qua.

4. Tiếp tục công tác chỉ đạo rà soát Hệ thống các Quy chế/Quy định quản lý nội bộ, hệ thống chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật đã áp dụng để xem xét, sửa đổi, bổ sung phù hợp hơn với tình hình thực tế.

5. Đẩy mạnh công tác quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động kinh doanh Khách sạn, Nhà hàng, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng tăng doanh thu, lợi nhuận.

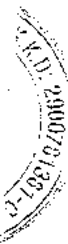
6. Tăng cường quản lý, giám sát chi tiêu, áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh, bảo đảm chỉ tiêu lợi nhuận và hạn chế tối đa các rủi ro. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát, trong đó đặc biệt chú trọng công tác tự kiểm tra, phối hợp tốt với kiểm toán nội bộ của Tập đoàn Mường Thanh trong việc kiểm tra giám sát hoạt động của đơn vị.

7. Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như quan tâm hơn nữa đến thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động trong Công ty. Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của tổ chức Đảng, Đoàn thể trong Công ty; thực hiện các giải pháp khuyến khích để người lao động hăng say cống hiến, phát huy trí lực, toàn tâm vì sự phát triển của Công ty.

8. Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội cổ đông và của HĐQT cũng như thực hiện đầy đủ, hiệu quả những nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được pháp luật, Điều lệ Công ty quy định.

IV. KẾT LUẬN:

Phát huy những thành quả đã đạt được trong giai đoạn 2019-2022, với sự đoàn kết, sáng tạo và sự quyết tâm của tập thể Cán bộ quản lý cùng sự nỗ lực hết mình của toàn thể CBNV Công ty Cổ phần Du lịch dầu khí Phương Đông, HĐQT tin tưởng sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 giao và tiếp tục đưa Công ty PTC đạt được những thành quả lớn hơn, đảm bảo sự phát triển bền vững không ngừng gia tăng lợi ích của các cổ đông.



Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của HĐQT PTC trình Đại hội đồng cổ đông năm 2023 xem xét thông qua./.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban kiểm soát;
- Ban tổ chức ĐHĐCĐ PTC 2023;
- Website PTC;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Thảo

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP DL DK Phương Đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội, Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông quy định về quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông xin báo cáo Đại hội kết quả công tác kiểm soát năm 2019 - 2022 như sau:

I. KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH:

1. Hoạt động kinh doanh toàn công ty năm 2019 - 2022.

1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	53,070,493,587	42,634,786,983	21,151,021,069	49,524,162,475
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV	53,070,493,587	42,634,786,983	21,151,021,069	49,524,162,475
4. Giá vốn hàng bán	44,642,722,535	36,654,648,509	25,019,110,611	34,330,943,466
5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV	8,427,771,052	5,980,138,474	-3,868,089,542	15,193,219,009
6. Doanh thu hoạt động tài chính	552,847,067	36,059,078	6,387,341	5,285,969
7. Chi phí tài chính		7,643,847,812	3,652,957,261	2,409,715,301
- Trong đó: Chi phí lãi vay		7,643,847,812		
8. Chi phí bán hàng	630,713,969	534,935,839	395,036,446	393,666,141
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,918,675,449	6,454,598,611	6,126,719,968	8,407,181,665
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2,431,228,701	-8,617,184,710	-14,036,415,876	3,987,941,871
11. Thu nhập khác	801,789,786	498,982,411	385,118,639	1,334,601,136
12. Chi phí khác	807,335,092	474,054,839	1,164,400,083	469,587,717
13. Lợi nhuận khác	-5,545,306	24,927,572	-779,281,444	865,013,419
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,425,683,395	-8,592,257,138	-14,815,697,320	4,852,955,290
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	698,661,169			
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	1,727,022,226	-8,592,257,138	-14,815,697,320	4,852,955,290
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	115	-573	-988	324

Năm 2019: Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ toàn Công ty đạt 53 tỷ 70 triệu đồng. Giảm so với cùng kỳ năm trước 7 tỷ 142 triệu tương đương giảm 11,8% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 2 tỷ 426 triệu, tăng giá trị tuyệt đối 1 tỷ 81 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu giảm chủ yếu ở doanh thu bán hàng Bất động sản do theo kế hoạch.

Doanh thu hoạt động chính của Công ty về lĩnh vực Khách sạn, Nhà hàng năm 2019 thực hiện 43 tỷ 450 triệu đạt 94,6% KH giảm 2,89% so với cùng kỳ, giảm ở doanh thu ăn uống là chủ yếu.

Kết quả kinh doanh năm 2019, mặc dù doanh thu hoạt động chính của công ty không đạt chỉ tiêu kế hoạch, tuy nhiên các chỉ tiêu về chi phí giá vốn, chi phí nhân viên quản lý thực hiện tương ứng giảm nhiều hơn giảm doanh thu, hoạt động kinh doanh có hiệu quả, Lợi nhuận sau thuế tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2020: Công ty hoạt động kinh doanh trong điều kiện hết sức khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid -19. Tổng doanh thu năm 2020 đạt 42 tỷ 635 triệu đồng giảm 10 tỷ 436 triệu đồng hay giảm 9,6% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả kinh doanh lỗ - 8 tỷ 592 triệu đồng.

Năm 2021: Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid -19. Tổng doanh thu năm 2021 đạt 21 tỷ 151 triệu đồng hay giảm 50,4% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả kinh doanh lỗ - 14 tỷ 816 triệu đồng.

Năm 2022: Hoạt động kinh doanh đã được hồi phục sau khi dịch Covid được kiểm soát. Doanh thu thực hiện: 49 tỷ 524 triệu đồng, hoạt động kinh doanh có lãi.

Đánh giá chung:

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty từ năm 2019-2022, do ảnh bởi dịch Covid-19 nên các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận không đạt chỉ tiêu kế hoạch. Đối với lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là Khách sạn Nhà hàng, ngoại trừ ảnh hưởng khách quan của đại dịch Covid-19 tình hình hoạt động kinh doanh về cơ bản ổn định, tổng doanh thu tăng trưởng qua các năm, trong đó dịch vụ buồng phòng có tỷ lệ tăng trưởng do công suất và giá phòng bán bình quân tăng, tuy nhiên doanh thu dịch vụ nhà hàng và doanh thu dịch vụ khác giảm.

Kết quả kinh doanh: Năm 2019 lợi nhuận sau thuế là 1 tỷ 727 triệu đồng; năm 2020 lỗ 8 tỷ 592 triệu đồng, năm 2021 lỗ 14 tỷ 816 triệu đồng. Năm 2022 lợi nhuận sau thuế thu nhập : 4 tỷ 853 triệu đồng. Lũy kế đến hết năm 2022: 41 tỷ 279 triệu đồng.

2. Hoạt động đầu tư:

Hoạt động đầu tư của Công ty về cơ bản được thực hiện theo quy trình mua sắm tài sản của Công ty ban hành và các văn bản pháp lý liên quan hiện hành của Nhà nước.

3. Tình hình Tài chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tài sản	Số cuối 31.12.2022	Số đầu năm 2019	Chênh lệch	
			Giá trị +/-	%
I. Tài sản ngắn hạn	100,798,346,307	116,665,955,892	-15,867,609,585	-13.60
1. Tiền và tương đương tiền	3,089,802,152	16,943,715,479	-13,853,913,327	-81.76
2. Đầu tư TC ngắn hạn			0	
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	94,319,604,222	80,858,120,214	13,461,484,008	16.65
4. Hàng tồn kho	69,843,894	15,267,665,731	-15,197,821,837	-99.54
5. Tài sản ngắn hạn khác	3,319,096,039	3,596,454,468	-277,358,429	-7.71
II. Tài sản dài hạn	169,731,131,733	195,912,955,706	-26,181,823,973	-13.36
1. Các khoản phải thu dài hạn	52,700,000	500,000,000	-447,300,000	-89.46
2. Giá trị còn lại TSCĐ HH	99,366,272,992	128,306,735,777	-28,940,462,785	-22.56
3. Giá trị còn lại BDS đầu tư	47,551,548,479	53,611,206,050	-6,059,657,571	-11.30
4. Chi phí XDCB dở dang	1,301,825,178	965,016,433	336,808,745	34.90
5. Đầu tư tài chính dài hạn	7,896,556,954	12,172,670,000	-4,276,113,046	-35.13
6. Tài sản dài hạn khác	13,562,228,130	357,327,446	13,204,900,684	3695.46
Cộng tài sản	270,529,478,040	312,578,911,598	-42,049,433,558	-13.45
Nguồn vốn	Số cuối 31.12.2022	Số đầu năm 2019	Chênh lệch	
			Giá trị	%
I. Nợ phải trả	138,872,108,479	164,093,565,095	-25,221,456,616	-15.37
1.1. Nợ ngắn hạn	138,718,308,479	139,935,614,743	-1,217,306,264	-0.87
1. Phải trả người bán ngắn hạn	135,065,809,214	129,588,672,008	5,477,137,206	4.23
2. Người mua trả trước ngắn hạn	86,787,540	7,361,031,700	-7,274,244,160	-98.82
3. Thuế và các khoản phải nộp	280,639,170	127,912,733	152,726,437	119.40
4. Phải trả người lao động	1,922,606,887	1,383,342,102	539,264,785	38.98
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	140,053,461	244,451,753	-104,398,292	-42.71
6. Doanh thu chưa thực hiện	188,150,909	257,115,350	-68,964,441	-26.82
7. Phải trả ngắn hạn khác	986,231,498	945,164,097	41,067,401	4.35
8. Vay và nợ thuê tài chính			0	
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	48,029,800	27,925,000	20,104,800	72.00
1.2. Nợ dài hạn	153,800,000	24,157,950,352	-24,004,150,352	-99.36
1. Phải trả dài hạn khác	153,800,000	24,157,950,352	-24,004,150,352	-99.36
II. Vốn CSH	131,657,369,561	148,485,346,503	-16,827,976,942	-11.33
1. Vốn góp của Chủ sở hữu	150,000,000,000	150,000,000,000	0	0.00
2. Thặng dư vốn	22,819,811,566	22,819,811,566	0	0.00
3. Quỹ khác thuộc vốn CSH	116,593,948	116,593,948	0	0.00
4. Lợi nhuận chưa phân phối	-41,279,035,953	-24,451,059,011	-16,827,976,942	68.82
Cộng nguồn vốn	270,529,478,040	312,578,911,598	-42,049,433,558	-13.45

Tổng tài sản, tổng nguồn vốn tại ngày 31/12/2022 là 270 tỷ 529 triệu đồng, giảm 42 tỷ 49 triệu đồng tương ứng giảm 13,45% với đầu năm 2019.

Tài sản ngắn hạn đầu năm 2019 so với cuối năm 2022 giảm 13,6%. Trong đó giảm ở tiền và tương đương tiền 81,76%, tăng khoản phải thu ngắn hạn, giảm hàng tồn kho 99,54%, giảm tài sản ngắn hạn khác 7,7%;

Tài sản dài hạn giảm 13,36%. Trong đó khoản thu dài hạn giảm 89,46% từ khoản ký quỹ với Ngân hàng là 500 triệu để thực hiện dịch vụ xử lý hành hành quốc tế do Công ty thực hiện chấm dứt hoạt động với lý do kinh doanh không hiệu quả. Tài sản cố định giảm chủ yếu là do trích khấu hao; Chi phí XDCB dở dang tăng 34,9%; Đầu tư Tài chính dài hạn khác giảm 35% của khoản góp vốn với Công ty Sài Gòn Kim Liên do trích lập dự phòng tổn thất bởi ảnh hưởng dịch covid-19; Tài sản dài hạn khác đầu tư tăng 13 tỷ 205 triệu đồng

Nợ phải trả giảm 25 tỷ 222 triệu hay giảm 15,37%. Trong đó giảm chủ yếu là khoản tiền đặt cọc của Ngân hàng TMCP Đại Dương với số tiền: 24 tỷ 94 triệu đồng để đầu tư Trung tâm Hội nghị Quốc tế Phương Đông tại 218 Lê Duẩn, Tp Vinh, Nghệ An.

Nguồn vốn chủ sở hữu giảm 16 tỷ 828 triệu đồng hay giảm 11% lợi nhuận trước thuế do tác động ảnh hưởng của dịch covid-19.

Năm 2019-2022, hoạt động kinh doanh không ổn định, nguồn vốn lợi nhuận chưa bù đắp được lỗ lũy kế của các năm trước và năm 2020-2021 kết quả kinh doanh tiếp tục lỗ do tác động của dịch Covid, nguồn vốn khấu hao được sử dụng để hoàn trả tiền đặt cọc xây dựng đầu tư Trung tâm hội nghị và đầu tư mua mới TSCĐ, công cụ dụng cụ phục vụ hoạt động kinh doanh.

4. Thẩm định Báo cáo tài chính:

Ban kiểm soát đánh giá Báo cáo Tài chính đã được Kiểm toán phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính của công ty năm 2019- 2022 cũng như kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các chuẩn mực kế toán hiện hành. Ban kiểm soát đồng ý với nội dung ý kiến ngoại trừ và vấn đề nhấn mạnh của Báo cáo kiểm toán qua các năm 2019- 2022.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ:

1. Hội đồng Quản trị:

Tháng 12 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông đã bầu Hội đồng Quản Trị Công ty bổ sung nhiệm kỳ 2018-2023 đáp bảo đủ số lượng cơ cấu HĐQT quy định tại Điều lệ Công ty gồm có 06 thành viên, trong đó 05 thành viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, 01 thành viên hoạt động theo chế độ chuyên trách. Hoạt động của Hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty. Các Nghị quyết ban hành được thực hiện theo quy định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đáp ứng yêu cầu về công tác nhân sự, kinh doanh của Công ty.

2. Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý:

Hoạt động của ban giám đốc và cán bộ quản lý trong công tác điều hành luôn thực hiện đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả trên cơ sở quy định phân công nhiệm vụ, các quy định về nguyên tắc làm việc của bộ máy điều hành. Cán bộ quản lý tự giác nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng với công việc được giao, về việc thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Nhà nước đã được khắc phục việc chậm trễ, thực hiện công bố thông tin đảm bảo đúng thời gian quy định.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Nhân sự Ban kiểm soát Công ty (PTC) năm 2019-2022, gồm các thành viên:

1. Bà Lê Thị Thu Hương - Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Thành viên
3. Nguyễn Thị Nguyệt - Thành viên (xin từ nhiệm từ 23/06/2020)

Từ 23/06/2020 đến nay hoạt động của BKS với 02 thành viên, các thành viên BKS đã thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, có ý kiến liên quan đến hoạt động của Công ty thuộc phạm vi chức trách của BKS.
- Thực hiện thẩm định Báo cáo Tài chính 6 tháng, năm của Công ty.
- Giám sát việc chấp hành quy định chế độ Báo cáo đối với UBCK, Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Phối hợp tham gia kiểm soát các hoạt động khác do Công ty tổ chức.

IV. KIẾN NGHỊ:

1. Đề nghị ĐHĐCĐ thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
2. Đề xuất Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho tổ chức Niêm yết với chi phí hợp lý, đảm bảo chất lượng và tiến độ kiểm toán mà Công ty yêu cầu cho năm tài chính năm 2023 của Công ty.

V. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2023:

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PTC và nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao. Kế hoạch hoạt động năm 2023:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước.
- Thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ khác của Ban kiểm soát được pháp luật, Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông quy định.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông và mong muốn được các quý vị cổ đông tham gia đóng góp ý kiến để Ban kiểm soát hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao trong năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, GĐ PTC;
- Ban tổ chức ĐHĐCĐ PTC 2023;
- Website PTC;
- Lưu: VT.



TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019-2022 đã kiểm toán
và lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2019-2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/01/2008, sửa đổi bổ sung lần IV ngày 07/2/2019;

- Căn cứ ý kiến đề xuất của Ban kiểm soát Công ty,

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019-2022 của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông đã được kiểm toán (như nội dung tài liệu đính kèm).

2. Thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc quyết định việc lựa chọn Công ty kiểm toán sau:

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam

Thực hiện cung cấp dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính bán niên (6 tháng đầu năm tài chính) và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019-2023 của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban kiểm soát;
- Ban tổ chức ĐHĐCĐ PTC 2023;
- Website PTC;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính PTC năm 2019-2022 đã kiểm toán.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900781381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21/10/2016.

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 15.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: PDC

Trụ sở chính của Công ty tại Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Thanh Thân	Chủ tịch HĐQT	
Ông Đinh Sỹ Đức	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 12/12/2019
Bà Lê Thị Hoàng Yến	Thành viên HĐQT	
Ông Thái Hồng Nhã	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 12/12/2019
Ông Lê Văn Thìn	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 12/12/2019
Bà Phạm Thu Thủy	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 12/12/2019
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 12/12/2019
Ông Trần Hải Nam	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 12/12/2019
Ông Trần Hoài Đức	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 12/12/2019

Ban kiểm soát

Bà Lê Thị Thu Hương	Trưởng Ban kiểm soát	
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 12/12/2019
Bà Nguyễn Thị Việt Hà	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 12/12/2019

Ban Giám đốc

Ông Thái Hồng Nhã	Giám đốc
Bà Trương Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Thái Hồng Nhã - Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Thái Hồng Nhã

Giám đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2020



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 052/2020/BCKT-PB.00008

PKF
Accountants &
business advisers

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty đang hạch toán và theo dõi khoản công nợ chưa được đối chiếu xác nhận trên khoản mục "Người mua trả tiền trước" với số tiền 7.339.059.700 VND.
- Như đã trình bày tại mục số 5.14.2 - Phải trả, phải nộp khác dài hạn khác, tại thời điểm 31/12/2019 Công ty theo dõi khoản tiền nhận đặt cọc của Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương về việc mua, bán bất động sản là Công trình "Trung tâm hội nghị khách sạn Phương Đông tại phường Trường thi, thành phố Vinh" là 11.784.350.352 VND (tại thời điểm 01/01/2019 khoản tiền nhận đặt cọc là 24.094.150.352 VND).

Công trình đã hoàn thành từ năm 2015, tuy nhiên do thủ tục chuyển đổi quyền sở hữu không thành công, nên giao dịch mua bán không được thực hiện. Năm 2019, Công ty đã thực hiện hoàn trả Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương số tiền 12.309.800.000 đồng.

Theo quy định của Hợp đồng đặt cọc: trường hợp Hợp đồng mua bán không được thực hiện, Công ty có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền Ngân hàng Đại Dương đã thanh toán và tiền lãi tương ứng (lãi suất kỳ hạn 12 tháng tại thời điểm hoàn trả + 5%).

Công ty đã có phương án chuyển hợp đồng mua bán bất động sản thành hợp đồng cho thuê ngắn hạn theo CV số 04/CV-PTC ngày 08/01/2018 gửi Ngân hàng Đại Dương, theo đó Công ty sẽ thanh toán tiền lãi phát sinh từ 28/10/2013 đến 18/04/2014, đồng thời Ngân hàng Đại Dương sẽ thanh toán tiền thuê mặt bằng cho Công ty từ 01/09/2014 đến 18/04/2017. Tuy nhiên phương án trên chưa được 2 bên thống nhất. Ước tính chi phí lãi vay phát sinh phải trả theo Hợp đồng trên đến ngày 31/12/2019 là 14.875.276.024 VND. Công ty chưa thực hiện ghi nhận khoản chi phí này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

- Như Công ty đã trình bày tại phần thuyết minh mục số 5.12 - Phải trả người bán ngắn hạn: Ngày 16/11/2015 Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 607/PTC/HTĐT-2015 với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên để thực hiện Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông tại số 167, đường Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An. Theo hợp đồng này hai bên sẽ thành lập pháp nhân mới ở bất kỳ thời điểm nào đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của hai bên để thực hiện và khai thác dự án, xác định tỷ lệ sở hữu của 2 bên khi hoàn thành xong Dự án tương ứng với tỷ lệ góp vốn thực tế của hai bên để thực hiện Dự án. Tuy nhiên, do vướng mắc về mặt pháp lý liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư dự án nên: Công ty đã ký kết các Hợp đồng với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (là bên liên quan của Công ty) theo hình thức chỉ định thầu để thực hiện thi công xây dựng Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông:

Hợp đồng số 658/2015/HĐTT ngày 20/12/2015 về việc lập dự án, chuẩn bị đầu tư, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình với giá trị 77.676.000.000 VND (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Và Hợp đồng số 62/2016/HĐTC ngày 21/02/2016 về việc thi công xây dựng phần hoàn thiện công trình với giá trị 48.489.383.942 VND (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Tính đến ngày lập Báo cáo tài chính, hợp đồng 607/PTC/HTĐT-2015 Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông và Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên chưa thực hiện thanh lý hợp đồng số 607/PTC/HTĐT-2015.



Phạm Tuấn Vũ

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2030-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Đặng Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2505-2019-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		101.812.342.030	116.665.955.892
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.456.849.083	16.943.715.479
1. Tiền	111		3.456.849.083	9.860.082.229
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7.083.633.250
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		92.392.344.390	80.858.120.214
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	100.400.527.796	87.852.775.834
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	28.985.146.007	30.082.264.721
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	8.535.541.596	8.451.950.668
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(45.528.871.009)	(45.528.871.009)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.6	5.282.390.497	15.267.665.731
1. Hàng tồn kho	141		5.282.390.497	15.267.665.731
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		680.758.060	3.596.454.468
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	343.628.015	339.260.108
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		337.130.045	2.929.479.127
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.15	-	327.715.233
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		201.598.272.671	195.912.955.706
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	500.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	500.000.000	500.000.000
II/ Tài sản cố định	220		121.740.695.929	128.306.735.777
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	121.740.695.929	128.306.735.777
- Nguyên giá	222		208.959.210.084	206.845.387.204
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(87.218.514.155)	(78.538.651.427)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		442.380.500	442.380.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(442.380.500)	(442.380.500)
III/ Bất động sản đầu tư	230	5.9	52.359.267.603	53.611.206.050
- Nguyên giá	231		57.692.617.503	57.210.892.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.333.349.900)	(3.599.686.500)
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		309.842.006	965.016.433
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	309.842.006	965.016.433
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.172.670.000	12.172.670.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.11	12.172.670.000	12.172.670.000
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		14.515.797.133	357.327.446
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	14.515.797.133	357.327.446
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		303.410.614.701	312.578.911.598

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2019	01/01/2019
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		153.198.245.972	164.093.565.095
I/ Nợ ngắn hạn	310		141.350.095.620	139.935.614.743
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	131.141.026.519	129.588.672.008
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	7.351.159.700	7.361.031.700
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	502.429.357	127.912.733
4. Phải trả người lao động	314		1.479.149.998	1.383.342.102
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	273.010.690	244.451.753
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	271.933.939	257.115.350
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	303.460.417	945.164.097
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		27.925.000	27.925.000
II/ Nợ dài hạn	330		11.848.150.352	24.157.950.352
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	11.848.150.352	24.157.950.352
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		150.212.368.729	148.485.346.503
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.18	150.212.368.729	148.485.346.503
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		22.819.811.566	22.819.811.566
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		116.593.948	116.593.948
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(22.724.036.785)	(24.451.059.011)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(24.451.059.011)	(24.564.164.769)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.727.022.226	113.105.758
III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		303.410.614.701	312.578.911.598



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thúy Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Nga
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	53.070.493.587	60.213.778.815
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		53.070.493.587	60.213.778.815
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	44.642.722.535	52.416.451.328
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.427.771.052	7.797.327.487
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	552.847.067	728.959.329
7. Chi phí tài chính	22		-	16.950
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		630.713.969	592.995.081
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	5.918.675.449	5.588.078.153
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.431.228.701	2.345.196.632
11. Thu nhập khác	31	6.5	801.789.786	794.097.312
12. Chi phí khác	32	6.6	807.335.092	1.794.690.927
13. Lợi nhuận khác	40		(5.545.306)	(1.000.593.615)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.425.683.395	1.344.603.017
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	698.661.169	1.231.497.259
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.727.022.226	113.105.758
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	115	8
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.8	115	8



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thúy Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Nga
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

		Đơn vị tính: VND		
	MS	Năm 2019	Năm 2018	
I.				
1.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	2.425.683.395	1.344.603.017
2.	Điều chỉnh cho các khoản			
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10.536.929.139	11.258.334.247
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	7.420
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(552.847.067)	465.707.116
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.409.765.467	13.068.651.800
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.614.159.861)	(10.688.556.895)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9.985.275.234	3.741.792.973
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(11.593.980.292)	2.215.149.191
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(14.162.837.594)	640.031.379
-	Thuế TNDN đã nộp	15	-	(2.408.624.498)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.975.937.046)	6.568.443.950
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.063.776.417)	(10.500.398.464)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	36.363.636
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	552.847.067	728.949.799
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.510.929.350)	(9.735.085.029)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(13.486.866.396)	(3.166.641.079)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.943.715.479	20.110.356.558
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.456.849.083	16.943.715.479



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thúy Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Nga
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900781381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21/10/2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 29/09/2009 với mã chứng khoán là PDC, số lượng cổ phiếu là 15.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 10 là 150.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, điều hành tour du lịch.

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn);
- Đại lý dịch vụ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, ...);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Điều hành tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ ngành du lịch;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân đầu (Chi tiết: Bán buôn phân bón);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn đồ dùng khác trong gia đình (Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc chủ đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Bán vé máy bay và các phương tiện vận chuyển công cộng);
- Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các hàng hoá chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác (Chi tiết: Đại lý thu hồi ngoại tệ);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2019, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa, phục hồi tài sản

Các chi phí sửa chữa, phục hồi tài sản phát sinh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khối ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	70.030.874	415.966.264
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.386.818.209	9.444.115.965
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	7.083.633.250
Cộng	<u>3.456.849.083</u>	<u>16.943.715.479</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	80.187.950.831	-	68.368.459.715	-
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (i)	80.187.950.831	-	68.368.459.715	-
Các bên khác	20.212.576.965	(17.919.639.386)	19.484.316.119	(17.919.639.386)
Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH (ii)	17.341.643.231	(17.341.643.231)	17.341.643.231	(17.341.643.231)
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.870.933.734	(577.996.155)	2.142.672.888	(577.996.155)
Cộng	100.400.527.796	(17.919.639.386)	87.852.775.834	(17.919.639.386)

(i) Chi tiết tại mục 5.12

(ii) Chi tiết tại mục 5.3

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH (i)	27.097.000.000	(27.097.000.000)	27.097.000.000	(27.097.000.000)
Các khoản trả trước cho người bán khác	1.888.146.007	(130.593.850)	2.985.264.721	(130.593.850)
Cộng	28.985.146.007	(27.227.593.850)	30.082.264.721	(27.227.593.850)

(i) Khoản phải thu và khoản trả trước cho Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH được thực hiện theo các Hợp đồng về việc mua bán sản lát khô đựng bao.

Ngày 18/01/2010, Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum đã ra Quyết định số 01/2010/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH và đã gửi Thông báo số 01/PS-TBTA ngày 25/01/2010 tới Công ty với tư cách là chủ nợ thương mại theo quy định của Luật Phá sản. Ngày 13/12/2011, Công ty đã nhận được Quyết định phân chia tài sản từ Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum về số tài sản của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH với số tiền thu hồi là 78.356.769 đồng. Ngày 11/01/2012, Công ty đã nhận được Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum. Công ty đã thực hiện trích lập 100% dự phòng cho các khoản công nợ phải thu khó đòi này với số tiền 44.438.643.231 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.4 Phải thu khác

5.4.1 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	7.339.059.700	-	7.339.059.700	-
Ông Lê Thanh Thần	7.339.059.700	-	7.339.059.700	-
Các bên khác	1.196.481.896	(381.637.773)	1.112.890.968	(381.637.773)
Tiền tạm ứng cho CBNV	373.874.773	(369.674.773)	423.674.773	(369.674.773)
Phải thu khác	822.607.123	(11.963.000)	689.216.195	(11.963.000)
Cộng	8.535.541.596	(381.637.773)	8.451.950.668	(381.637.773)

5.4.2 Phải thu khác dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	500.000.000	-	500.000.000	-

5.5 Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH	44.438.643.231	-	44.438.643.231	-
Các đối tượng khác	1.090.227.778	-	1.090.227.778	-
Cộng	45.528.871.009	-	45.528.871.009	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	353.863.104	-	490.542.200	-
Công cụ, dụng cụ	23.740.473	-	65.364.980	-
Thành phẩm bất động sản	4.904.786.920	-	14.711.758.551	-
Cộng	5.282.390.497	-	15.267.665.731	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.7 Chi phí trả trước

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>31/12/2019</u> VND	<u>01/01/2019</u> VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	343.628.015	339.260.108
Cộng	<u>343.628.015</u>	<u>339.260.108</u>

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2019</u> VND	<u>01/01/2019</u> VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	377.419.594	357.327.446
Chi phí sửa chữa, nội thất	14.138.377.539	-
Cộng	<u>14.515.797.133</u>	<u>357.327.446</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định

5.8.1 Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2019	174.177.903.200	28.760.155.190	2.972.053.983	935.274.831	206.845.387.204
Mua trong năm	-	1.150.787.000	-	1.081.855.560	2.232.642.560
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(118.819.680)	(118.819.680)
Số dư tại 31/12/2019	174.177.903.200	29.910.942.190	2.972.053.983	1.898.310.711	208.959.210.084
GIÁ TRỊ HAO MÓN					
Số dư tại 01/01/2019	53.393.026.411	21.882.384.157	2.487.059.134	776.181.725	78.538.651.427
Khấu hao trong năm	6.184.483.307	2.176.878.157	139.554.000	302.350.275	8.803.265.739
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(118.819.680)	(118.819.680)
Giảm khác	(4.583.331)	-	-	-	(4.583.331)
Số dư tại 31/12/2019	59.572.926.387	24.059.262.314	2.626.613.134	959.712.320	87.218.514.155
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2019	120.784.876.789	6.877.771.033	484.994.849	159.093.106	128.306.735.777
Số dư tại 31/12/2019	114.604.976.813	5.851.679.876	345.440.849	938.598.391	121.740.695.929

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019 là 13.980.000.632 VND, tại 01/01/2019 là 9.565.107.883 VND.

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản phải trả tại 31/12/2019 là 25.191.273.335 VND, tại 01/01/2019 là 26.570.166.611 VND (i).

(i) Là giá trị còn lại của TSCĐ "Trung tâm hội nghị khách sạn Phương Đông" dùng để thế chấp cho khoản tiền nhận của Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương theo Hợp đồng đặt cọc mua, bán bất động sản số 02/2013/HĐĐC/OJB-PDC ngày 15/10/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.8.2 Tăng, giảm TSCĐ vô hình

	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2019	442.380.500	442.380.500
Số dư tại 31/12/2019	<u>442.380.500</u>	<u>442.380.500</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư tại 01/01/2019	442.380.500	442.380.500
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2019	<u>442.380.500</u>	<u>442.380.500</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2019	-	-
Số dư tại 31/12/2019	<u>-</u>	<u>-</u>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là: 442.380.500 VND; tại ngày 01/01/2019 là: 442.380.500 VND.

5.9 Bất động sản đầu tư

	Nhà và quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2019	57.210.892.550	57.210.892.550
Tăng khác	481.724.953	481.724.953
Số dư tại 31/12/2019	<u>57.692.617.503</u>	<u>57.692.617.503</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư tại 01/01/2019	3.599.686.500	3.599.686.500
Khấu hao trong năm	1.733.663.400	1.733.663.400
Số dư tại 31/12/2019	<u>5.333.349.900</u>	<u>5.333.349.900</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2019	53.611.206.050	53.611.206.050
Số dư tại 31/12/2019	<u>52.359.267.603</u>	<u>52.359.267.603</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Sửa chữa	309.842.006	965.016.433
Cải tạo sảnh khách sạn Phương Đông	309.842.006	965.016.433
Cộng	309.842.006	965.016.433

5.11 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	DP VND	Giá hợp lý VND	Giá gốc VND	DP VND	Giá hợp lý VND
Công ty CP Sài Gòn - Kim Liên (i)	12.172.670.000	-	12.172.670.000	12.172.670.000	-	12.172.670.000
Cộng	12.172.670.000	-	12.172.670.000	12.172.670.000	-	12.172.670.000

(i) Khoản đầu tư vào Công ty CP Sài Gòn - Kim Liên: số lượng cổ phiếu nắm giữ là 1.217.267 cổ phần (tương đương với 16,45% quyền biểu quyết), hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn.

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	125.785.569.288	125.785.569.288	124.761.146.449	124.761.146.449
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (i)	125.785.569.288	125.785.569.288	124.761.146.449	124.761.146.449
Các bên khác	5.355.457.231	5.355.457.231	4.827.525.559	4.827.525.559
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	4.655.619.963	4.655.619.963	4.655.619.963	4.655.619.963
Phải trả cho các đối tượng khác	699.837.268	699.837.268	171.905.596	171.905.596
Cộng	131.141.026.519	131.141.026.519	129.588.672.008	129.588.672.008

(i) Công ty đang ghi nhận các khoản công nợ phải thu, công nợ phải trả với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên:

- Khoản phải thu khách hàng với số tiền 80.187.950.831 VND;
- Khoản phải trả người bán ngắn hạn số tiền 125.785.569.288 VND.

Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông (Bên A) và Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (Bên B) đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 607/PTC/HTĐT-2015 ngày 16/11/2015 để thực hiện Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông tại địa điểm trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Hai bên thống nhất hợp tác đầu tư và thành lập pháp nhân mới ở bất kỳ thời điểm nào đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của hai bên để thực hiện và khai thác dự án, xác định tỷ lệ sở hữu của 2 bên khi hoàn thành xong Dự án tương ứng với tỷ lệ góp vốn thực tế của hai bên để thực hiện Dự án, cụ thể:

+ Bên A: Góp vốn bằng toàn bộ các quyền, quyền lợi, lợi ích của chủ đầu tư phát sinh từ Dự án tại lô đất số 167 Nguyễn Phong Sắc, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An (được định giá dựa trên lợi thế thương mại của Dự án và các chi phí bên A đã bỏ ra trong quá trình triển khai Dự án tính đến thời điểm hợp tác). Hai bên tạm thống nhất giá trị tài sản góp vốn của Bên A nên trên là 10 tỷ đồng trên cơ sở văn bản định giá đất số 1671/STC-QLG&CS ngày 19/06/2013 của Sở tài chính tỉnh Nghệ An.

+ Bên B: Góp vốn bằng tiền, tài sản và hình thức khác bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình xây dựng, thực hiện Dự án (bao gồm nhưng không giới hạn trong các giai đoạn triển khai Dự án, thiết kế điều chỉnh, xây dựng Dự án,...). Tỷ lệ sở hữu của Bên B tại pháp nhân được thành lập sẽ được xác định trên cơ sở số tiền góp vốn thực tế Bên B đã góp trong quá trình triển khai Dự án.

Tuy nhiên, do vướng mắc về mặt pháp lý liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư dự án nên Công ty đã ký kết các Hợp đồng với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (là bên liên quan của Công ty) theo hình thức chỉ định thầu để thực hiện thi công xây dựng Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông:

Hợp đồng số 658/2015/HĐTT ngày 20/12/2015 về việc lập dự án, chuẩn bị đầu tư, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình với giá trị 77.676.000.000 đồng (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Và Hợp đồng số 62/2016/HĐTC ngày 21/02/2016 về việc thi công xây dựng phần hoàn thiện công trình với giá trị 48.489.383.942 đồng (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Tính đến ngày lập Báo cáo tài chính, hợp đồng số 607/PTC/HTĐT-2015 giữa công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên vẫn chưa thực hiện thanh lý.

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Khách hàng trả tiền hàng	7.339.059.700	7.339.059.700	7.339.059.700	7.339.059.700
Các đối tượng khác	12.100.000	12.100.000	21.972.000	21.972.000
Cộng	7.351.159.700	7.351.159.700	7.361.031.700	7.361.031.700

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.14 Các khoản phải trả, phải nộp khác

5.14.1 Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Kinh phí công đoàn	52.941.694	52.941.694	156.128.314	156.128.314
Bảo hiểm xã hội	133.162.995	133.162.995	130.183.441	130.183.441
Bảo hiểm y tế	17.985.733	17.985.733	17.436.613	17.436.613
Bảo hiểm thất nghiệp	9.369.995	9.369.995	9.140.627	9.140.627
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	90.000.000	90.000.000	95.000.000	95.000.000
Phải trả khác	-	-	537.275.102	537.275.102
Cộng	303.460.417	303.460.417	945.164.097	945.164.097

5.14.2 Phải trả, phải nộp khác dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương (i)	11.784.350.352	11.784.350.352	24.094.150.352	24.094.150.352
Phải trả dài hạn khác	63.800.000	63.800.000	63.800.000	63.800.000
Cộng	11.848.150.352	11.848.150.352	24.157.950.352	24.157.950.352

(i) Khoản tiền nhận của Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương theo Hợp đồng đặt cọc mua, bán bất động sản số 02/2013/HĐĐC/OJB-PDC ngày 15/10/2013.

Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông (Bên A) là Chủ đầu tư Dự án "Trung tâm hội nghị khách sạn Phương Đông tại phường Trường thi, thành phố Vinh" (gọi tắt là "Công trình") tại số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An. Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương (Bên B) có nhu cầu mua toàn bộ mặt bằng tầng 1 phần Công trình để làm trụ sở kinh doanh của Bên B. Hai bên sẽ ký Hợp đồng mua bán chính thức diện tích mua đã được hoàn thiện về cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng với giá mua bán là 33.963.000.000 VND.

Tại thời điểm 31/12/2019, khoản tiền đặt cọc do giao dịch mua bán không được thực hiện mà bên A còn phải hoàn trả bên B là: 11.784.350.352 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.15 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	50.671.596	449.981.360	449.995.473	-	50.657.483
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	370.945.926	-	698.661.159	327.715.233	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	78.051.984	22.939.783	26.496.368	-	74.495.399
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.321.551.226	1.321.551.226	-	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	2.759.851	-	-	-	2.759.851
Cộng	-	502.429.357	1.798.472.369	2.500.704.226	327.715.233	127.912.733

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phí kiểm toán	63.636.364	-
Các khoản trích trước khác	209.374.326	244.451.753
Cộng	273.010.690	244.451.753

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	271.933.939	257.115.350
Cộng	271.933.939	257.115.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.18 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2018	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(24.564.164.769)	148.372.240.745
Lãi trong năm	-	-	-	113.105.758	113.105.758
Số dư tại 31/12/2018	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(24.451.059.011)	148.485.346.503
Số dư tại 01/01/2019	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(24.451.059.011)	148.485.346.503
Lãi trong năm	-	-	-	1.727.022.226	1.727.022.226
Số dư tại 31/12/2019	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(22.724.036.785)	150.212.368.729

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019			01/01/2019		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Lê Thanh Thân	3.000.000	30.000.000.000	20,00%	3.000.000	30.000.000.000	20,00%
Ông Lê Kim Giang	3.219.456	32.194.560.000	21,46%	3.219.456	32.194.560.000	21,46%
Ông Đỗ Trung Kiên	2.850.000	28.500.000.000	19,00%	2.850.000	28.500.000.000	19,00%
Bà Lê Thị Hoàng Yến	1.406.000	14.060.000.000	9,37%	1.406.000	14.060.000.000	9,37%
Bà Phạm Thị Thu Thủy	1.659.000	16.590.000.000	11,06%	1.659.000	16.590.000.000	11,06%
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	1.470.000	14.700.000.000	9,80%	1.470.000	14.700.000.000	9,80%
Vốn góp của cổ đông khác	1.395.544	13.955.440.000	9,30%	1.395.544	13.955.440.000	9,30%
Cộng	15.000.000	150.000.000.000	100%	15.000.000	150.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
Cổ phiếu		
	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.449.481.352	44.774.421.159
Doanh thu kinh doanh bất động sản	9.621.012.235	15.439.357.656
Cộng	53.070.493.587	60.213.778.815

6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên	1.980.000.000	1.980.000.000
Cộng	1.980.000.000	1.980.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn kinh doanh khách sạn, nhà hàng và dịch vụ khác	34.293.053.018	39.043.409.060
Giá vốn kinh doanh bất động sản	10.349.669.517	13.373.042.268
Cộng	44.642.722.535	52.416.451.328

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	361.789.661	473.993.192
Cổ tức, lợi nhuận được chia	190.868.372	254.956.607
Lãi chênh lệch tỷ giá	189.034	9.530
Cộng	552.847.067	728.959.329

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.853.916.347	4.415.713.406
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.064.759.102	1.172.364.747
Cộng	5.918.675.449	5.588.078.153

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu tiền điện, nước	798.703.786	794.076.811
Các khoản khác	3.086.000	20.501
Cộng	801.789.786	794.097.312

6.6 Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thanh lý tài sản	-	465.707.116
Chi phí điện, nước	807.335.090	-
Các khoản bị phạt	-	243.807.266
Các khoản khác	2	1.085.176.545
Cộng	807.335.092	1.794.690.927

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.425.683.395	1.344.603.017
Hoạt động kinh doanh bất động sản	(1.801.638.614)	633.481.593
Hoạt động kinh doanh khác	4.227.322.009	711.121.424
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	1.067.622.452	20.493.666
Hoạt động kinh doanh bất động sản	1.258.490.824	(141.679.780)
Các khoản điều chỉnh tăng	968.096.875	-
Các khoản chi phí không được trừ	968.096.875	-
Các khoản điều chỉnh giảm	290.393.949	(141.679.780)
Doanh thu đã tính thuế TNDN kỳ trước	290.393.949	(141.679.780)
Các khoản giảm khác	-	-
Hoạt động kinh doanh khác	(190.868.372)	162.173.446
Các khoản điều chỉnh tăng	-	417.130.053
Các khoản chi phí không được trừ	-	417.130.053
Các khoản điều chỉnh giảm	(190.868.372)	(254.956.607)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(190.868.372)	(254.956.607)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	3.493.305.847	1.365.096.683
Hoạt động kinh doanh bất động sản	(543.147.791)	491.801.813
Hoạt động kinh doanh khác	4.036.453.637	873.294.870
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	-	-
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	698.661.169	273.019.337
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	958.477.922
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	698.661.169	1.231.497.259

6.8 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.727.022.226	113.105.758
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	1.727.022.226	113.105.758
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	115	8
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	115	8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.2.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch, số dư với Công ty trong năm

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên	Ông Lê Thanh Thân - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông đồng thời là Giám đốc Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên
Ông Lê Thanh Thân	Chủ tịch HĐQT

8.2.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các thuyết minh trên.

Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm 2019</u> <i>VND</i>	<u>Năm 2018</u> <i>VND</i>
Thu nhập của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	1.084.763.796	1.169.643.681

8.2.3 Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh số 5.2, 5.4, 5.12.

8.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc.

8.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG
Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

8.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Thị Thúy Nga
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Nga
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900781381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21/10/2016.

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 15.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: PDC

Trụ sở chính của Công ty tại Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Thanh Thân	Chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Sỹ Đức	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Thị Hoàng Yến	Thành viên HĐQT
Ông Thái Hồng Nhã	Thành viên HĐQT
Ông Lê Văn Thìn	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thu Hương	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Việt Hà	Thành viên Ban kiểm soát

Ban Giám đốc

Ông Thái Hồng Nhã	Giám đốc
Bà Trương Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Thái Hồng Nhã - Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Thái Hồng Nhã

Giám đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2021



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 050/2021/BCKT-PB.00075



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty đang hạch toán và theo dõi khoản công nợ chưa được đối chiếu xác nhận trên khoản mục "Người mua trả tiền trước" với số tiền 7.339.059.700 VND.
- Như đã thuyết minh tại mục số 7.3 "Số liệu so sánh", Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố mà ghi nhận toàn bộ vào báo cáo tài chính năm 2020 khoản doanh thu từ cho thuê mặt bằng và khoản chi phí tài chính phát sinh từ biên bản thỏa thuận số 133/2019/BBTT/OJB-PDC ngày 29/10/2019 ký với Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương về việc chấm dứt Hợp đồng đặt cọc về việc mua, bán bất động sản là công trình Trung tâm hội nghị khách sạn Phương Đông tại phường Trường Thi, thành phố Vinh.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

- Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 7.4 - "Thông tin hoạt động liên tục" về sự kiện khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty có dấu hiệu không được đảm bảo. Tuy nhiên, Ban Giám đốc khẳng định Công ty vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2020 được lập dựa trên giả định Công ty tiếp tục hoạt động là phù hợp.
- Như Công ty đã trình bày tại phần thuyết minh mục số 5.12 - Phải trả người bán ngắn hạn: Ngày 16/11/2015 Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 607/PTC/HTĐT-2015 với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên để thực hiện Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông tại số 167, đường Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An. Theo hợp đồng này hai bên sẽ thành lập pháp nhân mới ở bất kỳ thời điểm nào đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của hai bên để thực hiện và khai thác dự án, xác định tỷ lệ sở hữu của 2 bên khi hoàn thành xong Dự án tương ứng với tỷ lệ góp vốn thực tế của hai bên để thực hiện Dự án. Tuy nhiên, do vướng mắc về mặt pháp lý liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư dự án nên: Công ty đã ký kết các Hợp đồng với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (là bên liên quan của Công ty) theo hình thức chỉ định thầu để thực hiện thi công xây dựng Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông:

Hợp đồng số 658/2015/HĐTT ngày 20/12/2015 về việc lập dự án, chuẩn bị đầu tư, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình với giá trị 77.676.000.000 VND (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Và Hợp đồng số 62/2016/HĐTC ngày 21/02/2016 về việc thi công xây dựng phần hoàn thiện công trình với giá trị 48.489.383.942 VND (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Tính đến ngày lập Báo cáo Kiểm toán năm 2020, Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông và Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên chưa thực hiện thanh lý hợp đồng số 607/PTC/HTĐT-2015.



Ông Thế Đức

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0855-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2021

Lê Viết Cường

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2478-2018-009-1

WZA - M - H / 011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99.248.416.194	101.812.342.030
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.555.300.342	3.456.849.083
1. Tiền	111		5.555.300.342	3.456.849.083
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.742.145.927	92.392.344.390
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	101.210.488.034	100.400.527.796
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	27.982.493.151	28.985.146.007
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	8.078.035.751	8.535.541.596
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(45.528.871.009)	(45.528.871.009)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.6	1.929.896.803	5.282.390.497
1. Hàng tồn kho	141		1.929.896.803	5.282.390.497
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		21.073.122	680.758.060
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	21.073.122	343.628.015
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	337.130.045
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		197.238.537.347	201.598.272.671
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	500.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	500.000.000	500.000.000
II/ Tài sản cố định	220		113.232.933.299	121.740.695.929
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	113.232.933.299	121.740.695.929
- Nguyên giá	222		209.272.062.084	208.959.210.084
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(96.039.128.785)	(87.218.514.155)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		442.380.500	442.380.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(442.380.500)	(442.380.500)
III/ Bất động sản đầu tư	230	5.9	50.611.005.467	52.359.267.603
- Nguyên giá	231		57.692.617.503	57.692.617.503
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.081.612.036)	(5.333.349.900)
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	309.842.006
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	-	309.842.006
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.172.670.000	12.172.670.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.11	12.172.670.000	12.172.670.000
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		20.721.928.581	14.515.797.133
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	20.721.928.581	14.515.797.133
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		296.486.953.541	303.410.614.701

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		154.866.841.950	153.198.245.972
I/ Nợ ngắn hạn	310		154.803.041.950	141.350.095.620
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	134.781.333.474	131.141.026.519
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	7.379.359.700	7.351.159.700
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	517.299.711	502.429.357
4. Phải trả người lao động	314		1.469.106.300	1.479.149.998
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	336.778.692	273.010.690
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	386.004.359	271.933.939
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	9.905.234.714	303.460.417
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		27.925.000	27.925.000
II/ Nợ dài hạn	330		63.800.000	11.848.150.352
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	63.800.000	11.848.150.352
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		141.620.111.591	150.212.368.729
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.18	141.620.111.591	150.212.368.729
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		22.819.811.566	22.819.811.566
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		116.593.948	116.593.948
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(31.316.293.923)	(22.724.036.785)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(22.724.036.785)	(24.451.059.011)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.592.257.138)	1.727.022.226
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		296.486.953.541	303.410.614.701



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯỜNG ĐÔNG

Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	42.634.786.983	53.070.493.587
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		42.634.786.983	53.070.493.587
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	36.654.648.509	44.642.722.535
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.980.138.474	8.427.771.052
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	36.059.078	552.847.067
7. Chi phí tài chính	22	6.4	7.643.847.812	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.643.847.812	-
8. Chi phí bán hàng	25		534.935.839	630.713.969
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.454.598.611	5.918.675.449
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.617.184.710)	2.431.228.701
11. Thu nhập khác	31	6.6	498.982.411	801.789.786
12. Chi phí khác	32	6.7	474.054.839	807.335.092
13. Lợi nhuận khác	40		24.927.572	(5.545.306)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.592.257.138)	2.425.683.395
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	698.661.169
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8.592.257.138)	1.727.022.226
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(573)	115
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	(573)	115



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiêu		MS	Năm 2020	Đơn vị tính: VND Năm 2019
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	(8.592.257.138)	2.425.683.395
2.	Điều chỉnh cho các khoản			
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10.568.876.766	10.536.929.139
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(36.059.078)	(552.847.067)
-	Chi phí lãi vay	06	7.643.847.812	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.584.408.362	12.409.765.467
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	987.328.508	(8.614.159.861)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.352.493.694	9.985.275.234
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(5.301.632.817)	(11.593.980.292)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.883.576.555)	(14.162.837.594)
-	Thuế TNDN đã nộp	15	(363.777.011)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.375.244.181	(11.975.937.046)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(312.852.000)	(2.063.776.417)
2.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	36.059.078	552.847.067
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(276.792.922)	(1.510.929.350)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.098.451.259	(13.486.866.396)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.456.849.083	16.943.715.479
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.555.300.342	3.456.849.083



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập biểu

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900781381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21/10/2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 29/09/2009 với mã chứng khoán là PDC, số lượng cổ phiếu là 15.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 10 là 150.000.000.000 VND (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, điều hành tour du lịch.

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn);
- Đại lý dịch vụ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, ...);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Điều hành tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh du lịch nội hành nội địa, quốc tế);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ ngành du lịch;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân đầu (Chi tiết: Bán buôn phân bón);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn đồ dùng khác trong gia đình (Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc chủ đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Bán vé máy bay và các phương tiện vận chuyển công cộng);
- Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các hàng hoá chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác (Chi tiết: Đại lý thu hồi ngoại tệ);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên doanh thu và lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2020 của Công ty giảm đáng kể so với năm trước.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa, phục hồi tài sản

Các chi phí sửa chữa, phục hồi tài sản phát sinh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	116.705.367	70.030.874
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.438.594.975	3.386.818.209
Cộng	5.555.300.342	3.456.849.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	82.638.411.338	-	80.187.950.831	-
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (i)	82.638.411.338	-	80.187.950.831	-
Các bên khác	18.572.076.696	(17.919.639.386)	20.212.576.965	(17.919.639.386)
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận (ii)	17.341.643.231	(17.341.643.231)	17.341.643.231	(17.341.643.231)
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.230.433.465	(577.996.155)	2.870.933.734	(577.996.155)
Cộng	101.210.488.034	(17.919.639.386)	100.400.527.796	(17.919.639.386)

(i) Chi tiết tại mục 5.12

(ii) Chi tiết tại mục 5.3

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận (i)	27.097.000.000	(27.097.000.000)	27.097.000.000	(27.097.000.000)
Các khoản trả trước cho người bán khác	885.493.151	(130.593.850)	1.888.146.007	(130.593.850)
Cộng	27.982.493.151	(27.227.593.850)	28.985.146.007	(27.227.593.850)

(i) Khoản phải thu và khoản trả trước cho Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH được thực hiện theo các Hợp đồng về việc mua bán sản lát khô đưng bao.

Ngày 18/01/2010, Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum đã ra Quyết định số 01/2010/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH và đã gửi Thông báo số 01/PS-TBTA ngày 25/01/2010 tới Công ty với tư cách là chủ nợ thương mại theo quy định của Luật Phá sản. Ngày 13/12/2011, Công ty đã nhận được Quyết định phân chia tài sản từ Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum về số tài sản của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH với số tiền thu hồi là 78.356.769 đồng. Ngày 11/01/2012, Công ty đã nhận được Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum. Công ty đã thực hiện trích lập 100% dự phòng cho các khoản công nợ phải thu khó đòi này với số tiền 44.438.643.231 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.4 Phải thu khác

5.4.1 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	7.339.059.700	-	7.339.059.700	-
Ông Lê Thanh Thần	7.339.059.700	-	7.339.059.700	-
Các bên khác	738.976.051	(381.637.773)	1.196.481.896	(381.637.773)
Tiền tạm ứng cho CBNV	369.674.773	(369.674.773)	373.874.773	(369.674.773)
Phải thu khác	369.301.278	(11.963.000)	822.607.123	(11.963.000)
Cộng	8.078.035.751	(381.637.773)	8.535.541.596	(381.637.773)

5.4.2 Phải thu khác dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Kỳ quỹ, ký cược (i)	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	500.000.000	-	500.000.000	-

(i) Số tiền ký quỹ với Ngân hàng để thực hiện dịch vụ lữ hành quốc tế.

5.5 Nợ xấu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận	44.438.643.231	-	44.438.643.231	-
Các đối tượng khác	1.090.227.778	-	1.090.227.778	-
Cộng	45.528.871.009	-	45.528.871.009	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	238.699.853	-	353.863.104	-
Công cụ, dụng cụ	478.293.472	-	23.740.473	-
Thành phẩm bất động sản	1.212.903.478	-	4.904.786.920	-
Cộng	1.929.896.803	-	5.282.390.497	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.7 Chi phí trả trước

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	21.073.122	343.628.015
Cộng	21.073.122	343.628.015

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa nội thất (VND)	Công cụ, dụng cụ xuất dùng (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư đầu năm	14.138.377.539	377.419.594	14.515.797.133
Tăng trong năm	12.460.237.634	6.218.227	12.466.455.861
Phân bổ trong năm	5.933.008.678	327.315.735	6.260.324.413
Số dư cuối năm	20.665.606.495	56.322.086	20.721.928.581

5.8 Tăng, giảm TSCĐ

5.8.1 Tăng, giảm TSCĐ vô hình

	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2020	442.380.500	442.380.500
Số dư tại 31/12/2020	442.380.500	442.380.500
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư tại 01/01/2020	442.380.500	442.380.500
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	442.380.500	442.380.500
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2020	-	-
Số dư tại 31/12/2020	-	-

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là: 442.380.500 VND; tại ngày 01/01/2020 là: 442.380.500 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.8.2 Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2020	174.177.903.200	29.910.942.190	2.972.053.983	1.898.310.711	208.959.210.084
Mua trong năm	-	312.852.000	-	-	312.852.000
Số dư tại 31/12/2020	174.177.903.200	30.223.794.190	2.972.053.983	1.898.310.711	209.272.062.084
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/01/2020	59.572.926.387	24.059.262.314	2.626.613.134	959.712.320	87.218.514.155
Khấu hao trong năm	6.339.972.848	2.062.816.534	139.554.026	278.271.223	8.820.614.630
Số dư tại 31/12/2020	65.912.899.235	26.122.078.848	2.766.167.160	1.237.983.543	96.039.128.785
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2020	114.604.976.813	5.851.679.876	345.440.849	938.598.391	121.740.695.929
Số dư tại 31/12/2020	108.265.003.965	4.101.715.342	205.886.823	660.327.168	113.232.933.299

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2020 là 16.950.450.883 VND, tại 01/01/2020 là 13.980.000.632 VND.

- Giá trị còn lại còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản phải trả tại 31/12/2020 là 23.812.380.059 VND, tại 01/01/2020 là 25.191.273.335 VND (i).

(i) Là giá trị còn lại của TSCĐ "Trung tâm hội nghị khách sạn Phương Đông" dùng để thế chấp cho khoản tiền nhận của Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương theo Hợp đồng đặt cọc mua, bán bất động sản số 02/2013/HĐĐC/OJB-PDC ngày 15/10/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.9 Bất động sản đầu tư

	Nhà và quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2020	57.692.617.503	57.692.617.503
Số dư tại 31/12/2020	<u>57.692.617.503</u>	<u>57.692.617.503</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư tại 01/01/2020	5.333.349.900	5.333.349.900
Khấu hao trong năm	1.748.262.136	1.748.262.136
Số dư tại 31/12/2020	<u>7.081.612.036</u>	<u>7.081.612.036</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2020	52.359.267.603	52.359.267.603
Số dư tại 31/12/2020	<u>50.611.005.467</u>	<u>50.611.005.467</u>

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Sửa chữa	-	309.842.006
Cải tạo sảnh khách sạn Phương Đông	-	309.842.006
Cộng	<u>-</u>	<u>309.842.006</u>

5.11 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	DP	Giá hợp lý	Giá gốc	DP	Giá hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Sài Gòn - Kim Liên (i)	12.172.670.000	-	12.172.670.000	12.172.670.000	-	12.172.670.000
Cộng	<u>12.172.670.000</u>	<u>-</u>	<u>12.172.670.000</u>	<u>12.172.670.000</u>	<u>-</u>	<u>12.172.670.000</u>

(i) Khoản đầu tư vào Công ty CP Sài Gòn - Kim Liên: số lượng cổ phiếu nắm giữ là 1.217.267 cổ phần (tương đương với 16,45% quyền biểu quyết), hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn.

Tại ngày 31/12/2020 công ty đang tạm ghi nhận giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty CP Sài Gòn - Kim Liên theo giá trị ghi sổ do tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này Công ty CP Sài Gòn - Kim Liên chưa cung cấp báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	125.785.569.288	125.785.569.288	125.785.569.288	125.785.569.288
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (i)	125.785.569.288	125.785.569.288	125.785.569.288	125.785.569.288
Các bên khác	8.995.764.186	8.995.764.186	5.355.457.231	5.355.457.231
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	4.655.619.963	4.655.619.963	4.655.619.963	4.655.619.963
Phải trả cho các đối tượng khác	4.340.144.223	4.340.144.223	699.837.268	699.837.268
Cộng	134.781.333.474	134.781.333.474	131.141.026.519	131.141.026.519

(i) Công ty đang ghi nhận các khoản công nợ phải thu, công nợ phải trả với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên:

- Khoản phải thu khách hàng với số tiền 82.638.411.338 VND;
- Khoản phải trả người bán ngắn hạn số tiền 125.785.569.288 VND.

Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông (Bên A) và Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (Bên B) đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 607/PTC/HTĐT-2015 ngày 16/11/2015 để thực hiện Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông tại địa điểm trên.

Hai bên thống nhất hợp tác đầu tư và thành lập pháp nhân mới ở bất kỳ thời điểm nào đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của hai bên để thực hiện và khai thác dự án, xác định tỷ lệ sở hữu của 2 bên khi hoàn thành xong Dự án tương ứng với tỷ lệ góp vốn thực tế của hai bên để thực hiện Dự án, cụ thể:

+ Bên A: Góp vốn bằng toàn bộ các quyền, quyền lợi, lợi ích của chủ đầu tư phát sinh từ Dự án tại lô đất số 167 Nguyễn Phong Sắc, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An (được định giá dựa trên lợi thế thương mại của Dự án và các chi phí bên A đã bỏ ra trong quá trình triển khai Dự án tính đến thời điểm hợp tác). Hai bên tạm thống nhất giá trị tài sản góp vốn của Bên A nên trên là 10 tỷ đồng trên cơ sở văn bản định giá đất số 1671/STC-QLG&CS ngày 19/06/2013 của Sở tài chính tỉnh Nghệ An.

+ Bên B: Góp vốn bằng tiền, tài sản và hình thức khác bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình xây dựng, thực hiện Dự án (bao gồm nhưng không giới hạn trong các giai đoạn triển khai Dự án, thiết kế điều chỉnh, xây dựng Dự án,...). Tỷ lệ sở hữu của Bên B tại pháp nhân được thành lập sẽ được xác định trên cơ sở số tiền góp vốn thực tế Bên B đã góp trong quá trình triển khai Dự án.

Tuy nhiên, do vướng mắc về mặt pháp lý liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư dự án nên Công ty đã ký kết các Hợp đồng với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (là bên liên quan của Công ty) theo hình thức chỉ định thầu để thực hiện thi công xây dựng Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông:

Hợp đồng số 658/2015/HĐTT ngày 20/12/2015 về việc lập dự án, chuẩn bị đầu tư, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình với giá trị 77.676.000.000 đồng (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Và Hợp đồng số 62/2016/HĐTC ngày 21/02/2016 về việc thi công xây dựng phần hoàn thiện công trình với giá trị 48.489.383.942 đồng (giá đã bao gồm thuế GTGT).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tính đến ngày lập Báo cáo tài chính, hợp đồng số 607/PTC/HTĐT-2015 giữa công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên vẫn chưa thực hiện thanh lý.

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Khách hàng trả tiền hàng	7.339.059.700	7.339.059.700	7.339.059.700	7.339.059.700
Các đối tượng khác	40.300.000	40.300.000	12.100.000	12.100.000
Cộng	7.379.359.700	7.379.359.700	7.351.159.700	7.351.159.700

5.14 Các khoản phải trả, phải nộp khác

5.14.1 Phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương (i)	9.905.234.714	9.905.234.714	-	-
Kinh phí công đoàn	-	-	52.941.694	52.941.694
Bảo hiểm xã hội	-	-	133.162.995	133.162.995
Bảo hiểm y tế	-	-	17.985.733	17.985.733
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	9.369.995	9.369.995
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	90.000.000	90.000.000
Phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	9.905.234.714	9.905.234.714	303.460.417	303.460.417

(i) Khoản tiền nhận của Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương theo Hợp đồng đặt cọc mua, bán bất động sản số 02/2013/HĐDC/OJB-PDC ngày 15/10/2013.

Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông (Bên A) là Chủ đầu tư Dự án "Trung tâm hội nghị khách sạn Phương Đông tại phường Trường thi, thành phố Vinh" (gọi tắt là "Công trình") tại số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An. Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương (Bên B) có nhu cầu mua toàn bộ mặt bằng tầng 1 phần Công trình để làm trụ sở kinh doanh của Bên B. Hai bên sẽ ký Hợp đồng mua bán chính thức diện tích mua đã được hoàn thiện về cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng với giá mua bán là 33.963.000.000 VND.

Tại thời điểm 31/12/2020, khoản tiền đặt cọc do giao dịch mua bán không được thực hiện mà bên A còn phải hoàn trả bên B là: 9.905.234.714 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.14.2 Phải trả, phải nộp khác dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	-	-	11.784.350.352	11.784.350.352
Phải trả dài hạn khác	63.800.000	63.800.000	63.800.000	63.800.000
Cộng	63.800.000	63.800.000	11.848.150.352	11.848.150.352

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trích trước phí kiểm toán	101.818.180	63.636.364
Các khoản trích trước khác	234.960.512	209.374.326
Cộng	336.778.692	273.010.690

5.16 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	386.004.359	271.933.939
Cộng	386.004.359	271.933.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.17 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	407.250.708	949.001.252	1.356.251.960	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	23.076.841	194.579.535	166.984.780	-	50.671.596
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.168.915	363.777.011	-	-	370.945.926
Thuế thu nhập cá nhân	-	79.203.396	18.990.286	20.141.698	-	78.051.984
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.709.509.226	1.709.509.226	-	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	599.851	2.160.000	-	-	2.759.851
Cộng	-	517.299.711	3.242.017.310	3.256.887.664	-	502.429.357

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.18 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2019	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(24.451.059.011)	148.485.346.503
Lãi trong năm	-	-	-	1.727.022.226	1.727.022.226
Số dư tại 31/12/2019	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(22.724.036.785)	150.212.368.729
Số dư tại 01/01/2020	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(22.724.036.785)	150.212.368.729
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(8.592.257.138)	(8.592.257.138)
Số dư tại 31/12/2020	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(31.316.293.923)	141.620.111.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020			01/01/2020		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Lê Thanh Thân	3.000.000	30.000.000.000	20,00%	3.000.000	30.000.000.000	20,00%
Ông Lê Kim Giang	3.219.456	32.194.560.000	21,46%	3.219.456	32.194.560.000	21,46%
Ông Đỗ Trung Kiên	2.850.000	28.500.000.000	19,00%	2.850.000	28.500.000.000	19,00%
Bà Lê Thị Hoàng Yến	1.406.000	14.060.000.000	9,37%	1.406.000	14.060.000.000	9,37%
Bà Phạm Thị Thu Thủy	1.659.000	16.590.000.000	11,06%	1.659.000	16.590.000.000	11,06%
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	1.470.000	14.700.000.000	9,80%	1.470.000	14.700.000.000	9,80%
Vốn góp của cổ đông khác	1.395.544	13.955.440.000	9,30%	1.395.544	13.955.440.000	9,30%
Cộng	15.000.000	150.000.000.000	100%	15.000.000	150.000.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu tiền điện, nước	498.982.411	798.703.786
Các khoản khác	-	3.086.000
Cộng	498.982.411	801.789.786

6.7 Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thanh lý tài sản	-	-
Chi phí điện, nước	472.054.839	807.335.090
Các khoản khác	2.000.000	2
Cộng	474.054.839	807.335.092

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.592.257.138)	2.425.683.395
Hoạt động kinh doanh bất động sản	(198.476.542)	(1.801.638.614)
Hoạt động kinh doanh khác	(8.393.780.597)	4.227.322.009
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	4.619.865.171	1.067.622.452
Hoạt động kinh doanh bất động sản	(147.320.681)	1.258.490.824
Các khoản điều chỉnh tăng	-	968.096.875
Các khoản chi phí không được trừ	-	968.096.875
Các khoản điều chỉnh giảm	(147.320.681)	290.393.949
Doanh thu đã tính thuế TNDN kỳ trước	(147.320.681)	290.393.949
Hoạt động kinh doanh khác	4.767.185.852	(190.868.372)
Các khoản điều chỉnh tăng	4.767.185.852	-
Các khoản chi phí không được trừ	4.767.185.852	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(190.868.372)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(190.868.372)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(3.972.391.968)	3.493.305.847
Hoạt động kinh doanh bất động sản	(345.797.223)	(543.147.791)
Hoạt động kinh doanh khác	(3.626.594.745)	4.036.453.637
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	-	-
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	-	698.661.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.9 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(8.592.257.138)	1.727.022.226
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	(8.592.257.138)	1.727.022.226
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(573)	115
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(573)	115

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.2.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch, số dư với Công ty trong năm

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Lê Thanh Thân	Chủ tịch HĐQT
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên	Ông Lê Hải An (con trai ông Lê Thanh Thân) - Giám đốc Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên

7.2.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các thuyết minh trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc trong năm như sau

		Năm 2020	Năm 2019
		Tiền lương VND	Tiền lương VND
Ông Thái Hồng Nhã	Giám đốc	258.974.353	337.000.000
Bà Trương Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc	255.898.348	322.485.171
Bà Lê Thị Thu Hương	Trưởng BKS	143.586.695	185.964.000
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Kế toán trưởng	66.225.527	-
Bà Nguyễn Thị Thuý Nga	Kế toán trưởng	81.077.778	213.853.546
Tổng cộng		805.762.701	1.059.302.717

7.2.3 Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh số 5.

7.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc. Ngày 29/10/2019 Công ty ký biên bản thỏa thuận 133/2019/BBTT/OJB-PDC với Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương về việc chấm dứt Hợp đồng đặt cọc về việc mua, bán bất động sản là công trình Trung tâm hội nghị khách sạn Phương Đông tại phường Trường Thi, thành phố Vinh. Theo đó, Ngân hàng Đại Dương có trách nhiệm thanh toán tiền sử dụng mặt bằng là 9.522.963.450 đồng (đã bao gồm VAT) và Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh từ hợp đồng đặt cọc số tiền là 7.643.847.812 đồng. Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố mà ghi nhận toàn bộ các khoản doanh thu, chi phát sinh từ biên bản thỏa thuận nói trên vào Báo cáo tài chính năm 2020.

7.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2020, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của đơn vị không được bảo đảm do tài sản ngắn hạn đang nhỏ hơn nợ ngắn hạn. Tuy nhiên, Ban Giám đốc khẳng định Công ty vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh do nợ ngắn hạn là bên liên quan và có thể ra hạn bất cứ thời điểm nào và Báo cáo tài chính năm 2020 được lập dựa trên giả định Công ty tiếp tục hoạt động là phù hợp.

7.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900781381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21/10/2016.

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 15.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: PDC

Trụ sở chính của Công ty tại Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Thanh Thân	Chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Sỹ Đức	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Thị Hoàng Yến	Thành viên HĐQT
Ông Thái Hồng Nhã	Thành viên HĐQT
Ông Lê Văn Thìn	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thu Hương	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Việt Hà	Thành viên Ban kiểm soát

Ban Giám đốc

Ông Thái Hồng Nhã	Giám đốc	
Ông Trần Đình Trí	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/03/2021
Bà Trương Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29/03/2021

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Thái Hồng Nhã - Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết:



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF
Accountants &
business advisers

Số: 064/2022/BCKT-PB.00075

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 03 năm 2022, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

JOAA
C
TRÁCH
KI
AFI
C
C/C

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty đang hạch toán và theo dõi khoản công nợ chưa được đối chiếu xác nhận trên khoản mục "Người mua trả tiền trước" với số tiền 7.339.059.700 VND.
- Như đã thuyết minh tại mục số 7.3 "Số liệu so sánh", Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố mà ghi nhận toàn bộ vào báo cáo tài chính năm 2020 khoản doanh thu từ cho thuê mặt bằng và khoản chi phí tài chính phát sinh từ biên bản thỏa thuận số 133/2019/BBTT/OJB-PDC ngày 29/10/2019 ký với Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương về việc chấm dứt Hợp đồng đặt cọc về việc mua, bán bất động sản là công trình Trung tâm hội nghị khách sạn Phương Đông tại phường Trường Thi, thành phố Vinh.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

- Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 7.4 - "Thông tin hoạt động liên tục" về sự kiện khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty có dấu hiệu không được đảm bảo. Tuy nhiên, Ban Giám đốc khẳng định Công ty vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2021 được lập dựa trên giả định Công ty tiếp tục hoạt động là phù hợp.
- Như Công ty đã trình bày tại phần thuyết minh mục số 5.12 - "Phải trả người bán ngắn hạn": Ngày 16/11/2015 Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 607/PTC/HTĐT-2015 với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên để thực hiện Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông tại số 167, đường Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An. Theo hợp đồng này hai bên sẽ thành lập pháp nhân mới ở bất kỳ thời điểm nào đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của hai bên để thực hiện và khai thác dự án, xác định tỷ lệ sở hữu của 2 bên khi hoàn thành xong Dự án tương ứng với tỷ lệ góp vốn thực tế của hai bên để thực hiện Dự án. Tuy nhiên, do vướng mắc về mặt pháp lý liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư dự án nên: Công ty đã ký kết các Hợp đồng với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (là bên liên quan của Công ty) theo hình thức chỉ định thầu để thực hiện thi công xây dựng Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông:

Hợp đồng số 658/2015/HĐTT ngày 20/12/2015 về việc lập dự án, chuẩn bị đầu tư, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình với giá trị 77.676.000.000 VND (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Và Hợp đồng số 62/2016/HĐTC ngày 21/02/2016 về việc thi công xây dựng phần hoàn thiện công trình với giá trị 48.489.383.942 VND (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Tính đến ngày lập Báo cáo Kiểm toán năm 2021, Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông và Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên chưa thực hiện thanh lý hợp đồng số 607/PTC/HTĐT-2015.



Lê Viết Cường

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2478-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM –
CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Đặng Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2505-2019-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN		Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
				31/12/2021	01/01/2021
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		98.870.334.604	99.248.416.194
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền		110	5.1	1.935.185.882	5.555.300.342
1. Tiền		111		1.935.185.882	5.555.300.342
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn		130		96.090.668.954	91.742.145.927
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	5.2	103.731.759.416	101.210.488.034
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	5.3	27.931.618.951	27.982.493.151
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		200.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác		136	5.4	9.756.161.596	8.078.035.751
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	5.5	(45.528.871.009)	(45.528.871.009)
IV/ Hàng tồn kho		140	5.6	790.390.397	1.929.896.803
1. Hàng tồn kho		141		790.390.397	1.929.896.803
V/ Tài sản ngắn hạn khác		150		54.089.371	21.073.122
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	5.7	54.089.371	21.073.122
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN		200		179.843.056.769	197.238.537.347
I/ Các khoản phải thu dài hạn		210		-	500.000.000
1. Phải thu dài hạn khác		216	5.4	-	500.000.000
II/ Tài sản cố định		220		104.825.100.296	113.232.933.299
1. Tài sản cố định hữu hình		221	5.8	104.825.100.296	113.232.933.299
- Nguyên giá		222		209.272.062.084	209.272.062.084
- Giá trị hao mòn lũy kế		223		(104.446.961.788)	(96.039.128.785)
2. Tài sản cố định vô hình		227	5.8	-	-
- Nguyên giá		228		442.380.500	442.380.500
- Giá trị hao mòn lũy kế		229		(442.380.500)	(442.380.500)
III/ Bất động sản đầu tư		230	5.9	48.862.744.331	50.611.005.467
- Nguyên giá		231		57.692.617.503	57.692.617.503
- Giá trị hao mòn lũy kế		232		(8.829.873.172)	(7.081.612.036)
IV/ Tài sản dở dang dài hạn		240		1.093.897.657	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	5.10	1.093.897.657	-
V/ Đầu tư tài chính dài hạn		250	5.11	8.519.712.739	12.172.670.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253		12.172.670.000	12.172.670.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		254		(3.652.957.261)	-
VII/ Tài sản dài hạn khác		260		16.541.601.746	20.721.928.581
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	5.7	16.541.601.746	20.721.928.581
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		278.713.391.373	296.486.953.541

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		151.908.977.102	154.866.841.950
I/ Nợ ngắn hạn	310		151.755.177.102	154.803.041.950
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	133.921.676.581	134.781.333.474
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	7.365.137.473	7.379.359.700
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	324.766.726	517.299.711
4. Phải trả người lao động	314		1.360.757.278	1.469.106.300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	272.982.428	336.778.692
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	390.190.909	386.004.359
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	8.077.816.107	9.905.234.714
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		41.849.600	27.925.000
II/ Nợ dài hạn	330		153.800.000	63.800.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	153.800.000	63.800.000
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		126.804.414.271	141.620.111.591
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.18	126.804.414.271	141.620.111.591
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		22.819.811.566	22.819.811.566
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		116.593.948	116.593.948
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(46.131.991.243)	(31.316.293.923)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(31.316.293.923)	(22.724.036.785)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(14.815.697.320)	(8.592.257.138)
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		278.713.391.373	296.486.953.541



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

Nghệ An, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	21.151.021.069	42.634.786.983
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		21.151.021.069	42.634.786.983
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	25.019.110.611	36.654.648.509
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(3.868.089.542)	5.980.138.474
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.387.341	36.059.078
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3.652.957.261	7.643.847.812
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	7.643.847.812
8. Chi phí bán hàng	25		395.036.446	534.935.839
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.126.719.968	6.454.598.611
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(14.036.415.876)	(8.617.184.710)
11. Thu nhập khác	31	6.6	385.118.639	498.982.411
12. Chi phí khác	32	6.7	1.164.400.083	474.054.839
13. Lợi nhuận khác	40		(779.281.444)	24.927.572
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(14.815.697.320)	(8.592.257.138)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(14.815.697.320)	(8.592.257.138)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(988)	(573)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	(988)	(573)



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

Nghệ An, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiêu		MS	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2021	Năm 2020
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	(14.815.697.320)	(8.592.257.138)
2.	Điều chỉnh cho các khoản			
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	10.156.094.139	10.568.876.766
-	Các khoản dự phòng	03	3.652.957.261	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.387.341)	(36.059.078)
-	Chi phí lãi vay	06	-	7.643.847.812
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.013.033.261)	9.584.408.362
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.648.523.027)	987.328.508
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.139.506.406	3.352.493.694
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(2.957.864.848)	(5.301.632.817)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.147.310.586	(5.883.576.555)
-	Thuế TNDN đã nộp	15	-	(363.777.011)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.332.604.144)	2.375.244.181
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.093.897.657)	(312.852.000)
2.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(200.000.000)	-
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.387.341	36.059.078
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.287.510.316)	(276.792.922)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.620.114.460)	2.098.451.259
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.555.300.342	3.456.849.083
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	<u>1.935.185.882</u>	<u>5.555.300.342</u>



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

Nghệ An, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900781381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21/10/2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 29/09/2009 với mã chứng khoán là PDC, số lượng cổ phiếu là 15.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 10 là 150.000.000.000 VND (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, điều hành tour du lịch.

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn);
- Đại lý dịch vụ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, ...);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Điều hành tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ ngành du lịch;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân đầu (Chi tiết: Bán buôn phân bón);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn đồ dùng khác trong gia đình (Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc chủ đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Bán vé máy bay và các phương tiện vận chuyển công cộng);
- Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các hàng hoá chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác (Chi tiết: Đại lý thu hồi ngoại tệ);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên doanh thu và lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2021 của Công ty giảm đáng kể so với năm trước.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa, phục hồi tài sản

Các chi phí sửa chữa, phục hồi tài sản phát sinh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	26.639.882	116.705.367
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.908.546.000	5.438.594.975
Cộng	1.935.185.882	5.555.300.342



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	85.099.103.488	-	82.638.411.338	-
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (i)	85.099.103.488	-	82.638.411.338	-
Các bên khác	18.632.655.928	(17.919.639.386)	18.572.076.696	(17.919.639.386)
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận (ii)	17.341.643.231	(17.341.643.231)	17.341.643.231	(17.341.643.231)
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.291.012.697	(577.996.155)	1.230.433.465	(577.996.155)
Cộng	103.731.759.416	(17.919.639.386)	101.210.488.034	(17.919.639.386)

(i) Chi tiết tại mục 5.12

(ii) Chi tiết tại mục 5.3

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận (i)	27.097.000.000	(27.097.000.000)	27.097.000.000	(27.097.000.000)
Các khoản trả trước cho người bán khác	834.618.951	(130.593.850)	885.493.151	(130.593.850)
Cộng	27.931.618.951	(27.227.593.850)	27.982.493.151	(27.227.593.850)

(i) Khoản phải thu và khoản trả trước cho Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH được thực hiện theo các Hợp đồng về việc mua bán sản lát khô đựng bao.

Ngày 18/01/2010, Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum đã ra Quyết định số 01/2010/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH và đã gửi Thông báo số 01/PS-TBTA ngày 25/01/2010 tới Công ty với tư cách là chủ nợ thương mại theo quy định của Luật Phá sản. Ngày 13/12/2011, Công ty đã nhận được Quyết định phân chia tài sản từ Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum về số tài sản của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH với số tiền thu hồi là 78.356.769 đồng. Ngày 11/01/2012, Công ty đã nhận được Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum. Công ty đã thực hiện trích lập 100% dự phòng cho các khoản công nợ phải thu khó đòi này với số tiền 44.438.643.231 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.4 Phải thu khác

5.4.1 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	7.339.059.700	-	7.339.059.700	-
Ông Lê Thanh Thành	7.339.059.700	-	7.339.059.700	-
Các bên khác	2.417.101.896	(381.637.773)	738.976.051	(381.637.773)
Tiền tạm ứng cho CBNV	369.674.773	(369.674.773)	369.674.773	(369.674.773)
Phải thu khác	2.047.427.123	(11.963.000)	369.301.278	(11.963.000)
Cộng	9.756.161.596	(381.637.773)	8.078.035.751	(381.637.773)

5.4.2 Phải thu khác dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược (i)	-	-	500.000.000	-
Cộng	-	-	500.000.000	-

(i) Số tiền ký quỹ với Ngân hàng để thực hiện dịch vụ lữ hành quốc tế.

5.5 Nợ xấu

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận	44.438.643.231	-	44.438.643.231	-
Các đối tượng khác	1.090.227.778	-	1.090.227.778	-
Cộng	45.528.871.009	-	45.528.871.009	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	97.653.216	-	238.699.853	-
Công cụ, dụng cụ	463.909.058	-	478.293.472	-
Thành phẩm bất động sản	228.828.123	-	1.212.903.478	-
Cộng	790.390.397	-	1.929.896.803	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG
Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.7 Chi phí trả trước

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	54.089.371	21.073.122
Cộng	54.089.371	21.073.122

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	56.322.086
Chi phí sửa chữa, nội thất	16.541.601.746	20.665.606.495
Cộng	16.541.601.746	20.721.928.581

5.8 Tăng, giảm TSCĐ

5.8.1 Tăng, giảm TSCĐ vô hình

	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2021	442.380.500	442.380.500
Số dư tại 31/12/2021	442.380.500	442.380.500
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư tại 01/01/2021	442.380.500	442.380.500
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2021	442.380.500	442.380.500
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2021	-	-
Số dư tại 31/12/2021	-	-

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là: 442.380.500 VND; tại ngày 01/01/2021 là: 442.380.500 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.8.2 Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2021	174.177.903.200	30.223.794.190	2.972.053.983	1.898.310.711	209.272.062.084
Số dư tại 31/12/2021	<u>174.177.903.200</u>	<u>30.223.794.190</u>	<u>2.972.053.983</u>	<u>1.898.310.711</u>	<u>209.272.062.084</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/01/2021	65.912.899.234	26.087.912.158	2.766.167.134	1.272.150.259	96.039.128.785
Khấu hao trong năm	6.268.849.329	1.728.818.603	139.554.000	270.611.070	8.407.833.003
Số dư tại 31/12/2021	<u>72.181.748.564</u>	<u>27.816.730.761</u>	<u>2.905.721.134</u>	<u>1.542.761.329</u>	<u>104.446.961.788</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2021	108.265.003.966	4.135.882.032	205.886.849	626.160.452	113.232.933.299
Số dư tại 31/12/2021	<u>101.996.154.636</u>	<u>2.407.063.429</u>	<u>66.332.849</u>	<u>355.549.382</u>	<u>104.825.100.296</u>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2021 là 19.589.578.780 VND, tại 01/01/2021 là 16.950.450.883 VND.

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản phải trả tại 31/12/2021 là 22.433.486.783 VND, tại 01/01/2021 là 23.812.380.059 VND (i).

(i) Là giá trị còn lại của TSCĐ "Trung tâm hội nghị khách sạn Phương Đông" dùng để thế chấp cho khoản tiền nhận của Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương theo Hợp đồng đặt cọc mua, bán bất động sản số 02/2013/HĐĐC/OJB-PDC ngày 15/10/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.9 Bất động sản đầu tư

	Nhà và quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2021	57.692.617.503	57.692.617.503
Số dư tại 31/12/2021	<u>57.692.617.503</u>	<u>57.692.617.503</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư tại 01/01/2021	7.081.612.036	7.081.612.036
Khấu hao trong năm	1.748.261.136	1.748.261.136
Số dư tại 31/12/2021	<u>8.829.873.172</u>	<u>8.829.873.172</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2021	50.611.005.467	50.611.005.467
Số dư tại 31/12/2021	<u>48.862.744.331</u>	<u>48.862.744.331</u>

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Sửa chữa	1.093.897.657	-
Cải tạo sảnh khách sạn Phương Đông	1.093.897.657	-
Cộng	<u>1.093.897.657</u>	<u>-</u>

5.11 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	DP VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	DP VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Sài Gòn - Kim Liên (i)	12.172.670.000	(3.652.957.261)	(*)	12.172.670.000	-	(*)
Cộng	<u>12.172.670.000</u>	<u>(3.652.957.261)</u>	<u>-</u>	<u>12.172.670.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(i) Khoản đầu tư vào Công ty CP Sài Gòn - Kim Liên: số lượng cổ phiếu nắm giữ là 1.217.267 cổ phần (tương đương với 16,45% quyền biểu quyết), hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	125.785.569.288	125.785.569.288	125.785.569.288	125.785.569.288
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (i)	125.785.569.288	125.785.569.288	125.785.569.288	125.785.569.288
Các bên khác	8.136.107.293	8.136.107.293	8.995.764.186	8.995.764.186
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	4.655.619.963	4.655.619.963	4.655.619.963	4.655.619.963
Phải trả cho các đối tượng khác	3.480.487.330	3.480.487.330	4.340.144.223	4.340.144.223
Cộng	133.921.676.581	133.921.676.581	134.781.333.474	134.781.333.474

(i) Công ty đang ghi nhận các khoản công nợ phải thu, công nợ phải trả với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên:

- Khoản phải thu khách hàng với số tiền 85.099.103.488 VND;
- Khoản phải trả người bán ngắn hạn số tiền 125.785.569.288 VND.

Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông (Bên A) và Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (Bên B) đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 607/PTC/HTĐT-2015 ngày 16/11/2015 để thực hiện Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông tại địa điểm trên.

Hai bên thống nhất hợp tác đầu tư và thành lập pháp nhân mới ở bất kỳ thời điểm nào đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của hai bên để thực hiện và khai thác dự án, xác định tỷ lệ sở hữu của 2 bên khi hoàn thành xong Dự án tương ứng với tỷ lệ góp vốn thực tế của hai bên để thực hiện Dự án, cụ thể:

+ Bên A: Góp vốn bằng toàn bộ các quyền, quyền lợi, lợi ích của chủ đầu tư phát sinh từ Dự án tại lô đất số 167 Nguyễn Phong Sắc, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An (được định giá dựa trên lợi thế thương mại của Dự án và các chi phí bên A đã bỏ ra trong quá trình triển khai Dự án tính đến thời điểm hợp tác). Hai bên thống nhất giá trị tài sản góp vốn của Bên A nên trên là 10 tỷ đồng trên cơ sở văn bản định giá đất số 1671/STC-QLG&CS ngày 19/06/2013 của Sở tài chính tỉnh Nghệ An.

+ Bên B: Góp vốn bằng tiền, tài sản và hình thức khác bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình xây dựng, thực hiện Dự án (bao gồm nhưng không giới hạn trong các giai đoạn triển khai Dự án, thiết kế điều chỉnh, xây dựng Dự án,...). Tỷ lệ sở hữu của Bên B tại pháp nhân được thành lập sẽ được xác định trên cơ sở số tiền góp vốn thực tế Bên B đã góp trong quá trình triển khai Dự án.

Tuy nhiên, do vướng mắc về mặt pháp lý liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư dự án nên Công ty đã ký kết các Hợp đồng với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (là bên liên quan của Công ty) theo hình thức chỉ định thầu để thực hiện thi công xây dựng Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông:

Hợp đồng số 658/2015/HĐTT ngày 20/12/2015 về việc lập dự án, chuẩn bị đầu tư, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình với giá trị 77.676.000.000 đồng (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Và Hợp đồng số 62/2016/HĐTC ngày 21/02/2016 về việc thi công xây dựng phần hoàn thiện công trình với giá trị 48.489.383.942 đồng (giá đã bao gồm thuế GTGT).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tính đến ngày lập Báo cáo tài chính, hợp đồng số 607/PTC/HTĐT-2015 giữa công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên vẫn chưa thực hiện thanh lý.

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Khách hàng trả tiền hàng	7.339.059.700	7.339.059.700	7.339.059.700	7.339.059.700
Các đối tượng khác	26.077.773	26.077.773	40.300.000	40.300.000
Cộng	7.365.137.473	7.365.137.473	7.379.359.700	7.379.359.700

5.14 Các khoản phải trả khác

5.14.1 Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương (i)	7.905.234.714	7.905.234.714	9.905.234.714	9.905.234.714
Kinh phí công đoàn	12.402.670	12.402.670	-	-
Bảo hiểm xã hội	132.451.251	132.451.251	-	-
Bảo hiểm y tế	18.298.475	18.298.475	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	9.428.997	9.428.997	-	-
Cộng	8.077.816.107	8.077.816.107	9.905.234.714	9.905.234.714

(i) Khoản tiền nhận của Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương theo Hợp đồng đặt cọc mua, bán bất động sản số 02/2013/HĐDC/OJB-PDC ngày 15/10/2013.

Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông (Bên A) là Chủ đầu tư Dự án "Trung tâm hội nghị khách sạn Phương Đông tại phường Trường thi, thành phố Vinh" (gọi tắt là "Công trình") tại số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An. Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương (Bên B) có nhu cầu mua toàn bộ mặt bằng tầng 1 phần Công trình để làm trụ sở kinh doanh của Bên B. Hai bên sẽ ký Hợp đồng mua bán chính thức diện tích mua đã được hoàn thiện về cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng với giá mua bán là 33.963.000.000 VND.

Tại thời điểm 31/12/2021, khoản tiền đặt cọc do giao dịch mua bán không được thực hiện mà bên A còn phải hoàn trả bên B là: 7.905.234.714 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.14.2 Phải trả khác dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả dài hạn khác	153.800.000	153.800.000	63.800.000	63.800.000
Cộng	153.800.000	153.800.000	63.800.000	63.800.000

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Trích trước phí kiểm toán	80.000.000	101.818.180
Các khoản trích trước khác	192.982.428	234.960.512
Cộng	272.982.428	336.778.692

5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	390.190.909	386.004.359
Cộng	390.190.909	386.004.359

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.17 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	217.061.262	1.901.038.109	1.710.848.663	-	407.250.708
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	12.829.246	45.599.223	35.351.628	-	23.076.841
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.168.915	-	-	-	7.168.915
Thuế thu nhập cá nhân	-	87.707.303	11.134.794	19.638.701	-	79.203.396
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.022.438.976	1.022.438.976	-	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	599.851	-	-	599.851
Cộng	-	324.766.726	2.984.810.953	2.792.277.968	-	517.299.711

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.18 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2020	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(22.724.036.785)	150.212.368.729
Lỗi trong năm trước	-	-	-	(8.592.257.138)	(8.592.257.138)
Số dư tại 31/12/2020	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(31.316.293.923)	141.620.111.591
Số dư tại 01/01/2021	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(31.316.293.923)	141.620.111.591
Lỗi trong năm nay	-	-	-	(14.815.697.320)	(14.815.697.320)
Số dư tại 31/12/2021	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(46.131.991.243)	126.804.414.271

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021			01/01/2021		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Lê Thanh Thân	3.000.000	30.000.000.000	20,00%	3.000.000	30.000.000.000	20,00%
Ông Lê Kim Giang	3.219.456	32.194.560.000	21,46%	3.219.456	32.194.560.000	21,46%
Ông Đỗ Trung Kiên	2.850.000	28.500.000.000	19,00%	2.850.000	28.500.000.000	19,00%
Bà Lê Thị Hoàng Yến	1.406.000	14.060.000.000	9,37%	1.406.000	14.060.000.000	9,37%
Bà Phạm Thị Thu Thủy	1.659.000	16.590.000.000	11,06%	1.659.000	16.590.000.000	11,06%
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	1.470.000	14.700.000.000	9,80%	1.470.000	14.700.000.000	9,80%
Vốn góp của cổ đông khác	1.395.544	13.955.440.000	9,30%	1.395.544	13.955.440.000	9,30%
Cộng	15.000.000	150.000.000.000	100%	15.000.000	150.000.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
Cổ phiếu		
	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.885.901.419	38.878.217.257
Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.265.119.650	3.756.569.726
Cộng	21.151.021.069	42.634.786.983

6.1.2 Doanh thu bên liên quan

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên	-	165.000.000
Cộng	-	165.000.000

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn kinh doanh khách sạn, nhà hàng và dịch vụ khác	24.035.035.256	33.268.319.748
Giá vốn kinh doanh bất động sản	984.075.355	3.386.328.761
Cộng	25.019.110.611	36.654.648.509

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.387.341	36.059.078
Cộng	6.387.341	36.059.078

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	-	7.643.847.812
Dự phòng tổn thất đầu tư	3.652.957.261	-
Cộng	3.652.957.261	7.643.847.812

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.085.272.669	2.712.474.253
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.041.447.299	3.742.124.358
Cộng	6.126.719.968	6.454.598.611

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu tiền điện, nước	338.383.883	498.982.411
Các khoản khác	46.734.756	-
Cộng	385.118.639	498.982.411

6.7 Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí điện, nước	215.711.509	472.054.839
Các khoản khác	948.688.574	2.000.000
Cộng	1.164.400.083	474.054.839

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(14.815.697.320)	(8.592.257.138)
Hoạt động kinh doanh bất động sản	624.917.400	(338.496.734)
Hoạt động kinh doanh khác	(15.440.614.720)	(8.253.760.404)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	1.065.897.945	4.619.865.171
Hoạt động kinh doanh bất động sản	(682.363.191)	(147.320.681)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản chi phí không được trừ	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(682.363.191)	(147.320.681)
Doanh thu đã tính thuế TNDN kỳ trước	(682.363.191)	(147.320.681)
Hoạt động kinh doanh khác	1.748.261.136	4.767.185.852
Các khoản điều chỉnh tăng	1.748.261.136	4.767.185.852
Các khoản chi phí không được trừ	1.748.261.136	4.767.185.852
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(13.749.799.375)	(3.972.391.968)
Hoạt động kinh doanh bất động sản	(57.445.791)	(485.817.415)
Hoạt động kinh doanh khác	(13.692.353.584)	(3.486.574.553)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	-	-
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.9 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(14.815.697.320)	(8.592.257.138)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	(14.815.697.320)	(8.592.257.138)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(988)	(573)
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(988)	(573)

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.2.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên	Ông Lê Thanh Thân - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông đồng thời là Giám đốc Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên
Ông Lê Thanh Thân	Chủ tịch HĐQT

7.2.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các thuyết minh trên.

Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc trong năm như sau

		Năm 2021 Tiền lương VND	Năm 2020 Tiền lương VND
Ông Thái Hồng Nhã	Giám đốc	219.457.778	258.974.353
Ông Trần Đình Trí	Phó Giám đốc	221.135.919	-
Bà Trương Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc	4.923.077	255.898.348
Bà Lê Thị Thu Hương	Trưởng BKS	119.402.429	143.586.695
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Kế toán trưởng	89.370.250	66.225.527
Bà Nguyễn Thị Thủy Nga	Kế toán trưởng	-	81.077.778
Tổng cộng		654.289.454	805.762.701

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7.2.2.1 Giao dịch với bên liên quan trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên		
Cho thuê khách sạn Mường Thanh Cửa Đông	-	165.000.000
Các khoản DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên thu tiền bán căn hộ	2.491.631.615	2.795.273.397

7.2.3 Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh số 5.

7.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Ngày 29/10/2019 Công ty ký biên bản thỏa thuận 133/2019/BBTT/OJB-PDC với Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương về việc chấm dứt Hợp đồng đặt cọc về việc mua, bán bất động sản là công trình Trung tâm hội nghị khách sạn Phương Đông tại phường Trường Thi, thành phố Vinh. Theo đó, Ngân hàng Đại Dương có trách nhiệm thanh toán tiền sử dụng mặt bằng là 9.522.963.450 đồng (đã bao gồm VAT) và Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh từ hợp đồng đặt cọc số tiền là 7.643.847.812 đồng. Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố mà ghi nhận toàn bộ các khoản doanh thu, chi phát sinh từ biên bản thỏa thuận nói trên vào Báo cáo tài chính năm 2020.

7.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2021, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của đơn vị không được bảo đảm do tài sản ngắn hạn đang nhỏ hơn nợ ngắn hạn. Tuy nhiên, Ban Giám đốc khẳng định Công ty vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh do nợ ngắn hạn là bên liên quan và có thể ra hạn bất cứ thời điểm nào và Báo cáo tài chính năm 2021 được lập dựa trên giả định Công ty tiếp tục hoạt động là phù hợp.

7.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

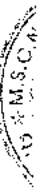
Nghệ An, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900781381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21/10/2016.

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 VND

Số lượng cổ phiếu: 15.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND

Mã chứng khoán: PDC

Trụ sở chính của Công ty tại Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Thanh Thân	Chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Sỹ Đức	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Thị Hoàng Yến	Thành viên HĐQT
Ông Thái Hồng Nhã	Thành viên HĐQT
Ông Lê Văn Thìn	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thu Hương	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Việt Hà	Thành viên Ban kiểm soát

Ban Giám đốc

Ông Thái Hồng Nhã	Giám đốc	
Ông Trần Đình Phúc	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2022
Ông Trần Đình Tri	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/06/2022

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Thái Hồng Nhã - Giám đốc.

Đánh giá tình hình công ty

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa nhận được văn bản trả lời chính thức của Cơ quan thuế quản lý trực tiếp về việc giả chi phí tiền thuê đất theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa bao gồm việc điều chỉnh giảm chi phí tiền thuê đất nói trên (nếu có).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Thái Hồng Nha
Giám đốc

Nghệ An, ngày 31 tháng 03 năm 2023



Số: 042/2023/BCKT-PB.00075

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 31 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhân mạnh

- Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 7.4 - "Thông tin hoạt động liên tục" về sự kiện khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty có dấu hiệu không được đảm bảo. Tuy nhiên, Ban Giám đốc khẳng định Công ty vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2022 được lập dựa trên giả định Công ty tiếp tục hoạt động là phù hợp.
- Như Công ty đã trình bày tại phần thuyết minh mục số 5.12 – "Phải trả người bán ngắn hạn": Ngày 16/11/2015 Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 607/PTC/HTĐT-2015 với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên để thực hiện Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông tại số 167, đường Nguyễn Phong Sắc, phường Hưng Dũng, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An. Theo hợp đồng này hai bên sẽ thành lập pháp nhân mới ở bất kỳ thời điểm nào đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của hai bên để thực hiện và khai thác dự án, xác định tỷ lệ sở hữu của 2 bên khi hoàn thành xong Dự án tương ứng với tỷ lệ góp vốn thực tế của hai bên để thực hiện Dự án. Tuy nhiên, do vướng mắc về mặt pháp lý liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư dự án nên: Công ty đã ký kết các Hợp đồng với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (là bên liên quan của Công ty) theo hình thức chỉ định thầu để thực hiện thi công xây dựng Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông:

Hợp đồng số 658/2015/HĐTT ngày 20/12/2015 về việc lập dự án, chuẩn bị đầu tư, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình với giá trị 77.676.000.000 VND (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Và Hợp đồng số 62/2016/HĐTC ngày 21/02/2016 về việc thi công xây dựng phần hoàn thiện công trình với giá trị 48.489.383.942 VND (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Tính đến ngày lập Báo cáo Kiểm toán năm 2022, Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông và Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên chưa thực hiện thanh lý hợp đồng số 607/PTC/HTĐT-2015.



Đặng Ngọc Khánh

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2505-2019-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Lê Viết Cường

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2478-2023-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.798.346.307	98.870.334.604
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.089.802.152	1.935.185.882
i. Tiền	111		3.089.802.152	1.935.185.882
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.319.604.222	96.090.668.954
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	107.701.815.270	103.731.759.416
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	30.423.453.531	27.931.618.951
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	200.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.723.206.430	9.756.161.596
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(45.528.871.009)	(45.528.871.009)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.6	69.843.894	790.390.397
1. Hàng tồn kho	141		69.843.894	790.390.397
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		3.319.096.039	54.089.371
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	3.319.096.039	54.089.371
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		169.731.131.733	179.843.056.769
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		52.700.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	52.700.000	-
II/ Tài sản cố định	220		99.366.272.992	104.825.100.296
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	99.366.272.992	104.825.100.296
- Nguyên giá	222		210.890.582.084	209.272.062.084
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(111.524.309.092)	(104.446.961.788)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		442.380.500	442.380.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(442.380.500)	(442.380.500)
III/ Bất động sản đầu tư	230	5.9	47.551.548.479	48.862.744.331
- Nguyên giá	231		57.692.617.503	57.692.617.503
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.141.069.024)	(8.829.873.172)
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		1.301.825.178	1.093.897.657
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	1.301.825.178	1.093.897.657
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	7.896.556.954	8.519.712.739
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.172.670.000	12.172.670.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.276.113.046)	(3.652.957.261)
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		13.562.228.130	16.541.601.746
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	13.562.228.130	16.541.601.746
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		270.529.478.040	278.713.391.373

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		138.872.108.479	151.908.977.102
I/ Nợ ngắn hạn	310		138.718.308.479	151.755.177.102
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	135.065.809.214	133.921.676.581
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	86.787.540	7.365.137.473
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	280.639.170	324.766.726
4. Phải trả người lao động	314		1.922.606.887	1.360.757.278
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	140.053.461	272.982.428
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	188.150.909	390.190.909
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	986.231.498	8.077.816.107
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		48.029.800	41.849.600
II/ Nợ dài hạn	330		153.800.000	153.800.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	153.800.000	153.800.000
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		131.657.369.561	126.804.414.271
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.18	131.657.369.561	126.804.414.271
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		22.819.811.566	22.819.811.566
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		116.593.948	116.593.948
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(41.279.035.953)	(46.131.991.243)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(46.131.991.243)	(31.316.293.923)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.852.955.290	(14.815.697.320)
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		270.529.478.040	278.713.391.373



Thái Hồng Nhã

Giám Đốc

Nghệ An, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập biểu

S. T. H. A. N. N. A. T. P. 78 / 3 - 1 A. A. Đ. Đ. 10

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	49.524.162.475	21.151.021.069
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		49.524.162.475	21.151.021.069
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	34.330.943.466	25.019.110.611
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.193.219.009	(3.868.089.542)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.285.969	6.387.341
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.409.715.301	3.652.957.261
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		393.666.141	395.036.446
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	8.407.181.665	6.126.719.968
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.987.941.871	(14.036.415.876)
11. Thu nhập khác	31	6.6	1.334.601.136	385.118.639
12. Chi phí khác	32	6.7	469.587.717	1.164.400.083
13. Lợi nhuận khác	40		865.013.419	(779.281.444)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.852.955.290	(14.815.697.320)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.852.955.290	(14.815.697.320)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	324	(988)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	324	(988)



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

Nghệ An, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập biểu

10/3/2023
H. N. H. Y. H.
T. N. K. N. G.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	MS	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.852.955.290	(14.815.697.320)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.770.023.156	10.156.094.139
- Các khoản dự phòng	03	623.155.785	3.652.957.261
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.285.969)	(6.387.341)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.240.848.262	(1.013.033.261)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.518.364.732	(3.648.523.027)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	720.546.503	1.139.506.406
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(13.036.868.623)	(2.957.864.848)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(285.633.052)	4.147.310.586
- Thuế TNDN đã nộp	15	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.157.257.822	(2.332.604.144)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(207.927.521)	(1.093.897.657)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	200.000.000	(200.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.285.969	6.387.341
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.641.552)	(1.287.510.316)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.154.616.270	(3.620.114.460)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.935.185.882	5.555.300.342
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	<u>3.089.802.152</u>	<u>1.935.185.882</u>



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

Nghệ An, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900781381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21/10/2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 29/09/2009 với mã chứng khoán là PDC, số lượng cổ phiếu là 15.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 10 là 150.000.000.000 VND (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại Số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, điều hành tour du lịch.

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn);
- Đại lý dịch vụ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, ...);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Điều hành tua du lịch (Chi tiết: Kinh doanh du lịch nội hành nội địa, quốc tế);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ ngành du lịch;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân đầu (Chi tiết: Bán buôn phân bón);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn đồ dùng khác trong gia đình (Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc chủ đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Bán vé máy bay và các phương tiện vận chuyển công cộng);
- Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các hàng hoá chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác (Chi tiết: Đại lý thu hồi ngoại tệ);
- Dịch vụ tắm hơi, massage và dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2022, dịch bệnh Covid -19 cơ bản được Việt Nam kiểm soát nên tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty được phục hồi so với cùng kỳ năm trước.

1.6 Nhân viên

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 108 người (tại ngày 31/12/2021 là: 109 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ

PHƯƠNG ĐÔNG M.S.C.NP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa, phục hồi tài sản

Các chi phí sửa chữa, phục hồi tài sản phát sinh được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

// 2022/ Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	228.129.307	26.639.882
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.861.672.845	1.908.546.000
Cộng	3.089.802.152	1.935.185.882

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	88.609.692.339	-	85.099.103.488	-
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (i)	88.609.692.339	-	85.099.103.488	-
Các bên khác	19.092.122.931	(17.919.639.386)	18.632.655.928	(17.919.639.386)
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận (ii)	17.341.643.231	(17.341.643.231)	17.341.643.231	(17.341.643.231)
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.750.479.700	(577.996.155)	1.291.012.697	(577.996.155)
Cộng	107.701.815.270	(17.919.639.386)	103.731.759.416	(17.919.639.386)

(i) Chi tiết tại mục 5.12

(ii) Chi tiết tại mục 5.3

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận (i)	27.097.000.000	(27.097.000.000)	27.097.000.000	(27.097.000.000)
Các khoản trả trước cho người bán khác	3.326.453.531	(130.593.850)	834.618.951	(130.593.850)
Cộng	30.423.453.531	(27.227.593.850)	27.931.618.951	(27.227.593.850)

(i) Khoản phải thu và khoản trả trước cho Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH được thực hiện theo các Hợp đồng về việc mua bán sản lát khô đựng bao.

Ngày 18/01/2010, Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum đã ra Quyết định số 01/2010/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH và đã gửi Thông báo số 01/PS-TBTA ngày 25/01/2010 tới Công ty với tư cách là chủ nợ thương mại theo quy định của Luật Phá sản. Ngày 13/12/2011, Công ty đã nhận được Quyết định phân chia tài sản từ Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum về số tài sản của Công ty Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận TNHH với số tiền thu hồi là 78.356.769 đồng. Ngày 11/01/2012, Công ty đã nhận được Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án Nhân dân tỉnh Kon Tum. Công ty đã thực hiện trích lập 100% dự phòng cho các khoản công nợ phải thu khó đòi này với số tiền 44.438.643.231 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.4 Phải thu khác

5.4.1 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	-	-	7.339.059.700	-
Ông Lê Thanh Thân	-	-	7.339.059.700	-
Các bên khác	1.723.206.430	(381.637.773)	2.417.101.896	(381.637.773)
Tiền tạm ứng cho CBNV	369.674.773	(369.674.773)	369.674.773	(369.674.773)
Phải thu khác	1.353.531.657	(11.963.000)	2.047.427.123	(11.963.000)
Cộng	1.723.206.430	(381.637.773)	9.756.161.596	(381.637.773)

5.4.2 Phải thu khác dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký quỹ, ký cược	52.700.000	-	-	-
Cộng	52.700.000	-	-	-

5.5 Nợ xấu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đức Thuận	44.438.643.231	-	44.438.643.231	-
Các đối tượng khác	1.090.227.778	-	1.090.227.778	-
Cộng	45.528.871.009	-	45.528.871.009	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	68.916.894	-	97.653.216	-
Công cụ, dụng cụ	927.000	-	463.909.058	-
Thành phẩm bất động sản	-	-	228.828.123	-
Cộng	69.843.894	-	790.390.397	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.7 Chi phí trả trước

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.319.096.039	54.089.371
Cộng	3.319.096.039	54.089.371

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí sửa chữa, nội thất	13.562.228.130	16.541.601.746
Cộng	13.562.228.130	16.541.601.746

5.8 Tăng, giảm TSCĐ

5.8.1 Tăng, giảm TSCĐ vô hình

	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2022	442.380.500	442.380.500
Số dư tại 31/12/2022	442.380.500	442.380.500
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư tại 01/01/2022	442.380.500	442.380.500
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2022	442.380.500	442.380.500
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2022	-	-
Số dư tại 31/12/2022	-	-

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là: 442.380.500 VND; tại ngày 01/01/2021 là: 442.380.500 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.8.2 Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2022	174.177.903.200	30.223.794.190	2.972.053.983	1.898.310.711	209.272.062.084
Mua trong năm	-	2.321.020.000	-	-	2.321.020.000
Thanh lý, nhượng bán	(702.500.000)	-	-	-	(702.500.000)
Số dư tại 31/12/2022	173.475.403.200	32.544.814.190	2.972.053.983	1.898.310.711	210.890.582.084
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/01/2022	72.181.748.564	27.816.730.761	2.905.721.134	1.542.761.329	104.446.961.788
Khấu hao trong năm	6.223.669.564	1.227.066.397	34.888.500	270.611.070	7.756.235.531
Thanh lý, nhượng bán	(678.888.227)	-	-	-	(678.888.227)
Số dư tại 31/12/2022	77.726.529.901	29.043.797.158	2.940.609.634	1.813.372.399	111.524.309.092
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2022	101.996.154.636	2.407.063.429	66.332.849	355.549.382	104.825.100.296
Số dư tại 31/12/2022	95.748.873.299	3.501.017.032	31.444.349	84.938.312	99.366.272.992

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2022 là 24.504.997.421 VND, tại 01/01/2022 là 19.589.578.780 VND.

- Giá trị còn lại còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản phải trả tại 31/12/2022 là 20.500.975.610 VND, tại 01/01/2022 là 22.433.486.783 VND (i).

(i) Là giá trị còn lại của TSCĐ "Trung tâm hội nghị khách sạn Phương Đông" dùng để thế chấp cho khoản tiền nhận của Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương theo Hợp đồng đặt cọc mua, bán bất động sản số 02/2013/HĐDC/OJB-PDC ngày 15/10/2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.9 Bất động sản đầu tư

	Nhà và quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2022	57.692.617.503	57.692.617.503
Số dư tại 31/12/2022	57.692.617.503	57.692.617.503
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư tại 01/01/2022	8.829.873.172	8.829.873.172
Khấu hao trong năm	1.311.195.852	1.311.195.852
Số dư tại 31/12/2022	10.141.069.024	10.141.069.024
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2022	48.862.744.331	48.862.744.331
Số dư tại 31/12/2022	47.551.548.479	47.551.548.479

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Sửa chữa	1.301.825.178	1.093.897.657
Cải tạo sảnh khách sạn Phương Đông	1.301.825.178	1.093.897.657
Cộng	1.301.825.178	1.093.897.657

5.11 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	DP VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	DP VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Sài Gòn - Kim Liên (i)	12.172.670.000	(4.276.113.046)	(*)	12.172.670.000	(3.652.957.261)	(*)
Cộng	12.172.670.000	(4.276.113.046)	-	12.172.670.000	(3.652.957.261)	-

(i) Khoản đầu tư vào Công ty CP Sài Gòn - Kim Liên: số lượng cổ phiếu nắm giữ là 1.217.267 cổ phần (tương đương với 16,45% quyền biểu quyết), hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	125.785.569.288	125.785.569.288	125.785.569.288	125.785.569.288
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (i)	125.785.569.288	125.785.569.288	125.785.569.288	125.785.569.288
Các bên khác	9.280.239.926	9.280.239.926	8.136.107.293	8.136.107.293
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	4.655.619.963	4.655.619.963	4.655.619.963	4.655.619.963
Phải trả cho các đối tượng khác	4.624.619.963	4.624.619.963	3.480.487.330	3.480.487.330
Cộng	135.065.809.214	135.065.809.214	133.921.676.581	133.921.676.581

(i) Công ty đang ghi nhận các khoản công nợ phải thu, công nợ phải trả với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên:

- Khoản phải thu khách hàng với số tiền 85.099.103.488 VND;
- Khoản phải trả người bán ngắn hạn số tiền 125.785.569.288 VND.

Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông (Bên A) và Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (Bên B) đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 607/PTC/HTĐT-2015 ngày 16/11/2015 để thực hiện Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông tại địa điểm trên.

Hai bên thống nhất hợp tác đầu tư và thành lập pháp nhân mới ở bất kỳ thời điểm nào đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận của hai bên để thực hiện và khai thác dự án, xác định tỷ lệ sở hữu của 2 bên khi hoàn thành xong Dự án tương ứng với tỷ lệ góp vốn thực tế của hai bên để thực hiện Dự án, cụ thể:

+ Bên A: Góp vốn bằng toàn bộ các quyền, quyền lợi, lợi ích của chủ đầu tư phát sinh từ Dự án tại lô đất số 167 Nguyễn Phong Sắc, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An (được định giá dựa trên lợi thế thương mại của Dự án và các chi phí bên A đã bỏ ra trong quá trình triển khai Dự án tính đến thời điểm hợp tác). Hai bên tạm thống nhất giá trị tài sản góp vốn của Bên A nên trên là 10 tỷ đồng trên cơ sở văn bản định giá đất số 1671/STC-QLG&CS ngày 19/06/2013 của Sở tài chính tỉnh Nghệ An.

+ Bên B: Góp vốn bằng tiền, tài sản và hình thức khác bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình xây dựng, thực hiện Dự án (bao gồm nhưng không giới hạn trong các giai đoạn triển khai Dự án, thiết kế điều chỉnh, xây dựng Dự án,...). Tỷ lệ sở hữu của Bên B tại pháp nhân được thành lập sẽ được xác định trên cơ sở số tiền góp vốn thực tế Bên B đã góp trong quá trình triển khai Dự án.

Tuy nhiên, do vướng mắc về mặt pháp lý liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư dự án nên Công ty đã ký kết các Hợp đồng với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên (là bên liên quan của Công ty) theo hình thức chỉ định thầu để thực hiện thi công xây dựng Dự án Khu phức hợp Chung cư - Khách sạn Cửa Đông:

Hợp đồng số 658/2015/HĐTT ngày 20/12/2015 về việc lập dự án, chuẩn bị đầu tư, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình với giá trị 77.676.000.000 đồng (giá đã bao gồm thuế GTGT).

Và Hợp đồng số 62/2016/HĐTC ngày 21/02/2016 về việc thi công xây dựng phần hoàn thiện công trình với giá trị 48.489.383.942 đồng (giá đã bao gồm thuế GTGT).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tính đến ngày lập Báo cáo tài chính, hợp đồng số 607/PTC/HTĐT-2015 giữa công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông với Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên vẫn chưa thực hiện thanh lý.

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Khách hàng trả tiền hàng	-	-	7.339.059.700	7.339.059.700
Các đối tượng khác	86.787.540	86.787.540	26.077.773	26.077.773
Cộng	86.787.540	86.787.540	7.365.137.473	7.365.137.473

5.14 Các khoản phải trả khác

5.14.1 Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương (i)	-	-	7.905.234.714	7.905.234.714
Kinh phí công đoàn	4.898.514	4.898.514	12.402.670	12.402.670
Bảo hiểm xã hội	132.791.251	132.791.251	132.451.251	132.451.251
Bảo hiểm y tế	18.298.475	18.298.475	18.298.475	18.298.475
Bảo hiểm thất nghiệp	9.428.997	9.428.997	9.428.997	9.428.997
Phải trả khác	820.814.261	820.814.261	-	-
Cộng	986.231.498	986.231.498	8.077.816.107	8.077.816.107

(i) Khoản tiền nhận của Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương theo Hợp đồng đặt cọc mua, bán bất động sản số 02/2013/HĐĐC/OJB-PDC ngày 15/10/2013.

Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông (Bên A) là Chủ đầu tư Dự án "Trung tâm hội nghị khách sạn Phương Đông tại phường Trường thi, thành phố Vinh" (gọi tắt là "Công trình") tại số 218 Lê Duẩn, phường Trường Thi, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An. Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương (Bên B) có nhu cầu mua toàn bộ mặt bằng tầng 1 phần Công trình để làm trụ sở kinh doanh của Bên B. Hai bên sẽ ký Hợp đồng mua bán chính thức điện tích mua đã được hoàn thiện về cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng với giá mua bán là 33.963.000.000 VND.

Tại thời điểm 31/12/2022, khoản tiền đặt cọc do giao dịch mua bán không được thực hiện mà bên A còn phải hoàn trả bên B là: 0 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.14.2 Phải trả khác dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả dài hạn khác	153.800.000	153.800.000	153.800.000	153.800.000
Cộng	153.800.000	153.800.000	153.800.000	153.800.000

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Trích trước chi phí tiền điện	84.258.879	-
Trích trước phí kiểm toán	-	80.000.000
Các khoản trích trước khác	55.794.582	192.982.428
Cộng	140.053.461	272.982.428

5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	188.150.909	390.190.909
Cộng	188.150.909	390.190.909

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.17 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	169.585.078	2.773.776.296	2.726.300.112	-	217.061.262
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	29.019.137	209.812.904	226.002.795	-	12.829.246
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.168.915	-	-	-	7.168.915
Thuế thu nhập cá nhân	-	74.866.040	50.353.260	37.511.997	-	87.707.303
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	36.719.357	36.719.357	-	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	-	280.639.170	3.074.661.817	3.030.534.261	-	324.766.726

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.18 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2021	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(31.316.293.923)	141.620.111.591
Lỗi trong năm trước	-	-	-	(14.815.697.320)	(14.815.697.320)
Số dư tại 31/12/2021	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(46.131.991.243)	126.804.414.271
Số dư tại 01/01/2022	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(46.131.991.243)	126.804.414.271
Lãi trong năm	-	-	-	4.852.955.290	4.852.955.290
Số dư tại 31/12/2022	150.000.000.000	22.819.811.566	116.593.948	(41.279.035.953)	131.657.369.561

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022			01/01/2022		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Lê Thanh Thân	3.000.000	30.000.000.000	20,00%	3.000.000	30.000.000.000	20,00%
Ông Lê Kim Giang	3.219.456	32.194.560.000	21,46%	3.219.456	32.194.560.000	21,46%
Ông Đỗ Trung Kiên	2.850.000	28.500.000.000	19,00%	2.850.000	28.500.000.000	19,00%
Bà Lê Thị Hoàng Yến	1.406.000	14.060.000.000	9,37%	1.406.000	14.060.000.000	9,37%
Bà Phạm Thị Thu Thủy	1.659.000	16.590.000.000	11,06%	1.659.000	16.590.000.000	11,06%
Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn	1.470.000	14.700.000.000	9,80%	1.470.000	14.700.000.000	9,80%
Vốn góp của cổ đông khác	1.395.544	13.955.440.000	9,30%	1.395.544	13.955.440.000	9,30%
Cộng	15.000.000	150.000.000.000	100%	15.000.000	150.000.000.000	100%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.818.401.601	18.885.901.419
Doanh thu kinh doanh bất động sản	705.760.874	2.265.119.650
Cộng	49.524.162.475	21.151.021.069

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn kinh doanh khách sạn, nhà hàng và dịch vụ khác	34.102.115.343	24.035.035.256
Giá vốn kinh doanh bất động sản	228.828.123	984.075.355
Cộng	34.330.943.466	25.019.110.611

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.285.969	6.387.341
Cộng	5.285.969	6.387.341

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Dự phòng tổn thất đầu tư	623.155.785	3.652.957.261
Lãi trả chậm (i)	1.786.559.516	-
Cộng	2.409.715.301	3.652.957.261

(i) Khoản tiền lãi chậm thanh toán Công ty phải trả cho ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương theo bản án số 02/2022/KDTM-PT ngày 19/04/2022 của tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.385.631.492	3.085.272.669
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.021.550.173	3.041.447.299
Cộng	8.407.181.665	6.126.719.968

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu tiền điện, nước	395.355.495	338.383.883
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	726.388.227	-
Các khoản khác	212.857.414	46.734.756
Cộng	1.334.601.136	385.118.639

6.7 Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí điện, nước	255.002.572	215.711.509
Các khoản khác	214.585.145	948.688.574
Cộng	469.587.717	1.164.400.083

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.852.955.290	(14.815.697.320)
Hoạt động kinh doanh bất động sản	357.123.357	624.917.400
Hoạt động kinh doanh khác	4.495.831.933	(15.440.614.720)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	1.946.539.672	1.065.897.945
Hoạt động kinh doanh bất động sản	-	(682.363.191)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(682.363.191)
Hoạt động kinh doanh khác	1.946.539.672	1.748.261.136
Các khoản điều chỉnh tăng	1.946.539.672	1.748.261.136
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Các khoản lỗ được kết chuyển	(6.799.494.962)	-
Hoạt động kinh doanh bất động sản	(357.123.357)	-
Hoạt động kinh doanh khác	(6.442.371.605)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	(13.749.799.375)
Hoạt động kinh doanh bất động sản	-	(57.445.791)
Hoạt động kinh doanh khác	-	(13.692.353.584)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	-	-
Hoạt động kinh doanh bất động sản	-	-
Hoạt động kinh doanh khác	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6.9 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.852.955.290	(14.815.697.320)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	4.852.955.290	(14.815.697.320)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	324	(988)
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	324	(988)

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.2.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên	Ông Lê Thanh Thân - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông đồng thời là Giám đốc Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên
Ông Lê Thanh Thân	Chủ tịch HĐQT

7.2.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các thuyết minh trên.

Giao dịch với thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc trong năm như sau

		Năm 2022 Tiền lương VND	Năm 2021 Tiền lương VND
Ông Thái Hồng Nhã	Giám đốc	338.586.304	219.457.778
Ông Trần Đình Phúc	Phó Giám đốc	282.005.228	-
Ông Trần Đình Trí	Phó Giám đốc	124.092.199	221.135.919
Bà Trương Thị Thu Huyền	Phó Giám đốc	-	4.923.077
Bà Lê Thị Thu Hương	Trưởng BKS	192.773.401	119.402.429
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Kế toán trưởng	70.483.844	89.370.250
Tổng cộng		1.007.940.977	654.289.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

7.2.2.1 Giao dịch với bên liên quan trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Khách sạn Mường Thanh Cửa Đông - DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên		
Các khoản DNTN Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên thu tiền bán căn hộ	-	2.491.631.615

7.2.3 Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh số 5.

7.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

7.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2022, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của đơn vị không được bảo đảm do tài sản ngắn hạn đang nhỏ hơn nợ ngắn hạn. Tuy nhiên, Ban Giám đốc khẳng định Công ty vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh do nợ ngắn hạn là bên liên quan và có thể ra hạn bất cứ thời điểm nào và Báo cáo tài chính năm 2022 được lập dựa trên giả định Công ty tiếp tục hoạt động là phù hợp.

7.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm

Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa nhận được văn bản trả lời chính thức của Cơ quan thuế quản lý trực tiếp về việc giảm chi phí tiền thuê đất theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập ngày 22 tháng 02 năm 2023 chưa bao gồm việc điều chỉnh giảm chi phí tiền thuê đất được giảm (nếu có).

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



Thái Hồng Nhã
Giám Đốc

Nghệ An, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thị Nguyệt
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nguyệt
Người lập biểu

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua kết quả lợi nhuận năm 2019-2022 và
phương án sử dụng lợi nhuận năm 2019-2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/01/2008, sửa đổi bổ sung lần V ngày 07/12/2019,

- Căn cứ vào Báo cáo tài chính PTC năm 2019-2022 đã được kiểm toán và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua kết quả lợi nhuận năm 2019-2022 và phương án sử dụng lợi nhuận năm 2019- 2023 như sau:

1. Kết quả lợi nhuận năm 2019-2022:

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2019	THỰC HIỆN NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2022	TỔNG CỘNG
1	Tổng lợi nhuận sau thuế	1,727,022,226	-8,592,257,138	-14,815,697,320	4,852,955,290	-16,827,976,942
2	Trích lập các quỹ:					0
	Quỹ dự phòng Tài chính	0	0	0	0	0
	Quỹ khen thưởng Phúc lợi	0	0	0	0	0
	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	0	0	0	0	0
3	Tổng lợi nhuận còn lại	1,727,022,226	-8,592,257,138	-14,815,697,320	4,852,955,290	-16,827,976,942

Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2019-2022 đã được kiểm toán, tổng lợi nhuận của năm 2019-2022 lỗ: 16.827.976.942 đồng, tuy nhiên Công ty đến nay còn lỗ lũy kế là 41.279.035.953 đồng, khoản lỗ này sẽ được bù đắp ở những năm tiếp theo từ lợi nhuận của hoạt động SXKD. Theo quy định tại khoản 2 điều 135 của Luật Doanh nghiệp "... Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các



điều kiện sau đây: a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;...”, do vậy, Công ty không chi trả cổ tức của năm 2019-2022 (vấn đề này đã được cổ đông thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019).

2. Phương án sử dụng lợi nhuận 2023:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng lợi nhuận sau thuế	Đồng	4,852,955,290	7.512.108.545
2	Trích lập các quỹ:			
	- Quỹ dự phòng Tài chính	Đồng	0	0
	- Quy khen thưởng Phúc lợi	Đồng	0	0
	- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	Đồng	0	0
3	Tổng lợi nhuận còn lại	Đồng	4,852,955,290	7.512.108.545

Như đã trình bày ở trên, đối với Phương án sử dụng lợi nhuận của năm 2023, Hội đồng Quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc Công ty không trích lập các Quỹ và không chi trả cổ tức của năm 2023.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban kiểm soát;
- Ban tổ chức ĐHCĐ PTC 2023;
- Website PTC;
- Lưu: VT, TCKT, Thư ký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Thanh Thảo

TỜ TRÌNH

**V/v: Thực hiện quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2019-2022
và kế hoạch quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/01/2008, sửa đổi bổ sung lần V ngày 07/12/2019,

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (PTC) năm 2019, Hội đồng quản trị PTC kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc thực hiện quỹ thù lao của HĐQT, BKS năm 2019-2022 và kế hoạch quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2023 như sau:

1. Báo cáo việc thực hiện quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2019-2022:

Việc thực hiện quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2019-2022 được thực hiện theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 phê duyệt. Cụ thể như sau:

Tổng thù lao: **1.189.259.525 đồng**. Trong đó

- Năm 2019: 313.497.000 đồng

+ Thù lao của Thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm: 1.533.000 đồng.

+ Thu nhập của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 185.964.000 đồng.

- Năm 2020: 287.586.695 đồng

+ Thù lao của Thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm: 144.000.000 đồng.

+ Thu nhập của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 143.586.695 đồng.

- Năm 2021: 257.402.429 đồng

+ Thù lao của Thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm: 138.000.000 đồng.

+ Thu nhập của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 119.402.429 đồng.

- Năm 2022: 330.773.401 đồng

+ Thù lao của Thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm: 138.000.000 đồng.

+ Thu nhập của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 192.773.401 đồng.

2. Kế hoạch quỹ thù lao HĐQT, BKS năm 2023:



3. Tiền lương của chức danh chuyên trách sẽ được chi trả hàng tháng; đối với các chức danh kiêm nhiệm sẽ được chi trả hàng quý.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban kiểm soát;
- Ban tổ chức ĐHCĐ PTC 2023;
- Website PTC;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Thanh Thân



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỜ TRÌNH
V/v: Sửa đổi, bổ sung điều lệ PTC

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/01/2008, sửa đổi bổ sung lần V ngày 07/12/2019;

Ngày 07/12/2019, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (PTC) đã thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi. Điều lệ sửa đổi này đã góp phần quan trọng trong hoạt động của PTC, tạo điều kiện phát huy vai trò của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý điều hành Công ty cũng như công tác giám sát của Ban kiểm soát. Tuy nhiên, trên cơ sở Luật Doanh nghiệp mới và các văn bản hướng dẫn thi hành, Điều lệ hiện hành có nhiều quy định chưa phù hợp với các văn bản luật mới nhất cũng như hoạt động thực tiễn của Công ty.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản trị Công ty, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị đã dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban kiểm soát;
- Ban tổ chức ĐHĐCĐ PTC 2023;
- Website PTC;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

Tài liệu đính kèm:

Dự thảo các nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ PTC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Thân

**DỰ THẢO CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG (PTC)**

(Kèm theo Tờ trình của HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ PTC tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023)

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	<p>Phần mở đầu: Điều lệ này đượcthông qua cổ đông của Công ty theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông sáng lập ngày 21 tháng 01 năm 2008. Được sửa đổi, bổ sung lần V theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 07 tháng 12 năm 2019</p> <p>....</p>	<p>Phần mở đầu: Điều lệ này đượcthông qua cổ đông của Công ty theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông sáng lập ngày 21 tháng 01 năm 2008. Được sửa đổi, bổ sung lần VI theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 26 tháng 04 năm 2023</p>	<p>Ghi nhận đúng số lần sửa đổi và thời điểm sửa đổi mới nhất</p>
2	<p>Điều 1: Định nghĩa</p> <p>b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>e. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</p> <p>h. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>j. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán</p>	<p>Điều 1: Định nghĩa</p> <p>b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội, Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p> <p>e. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;</p> <p>h. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội, Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>j. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại</p>	<p>Đề phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định của Luật chứng khoán mới.</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán	
3	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp</p>	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp</p>	Đề phù hợp với Luật Doanh nghiệp
4	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy</p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu</p>	

1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100

D. 2
 G. 1
 G. 1
 L. 1
 P. 1
 V. 1

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	<p>định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>câu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 4 Điều 140 Luật doanh nghiệp.</p>	
5	<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông d. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p>	<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; đ) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	<p>Bổ sung sửa đổi thêm quyền của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều 138. Luật doanh nghiệp</p>
6	<p>Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn năm (05) ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p>	<p>Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Luật doanh nghiệp.</p>
7	<p>Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết	
8	<p>Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp</p>	<p>Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp</p>	Sửa đổi phù hợp với Luật doanh nghiệp.
9	<p>Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và khoản 3 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty</p> <p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên</p>	<p>Điều 20: Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty,</p>	Sửa đổi phù hợp với Luật doanh nghiệp

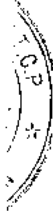
007
 NG
 PH
 H D
 NG E
 T.N

CÔNG TY CỔ PHẦN
 ĐẦU TƯ VÀ
 PHÁT TRIỂN
 CÔNG NGHỆ

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	<p>Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p> <p>3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp</p>	<p>đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này 3, 4 và 6 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p> <p>3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp</p>	
10	<p>Điều 25: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149</p>	<p>Điều 25: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 167</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Luật doanh nghiệp</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
	Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.	Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.	
11	<p>Điều 34: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p>	<p>Điều 34: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác</p>	Sửa đổi phù hợp với Luật doanh nghiệp
12	<p>Điều 36: Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó. Thành viên Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p>	<p>Điều 36: Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p>	Sửa đổi đính chính lại ngày tháng.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
13	<p>Điều 37: Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau</p>	<p>Điều 37: Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau</p>	Sửa đổi đính chính lại ngày tháng.
14	<p>Điều 55: Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm XXI chương, 55 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông nhất trí thông qua ngày ngày 21 tháng 01 năm 2008 và đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ V tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (tổ chức ngày 07 tháng 12 năm 2019 tại Nghệ An).</p>	<p>Điều 55: Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm XXI chương, 55 điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông nhất trí thông qua ngày ngày 21 tháng 01 năm 2008 và đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ VI tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (tổ chức ngày 26 tháng 04 năm 2023 tại Nghệ An).</p>	Sửa đổi đính chính lại ngày tháng.



TỜ TRÌNH

V/v: **Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông.

Thực hiện theo đúng Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty xem xét thông qua:

- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông; *(Dự thảo Quy chế đính kèm)*
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TVHĐQT;
- Ban tổ chức ĐHĐCĐ PTC 2023;
- Website PTC;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

Tài liệu đính kèm:

Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT PTC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Thân

Tp. Vinh ngày tháng 04 năm 2023



DỰ THẢO
QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG
(kèm theo quyết định số .../QĐ-HĐQT ngày tháng năm của Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
 - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019;
 - Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng với Công ty Đại chúng;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông;
 - Căn cứ Nghị quyết số ngày 26 tháng 04 năm 2023 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông;
- Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông bao gồm các Nội dung sau:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng cho Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông.

Điều 2: Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể, các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu

trách nhiệm trước Đại hội cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó được quyền cung cấp các thông tin tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty;

b) Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng cụ thể về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con với Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó, giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó Thành viên Hội đồng quản trị là sáng lập viên hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 3 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, cán bộ quản lý khác trong Công ty (Kế toán trưởng) cung cấp thông tin về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác tài liệu theo yêu cầu của Thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ (5) đến (7) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 2 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả các Thành viên hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các Thành viên đó tiếp tục là Thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Số lượng cụ thể, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và nhất thiết không phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (5) Công ty khác;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được là người có quan hệ của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty phải đáp ứng đủ các điều kiện và tiêu chuẩn sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, không phải là người từng đã làm việc cho Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà các Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Chi nhánh Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai nhiệm kỳ;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng và đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Thay mặt Hội đồng quản trị ký hoặc phân công ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để thực hiện trong nội bộ Công ty và gửi các cổ đông, các cơ quan liên quan sau khi được Hội đồng quản trị thông qua;

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ triệu tập tổ chức Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản cuộc họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp khoản a và khoản b điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu

quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

b) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

c) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp ứng cử viên được đề cử thấp hơn số ứng viên mà họ có quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua ứng cử và đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty, Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty

phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác)
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà các ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới

hạn theo quy định của Pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; Quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình bày báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thu tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác theo Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nêu trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị tài sản giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ các chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại có liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo dự kiến nội dung của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định Hội đồng quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường;

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị ít nhất của 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Đề nghị tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có thể thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự họp các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ 2 trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự ý kiến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được sử dụng.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính đã kiểm toán;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của Thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua Bảo hiểm trách

nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan đến Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan: việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công;

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng

quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các Nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngàytháng năm 2023.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Tuấn

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông.

Căn cứ vào các văn bản pháp luật mới ban hành, trên cơ sở tuân thủ, phù hợp và đáp ứng với các quy định pháp luật cũng như phù hợp với các quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông. Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua:

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông; (Dự thảo Quy chế đính kèm)
2. Ủy quyền cho Ban kiểm soát ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV.Ban kiểm soát;
- Ban tổ chức ĐHĐCĐ PTC 2023;
- Website PTC;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

Tài liệu đính kèm:

Dự thảo Quy chế hoạt động của BKS PTC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Thu Hương

Tp. Vinh ngày tháng 04 năm 2023

DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG**

*(kèm theo quyết định số .../QĐ-BKS ngày tháng năm 2023 của Ban kiểm soát
Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông)*

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
 - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019;
 - Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng với Công ty Đại chúng;
 - Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông;
 - Căn cứ Nghị quyết số ngày 26 tháng 04 năm 2023 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông;
- Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông;
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông bao gồm các Nội dung sau:

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông.

Điều 2: Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể, các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Điều 3. Giải thích các từ ngữ

- Công ty : là Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông
Ban kiểm soát : Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông (viết tắt là **BKS**)
Kiểm soát viên : Thành viên Ban kiểm soát (viết tắt là **KSV**)
Đại hội đồng cổ đông : là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết (viết tắt là **DHĐCĐ**)
Điều lệ/Điều lệ Công ty : Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông.
Hội đồng quản trị : Hội đồng quản trị Công ty (viết tắt là **HDQT**)
Giám đốc : Giám đốc Công ty (viết tắt là **GD**)
Ban điều hành : Bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty
Luật Doanh nghiệp : Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14/ được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020.

CHƯƠNG II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT(KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích Công ty và cổ đông, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1,2,3,4 và 5 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì KSV phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà KSV có được do vi phạm phải hoàn trả Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có KSV vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa

vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, nhiệm kỳ của KSV không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. KSV không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.
4. Trường hợp KSV có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà KSV nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì KSV đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi KSV nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, (trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác);
 - đ) Không được nằm trong bộ phận kế toán tài chính của Công ty;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty;
2. Ngoài các tiêu chuẩn điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, KSV Công ty Đại chúng theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của Người quản lý Doanh nghiệp.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh

doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty (trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác cao hơn).

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các KSV, việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 8. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được quyền đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được quyền đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

b) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào BKS phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.

c) Căn cứ số lượng KSV, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của ĐHĐCĐ làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của ĐHĐCĐ thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT, BKS và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu BKS theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ

2. Việc biểu quyết bầu KSV phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông

có quyền dồn hết hoặc một phần số phiếu được bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử KSV được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm KSV trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện KSV theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm KSV trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

e) Lợi ích có liên quan đến Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà các ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới

Công ty của các ứng cử viên BKS (nếu có).

2. Việc thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Xây dựng sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với các quy định của Nhà nước, Luật Doanh nghiệp, phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty, hoặc theo yêu cầu của ĐHĐCĐ và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2. Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, GD trong việc quản lý và điều hành Công ty. Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT thông qua việc thực hiện kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho Công ty.

6. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, GD vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

10. Tham dự và tham gia thảo luận các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty.

11. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ, cán bộ quản lý, chuyên viên của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

12. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

13. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo kiến nghị của cổ đông.

14. Yêu cầu HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ.

15. Thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

16. Đề nghị Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong một số trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp.

17. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

18. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

19. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

20. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, GD, người quản lý khác trong các hoạt động.

21. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, GD và cổ đông.

22. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, GD và cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

23. Chứng kiến HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được HĐQT yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên HĐQT còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp ĐHĐCĐ, HĐQT;

c) Báo cáo của GD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. KSV có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. HĐQT, thành viên HĐQT, GD, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của KSV hoặc BKS.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ của BKS, nhưng HĐQT không thực hiện.

2. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì BKS chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự ít nhất là hai phần ba (2/3) số KSV.

2. BKS họp bất thường theo đề nghị của:

- Trưởng BKS hoặc ít nhất hai phần ba (2/3) KSV;

- Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất hai phần ba (2/3) thành viên HĐQT;

- Giám đốc Công ty.

3. Trong thời hạn mười lăm ngày (15) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp BKS bất thường, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp. Sau hai (02) lần đề nghị liên tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, các KSV phải tiến hành họp để xử lý công việc, đồng thời đề xuất miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu một KSV đáp ứng tiêu chí quy định tại Quy chế này làm Trưởng ban.

4. Trưởng Ban kiểm soát thông báo chương trình họp tới các KSV. Các cuộc họp của BKS họp lệ khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số KSV tham dự, do Trưởng Ban kiểm soát chủ trì.

5. Biểu quyết của Ban kiểm soát:

- Các ý kiến của Ban kiểm soát được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong cuộc họp của BKS theo nguyên tắc biểu quyết đa số. Mỗi KSV phải nêu ra chứng kiến của mình về nội dung được biểu quyết và có quyền báo lưu ý kiến trong Biên bản họp BKS và Báo cáo của BKS trước ghi gửi tới ĐHĐCĐ, HĐQT, GD Công ty.

- Mỗi KSV tham dự cuộc họp BKS sẽ có quyền biểu quyết tại cuộc họp của BKS và có giá trị ngang nhau. Nếu KSV không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền bằng văn bản biểu quyết cho một KSV khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết theo quy định) thực hiện biểu quyết và phải chịu trách nhiệm với biểu quyết của người được ủy quyền.

- KSV có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty) với vấn đề/vụ việc được đưa ra biểu quyết sẽ không được tham gia quyết đối với vấn đề/vụ việc đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của KSV khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

- Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu có trên năm mươi phần trăm (50%) số KSV có quyền biểu quyết tham dự họp chấp thuận (biểu quyết đa số). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng là ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc KSV được Trưởng BKS ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt), ngoại trừ trường hợp mà Trưởng ban kiểm soát/ người được ủy quyền của Trưởng ban kiểm soát chủ trì cuộc họp có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều này.

- Việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định có giá trị tương đương với việc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp BKS được lập chi tiết rõ ràng. Người ghi biên bản và các KSV tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản của BKS được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng KSV.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các báo cáo của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, GD để trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên;
2. Báo cáo tự đánh giá hoạt động của BKS và KSV;
3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, GD và cán bộ điều hành khác;
4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, GD và các cổ đông.
5. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của KSV được thực hiện theo quy định sau đây:

1. KSV được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và Ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.
2. KSV được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng Ngân sách hoạt động hàng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. KSV của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ vào thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở, ngành, nghề kinh doanh của

doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi bổ sung tương ứng.

3. KSV và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các KSV có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của BKS nhưng không có quyền chỉ phối các KSV.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, Giám đốc và/hoặc người được ủy quyền chịu sự kiểm tra giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

2. Giám đốc và/hoặc người được ủy quyền chỉ đạo các đơn vị, bộ phận và cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm soát trong Công ty cung cấp đầy đủ kịp thời các số liệu, tài liệu thông tin phục vụ hoạt động kiểm tra, kiểm soát và giải trình các vấn đề theo yêu cầu của công tác kiểm soát.

3. Tạo điều kiện bố trí đầy đủ phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của BKS. Cử cán bộ có đủ năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu kiểm soát tham gia các đoàn kiểm tra kiểm soát khi được yêu cầu.

4. Định kỳ hàng tháng, quý hoặc theo yêu cầu đột xuất của HĐQT, GD gửi báo cáo về kết quả tự đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện kế hoạch và kiến nghị đề xuất nhằm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hệ thống để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch được duyệt thì đồng thời chuyển cho BKS một bản để làm cơ sở kiểm soát hoạt động.

5. GD có trách nhiệm chỉ đạo các bộ phận, đối tượng liên quan thực hiện những kiến nghị của BKS hoặc báo cáo với HĐQT những kiến nghị không thống nhất với các kiến nghị của BKS. Có trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của HĐQT, đồng thời thông báo cho BKS biết những ý kiến chỉ đạo này bằng văn bản.

6. Thông báo kịp thời cho BKS khi phát hiện thấy những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ tại Công ty.

7. GD có quyền bảo lưu quan điểm và chính kiến khi không thống nhất với những nhận định của BKS. Đồng thời thông báo cho BKS những quan điểm bảo lưu đó bằng văn bản để BKS báo cáo ĐHCĐ xem xét quyết định.

Điều 22. Môi quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với HDQT Công ty. HDQT chịu sự giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. HDQT đảm bảo rằng BKS được tham dự các cuộc họp định kỳ hay bất thường của HDQT. Trước các phiên họp, Chủ tịch HDQT (hoặc người triệu tập), thư ký HDQT phải gửi thông báo mời họp và đảm bảo rằng các tài liệu kèm bản sao chụp các tài liệu thông tin tài chính, các thông tin khác liên quan đến cuộc họp phải được gửi đến các KSV cùng thời điểm như đối với các thành viên HDQT.

2. HDQT có thể yêu cầu BKS thực hiện các cuộc kiểm soát đột xuất với những nội dung mà HDQT thấy cần thiết trong quá trình thực hiện quyền và trách nhiệm của HDQT, yêu cầu đó phải được gửi tới BKS bằng văn bản trong đó thể hiện rõ nội dung, đối tượng kiểm soát, thời hạn hoàn thành và gửi báo cáo tới HDQT.

3. Trong quá trình kiểm soát, HDQT có thể tham gia cùng BKS để nắm tình hình và có chỉ đạo kịp thời. Khi tham gia với đoàn kiểm soát, các thành viên HDQT có thể có ý kiến để giúp cho kết quả kiểm soát được chính xác, phản ánh đúng bản chất của sự việc, tạo điều kiện KSV đưa ra những đánh giá, nhận định cuối cùng sát với thực tiễn.

4. Các KSV do Trưởng Ban kiểm soát cử có thể phối hợp tham gia với các đoàn công tác kiểm tra giám sát do HDQT tổ chức hoặc thành lập. Các ý kiến của KSV khi tham gia các đoàn này phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, quy định của Công ty và Quy chế này, đồng thời chịu trách nhiệm trước những ý kiến đánh giá nhận định trong quá trình tham gia đó.

5. Khi nhận được kết quả kiểm tra giám sát của BKS, HDQT phải xem xét để đưa ra kết luận và xử lý bằng văn bản, văn bản này được gửi thông báo cho GD hoặc các đối tượng liên quan để thực hiện. BKS giám sát việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của HDQT.

6. Các báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá hoạt động của HDQT chuẩn bị trình lên ĐHCĐ tại các cuộc họp thường niên phải gửi cho BKS trước ngày tổ chức đại hội mười lăm (15) ngày làm việc để thẩm định. HDQT đảm bảo rằng BKS có đủ thông tin và thời gian cần thiết để thẩm định các báo cáo này.

7. BKS tham khảo ý kiến của HDQT về các vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm soát, kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi phát hành chính thức.

8. Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu quan điểm và chính kiến khi không thống nhất với những nhận định của BKS. Đồng thời thông báo cho BKS những quan điểm, ý kiến bảo lưu đó bằng văn bản để BKS biết và báo cáo ĐHĐCĐ xem xét quyết định.

Điều 23. Khen thưởng kỷ luật

Các KSV có thành tích trong công tác kiểm tra giám sát kiểm soát và các hoạt động có liên quan được khen thưởng theo chế độ chung của Công ty.

Các KSV vi phạm các quy định của pháp luật trong công tác kiểm soát và các hoạt động có liên quan, hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi, có động cơ cá nhân xâm phạm lợi ích hợp pháp của Công ty sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật tùy theo mức độ vi phạm,

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của BKS Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông bao gồm bảy (07) chương, hai ba (24) điều, được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Thị Thu Hương

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị công ty
Công ty cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông.

Thực hiện theo đúng Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty xem xét thông qua:

- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông; (Dự thảo Quy chế đính kèm)
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;BKS
- Ban tổ chức ĐHĐCĐ PTC 2023;
- Website PTC;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

Tài liệu đính kèm:

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty PTC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Thảo

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị công ty
Công ty cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông.

Thực hiện theo đúng Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty xem xét thông qua:

- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông; (Dự thảo Quy chế đính kèm)
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;BKS
- Ban tổ chức ĐHĐCĐ PTC 2023;
- Website PTC;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

Tài liệu đính kèm:

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty PTC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Thanh Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DẦU KHÍ PHƯƠNG ĐÔNG

DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Sửa đổi bổ sung lần thứ nhất

*(Ban hành kèm theo Quyết định số..... ngày.....tháng..... năm 2023
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần du lịch Dầu khí Phương Đông)*

Vinh, tháng 4 năm 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I : QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích.....	4
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh.....	4
Điều 3. Đối tượng áp dụng.....	5
Điều 4. Giải thích từ ngữ.....	5
Điều 5. Nguyên tắc áp dụng Luật chuyên ngành.....	6
Điều 6. Các tài liệu liên quan.....	6

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....7

MỤC I: VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....7

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	7
--	---

MỤC II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC PHIẾU BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....7

Điều 8. Thâm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	7
Điều 9. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.....	9
Điều 10. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 11. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 12. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 13. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 14. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 15. Điều kiện tiến hành.....	12
Điều 16. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 17. Cách thức bỏ phiếu.....	13
Điều 18. Cách thức kiểm phiếu.....	13
Điều 19. Điều kiện đề nghị quyết thông qua.....	13
Điều 20. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....	14
Điều 21. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 22. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 23. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	16

MỤC 3: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN.....17

- Điều 24. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản.....17
Điều 25. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....17

MỤC 4: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN.....19

- Điều 26. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.....19
Điều 27. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.....19
Điều 28. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.....20
Điều 29. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.....21
Điều 30. Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.....21
Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến.....21
Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến.....22
Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....22
Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....22
Điều 35. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....22

MỤC 5: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN.....22

- Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....22
Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.....22
Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông.....23
Điều 39. Điều kiện tiến hành.....23
Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....23
Điều 41. Cách thức bỏ phiếu.....23
Điều 42. Cách thức kiểm phiếu.....23
Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....23
Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....24
Điều 45. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....24

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....24

- Điều 46. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....24

Điều 47. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 48. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 49. Trình tự và thủ tục họp Hội đồng quản trị	27
Điều 50. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	30
Điều 51. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách Quản trị Công ty.....	30
CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT.....	31
Điều 52. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên.....	31
Điều 53: Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Ban kiểm soát.....	32
Điều 54. Điều kiện, tiêu chuẩn của Kiểm soát viên.....	32
Điều 55. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên.....	32
Điều 56. Cách thức bầu Kiểm soát viên.....	33
Điều 57. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	33
Điều 58. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	33
Điều 59. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên	34
CHƯƠNG V: GIÁM ĐỐC.....	34
Điều 60. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc.....	34
Điều 61. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt Hợp đồng đối với Giám đốc.....	34
CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC.....	35
Điều 62. Phối hợp trong hoạt động của Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát và Giám đốc.....	35
Điều 63. Các hoạt động phối hợp khác.....	37
Điều 64. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp.....	38
Điều 65. Khen thưởng.....	38
Điều 66. Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	39
CHƯƠNG VII: HIỆU LỰC THI HÀNH.....	39
Điều 67. Hiệu lực thi hành.....	39

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Người điều hành khác của Công ty.

2. Quy chế này là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị doanh nghiệp của Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông.

Điều 2: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; Đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Trong quy chế này các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

- “Quản trị Công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị bao gồm:

- Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
- Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Công ty và cổ đông;
- Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty;
- Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty;

- Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị Công ty;
 - Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch của Công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng;
 - b. “Công ty”: là Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông.
 - c. “Điều lệ”: là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - d. “Cổ đông”: là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
 - e. “Đại hội đồng cổ đông”: là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết;
 - f. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23, Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng khoán.
 - g. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
 - h. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị”: là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật về Chứng khoán hiện hành.
 - i. “Người điều hành: là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế bổ sung văn bản đó.

Điều 5. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị Công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 6. Các tài liệu liên quan

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 16/06/2020;
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
4. Thông tư 116/2020 /TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

5. Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông.

CHƯƠNG II : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

MỤC 1: VAI TRÒ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 7: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trên tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý hành vi vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định Ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập; quyết định Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

MỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 8: Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (4 tháng), kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của các cổ đông (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham gia được, Thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc bằng văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản trong đó mỗi bản phải có chữ ký tối thiểu một cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp tại điểm c và d tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các Thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định tại điểm a, Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3, Điều 140, Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c, Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4, Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d) Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định các điểm a, b, c, d Khoản 4 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

e) Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

5. Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến thay vì tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức gặp mặt trực tiếp hoặc kết hợp cả hai nếu đáp ứng được về mặt cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thông tin.

Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến được thực hiện theo Quy chế này, Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến của Công ty.

Điều 9. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội cổ đông.

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 10. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, trong đó nêu rõ các nội dung ngày chốt danh sách để cổ đông thực hiện các quyền, tỷ lệ thực hiện, lý do và mục đích họp, cũng như thời gian, địa điểm và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến.

Điều 11. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty Niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách có quyền dự họp chậm nhất hai mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. (tính từ ngày mà thông báo được gửi đi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

Điều 12. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông.

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình cuộc họp.

3. Trường hợp Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này thì chậm nhất là hai (2) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 2 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật Điều lệ Công ty.

4. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa ra kiến nghị quy định theo Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị chính thức được bổ sung vào vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 4, Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 13. Ủy quyền cho người Đại diện họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham gia họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân tổ chức khác họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 1, Điều 15 Điều lệ Công ty.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền phải được lập theo quy định của Pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 14. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư, hoặc gửi thư điện tử cho Công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội đồng cổ đông thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất là mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa ba (03) người tham dự Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện theo ủy quyền, nếu không xác định được coi là chia đều cho số lượng người đại diện ủy quyền. Việc ủy quyền cho người đại diện họp phải được lập thành văn bản của Công ty đã gửi kèm thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông và người được ủy quyền dự họp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân)/Người đại diện Pháp luật của tổ chức được ủy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức)

- Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông người được ủy quyền dự họp (trường hợp ủy quyền cho cá nhân)/Người đại diện theo Pháp luật của tổ chức được ủy quyền (trường hợp ủy quyền cho tổ chức).

- Trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo căn cước công dân hay hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản giấy gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.

Điều 15. Điều kiện tiến hành

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong

thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 16. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Định hướng phát triển Công ty;
- b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c) Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm;
- d) Tổ chức lại, Giải thể Công ty.

Điều 17. Cách thức bỏ phiếu

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một mã số, chỗ ngồi và một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 18. Cách thức kiểm phiếu

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết từng vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông, bộ phận kiểm phiếu (có thể thành lập Ban Kiểm phiếu) phải tổng hợp số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề. Tổng số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành hay số thẻ không có ý kiến, sẽ

được Chủ tọa/ Trưởng Ban Kiểm phiếu thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

Điều 19. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên của tổng số phiếu của cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại đại hội tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3,4 và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán Tài sản có giá trị từ (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành.

Điều 20. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 21. Cách thức phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền phản đối biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách yêu cầu thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng quản trị trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày biên bản, nghị quyết của Đại hội được gửi cho các cổ đông và/hoặc được công bố trên Website của Công ty.

2. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng theo quy định của Điều lệ Công ty. Các chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thực hiện theo quy định của Luật tố tụng, các quy định của Pháp luật hiện hành.

3. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án hoặc Trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập thành tiếng

Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai bốn(24) giờ hoặc được gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm(15) ngày kể từ ngày thông qua.

Điều 23. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai bốn (24) giờ hoặc được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua.

2. Nghị quyết đã được thông qua phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

MỤC 3: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 24. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 16 Quy chế này.

Điều 25. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau:

1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (15) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 11 của Điều lệ Công ty.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời: đến Công ty bằng hình thức gửi thư; fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp đã gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên chữ ký của người Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực chính xác.

4. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thực hiện bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trừ lên tán thành đối với trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

MỤC 4. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN

Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến thay vì tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông theo hình thức gặp mặt trực tiếp hoặc kết hợp cả hai nếu đáp ứng được về mặt cơ sở hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thông tin.

Điều 26. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được thông báo cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử.

Điều 27. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Để chuẩn bị tốt cho công tác tổ chức Đại hội, cổ đông có thể đăng ký về việc tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông. Việc đăng ký có thể thông qua một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty, đăng ký trực tuyến. Cách thức đăng ký cụ thể được hướng dẫn tại thông báo mời họp.

2. Cổ đông sẽ được cung cấp tài khoản, mật khẩu truy cập qua thư mời tham gia đại hội để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến và tham gia bỏ phiếu điện tử. Tài khoản truy cập để tham gia đại hội và bỏ phiếu điện tử có thể sử dụng cùng một tài khoản hoặc hai tài khoản riêng biệt.

3. Các cổ đông đăng ký dự họp theo hình thức trực tuyến sẽ được xác thực tư cách tham dự Đại hội đồng cổ đông và được xem là có mặt tại đại hội nếu đã tuân thủ đúng, đầy đủ các trình tự, cách thức mà Hệ thống trực tuyến yêu cầu để xác thực tư cách cổ đông và đăng ký tham dự. Cổ đông được coi là tham dự Đại hội khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Cổ đông có quyền trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác tham dự đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông.

- Thực hiện đăng nhập vào hệ thống qua tài khoản truy cập để tham dự họp trực tuyến và biểu quyết thông qua bỏ phiếu điện tử,

- Các cổ đông không đáp ứng được các điều kiện để tham dự tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được coi là không tham dự Đại hội. Tỷ lệ cổ đông dự họp được tính bằng số cổ đông tham dự Đại hội trên tổng số cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.

4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

- Được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử. Cổ đông có thể theo dõi nội dung, diễn biến Đại hội thông qua hệ thống phát truyền hình trực tuyến của Công ty và tham gia trao đổi, hỏi đáp trực tuyến về các vấn đề tại Đại hội theo chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua.

- Cổ đông đăng nhập muộn sau khi Đại hội đã diễn ra có quyền tham gia và biểu quyết ngay đối với những nội dung chưa biểu quyết nhưng hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng. Cổ đông nhận kết quả bỏ phiếu thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử do đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử cung cấp.

- Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản truy cập như: tên, các yếu tố định danh khác (nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc dự họp trên Hệ thống trực tuyến, trừ trường hợp cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm bảo đảm người đại diện theo ủy quyền sẽ tuân thủ quy định tại Khoản này tương tự như cổ đông.

- Chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc dự họp thực hiện bằng tài khoản truy cập của cổ đông trên Hệ thống trực tuyến. Việc thực hiện dự họp và biểu quyết trên Hệ thống bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông.

- Phải thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác, đầy đủ, trung thực tại nơi lưu ký Chứng khoán để

đảm bảo nhận được thông báo tài khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

Điều 28. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Quy định cụ thể về ủy quyền sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu đại hội.

Điều 29. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại hội đồng cổ đông được tổ chức dưới hình thức họp trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông tham dự họp đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết căn cứ theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm triệu tập đại hội.

Điều 30. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Các điều kiện để Nghị quyết về các nội dung trình Đại hội được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến như đối với Đại hội đồng cổ đông trực tiếp quy định tại Điều 19, Quy chế này.

Điều 31. Cách thức bỏ phiếu trực tiếp

1. Nguyên tắc chung:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông (Đại hội) đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến bằng hình thức bỏ phiếu điện tử tính theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi cổ đông được cấp quyền biểu quyết theo số cổ phần được biểu quyết (sở hữu và đại diện) của cổ đông.

2. Phương thức biểu quyết:

Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều này, Đại hội đồng thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội bằng hình thức bỏ phiếu điện tử theo phương thức có ý kiến “đồng ý”, “không đồng ý”, “không có ý kiến”.

3. Phương thức bầu cử:

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu điện tử theo phương thức bầu đôn phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/dại diện nhân với số thành viên Hội đồng quản trị được bầu hoặc Ban kiểm soát do Đại hội thông qua.

4. Thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp tài khoản truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử chung với tài khoản đăng nhập tham dự Đại hội: Cổ đông thực hiện xem các thông tin liên quan đến đợt bỏ phiếu đã được đăng tải trên hệ thống và quyết định bỏ phiếu theo từng nội dung cần biểu quyết.

- Trường hợp tài khoản truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử riêng với tài khoản đăng nhập tham dự Đại hội: Cổ đông sử dụng tài khoản truy cập cho hệ thống bỏ phiếu điện tử trực tiếp đăng nhập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử để xem các thông tin liên quan đến đợt bỏ phiếu đã được đăng tải trên hệ thống và quyết định bỏ phiếu theo từng nội dung cần biểu quyết.

- Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện trước khi Đại hội diễn ra và/hoặc theo diễn biến tại Đại hội theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

1. Kết quả bỏ phiếu điện tử được thống kê và tính toán bởi đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử hoặc hệ thống phần mềm của Công ty.

2. Ban bầu cử và kiểm phiếu là nơi tiếp nhận các thông tin kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả bỏ phiếu.

Điều 33. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa cuộc họp công bố trước khi bế mạc cuộc họp hoặc thời điểm khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 34. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tại điểm cầu chính có trách nhiệm lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 22, Quy chế này.

Điều 35. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện như quy định tại Điều 23, Quy chế này.

MỤC 5. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN

Điều 36. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ tình hình thực tế, Công ty sẽ thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trong đó ghi rõ hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến để cổ đông sắp xếp tham gia theo hình thức phù hợp.

Điều 37. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Tùy thuộc vào hình thức lựa chọn tham dự Đại hội, cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13 hoặc Điều 26 Quy chế này.

Điều 38. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông thực hiện việc ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 13 và Điều 27 Quy chế này.

Điều 39. Điều kiện tiến hành

Đại hội đồng cổ đông được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến được tiến hành khi có tổng số cổ đông có quyền biểu quyết tham dự họp trực tiếp và tại các điểm cầu trực tuyến đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

Điều 40. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp (bao gồm cả việc bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện từ/trực tuyến).

Điều 41. Cách thức bỏ phiếu

Trường hợp Công ty tổ chức biểu quyết theo nhiều hình thức, cổ đông chỉ được lựa chọn một (01) hình thức biểu quyết. Trường hợp cổ đông thực hiện bỏ phiếu theo cả hai hình thức đối với cùng một nội dung biểu quyết, hình thức bỏ phiếu điện từ sẽ được ưu tiên lựa chọn và phiếu biểu quyết truyền thống sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.

Điều 42. Cách thức kiểm phiếu

Hội đồng quản trị thành lập Ban kiểm phiếu bao gồm các thành viên tham dự họp trực tiếp và đại diện các điểm cầu trực tuyến để thực hiện việc kiểm phiếu. Việc kiểm phiếu tại các điểm cầu trực tuyến được thực hiện song song với địa điểm họp trực tiếp; thành viên Ban kiểm phiếu tại điểm cầu lập Biên bản kiểm phiếu riêng tại địa điểm mình phụ trách, chịu trách nhiệm trước cổ đông và pháp luật về việc kiểm phiếu đó. Thành viên Ban kiểm phiếu tại địa điểm họp trực tiếp sẽ tổng hợp kết quả kiểm phiếu tại các điểm cầu, kết quả các phiếu bầu trực tuyến thành kết quả cuộc họp.

Điều 43. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu (tổng hợp tại điểm họp trực tiếp và các điểm cầu) được công bố ngay tại cuộc họp.

Điều 44. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tại địa điểm họp trực tiếp) có trách nhiệm lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 22, Quy chế này.

Điều 45. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện như quy định tại Điều 23, Quy chế này.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 46. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 47. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty là từ năm (5) đến bảy (7) người. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (2) nhiệm kỳ liên tục.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

a) Công ty đảm bảo cơ cấu Hội đồng quản trị có ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

b) Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để ứng cử/đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

b) Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế đề cử được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi đề cử được tiến hành theo quy định của Pháp luật.

c) Ứng viên được đề cử, ứng cử theo quy định tại Khoản 3 Điều này phải đảm bảo đáp ứng được các tiêu chuẩn là thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan. Trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này, hồ sơ đề cử, ứng cử (trong đó bao gồm cả hồ sơ về cổ đông/nhóm cổ đông hợp nhóm đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị) được gửi đến Hội đồng quản trị Công ty tối thiểu mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để tổng hợp và công bố thông tin.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

a) Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bổ đồng đều.

b) Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

c) Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

d) Phiếu bầu cử được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng quản trị, thông tin về cổ

đồng và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện, Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải báo ngay tại thời điểm nhận phiếu.

đ) Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một trong nhiều trường hợp sau:

- Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- Phiếu có tổng số có quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó (gồm quyền sở hữu và được ủy quyền);
- Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng thông qua trước khi bầu cử;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

e) Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp Công ty, Điều lệ Công ty, tiêu chí quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử.

f) Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Việc giới thiệu ứng viên để bầu làm thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện bằng văn bản gửi đến Công ty đúng thời hạn và có đầy đủ thông tin cá nhân theo quy định tại Thông báo của Công ty về việc đề nghị đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.

9. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 48. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu bang trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các khoản chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 49. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) người quản lý khác;

- Có đề nghị của ít nhất hai (2) thành viên Hội đồng quản trị;
- Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty hoặc để giải quyết các vấn đề cấp bách/đột xuất xảy ra trong hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;
- Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

3. Thông báo họp Hội đồng quản trị:

- Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của Thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm, chương trình họp, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

- Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Kiểm soát viên:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị;

- Kiểm soát viên tham dự họp các cuộc họp của Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần hai trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên dự họp.

6. Cách thức biểu quyết:

- Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội

đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra các nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết thông qua tại cuộc họp.

- Các hình thức biểu quyết khác phù hợp với pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

9. Biên bản họp Hội đồng quản trị

a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản lưu bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã doanh nghiệp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Mục đích, chương trình họp và nội dung họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

- Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp quy định tại Điểm b khoản 9 Điều này.

b) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, Quy chế này thì Biên bản này có hiệu lực.

c) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

d) Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

đ) Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và biên bản bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

10. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về nghị quyết của Hội đồng quản trị trong nội bộ Công ty và các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang Website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 50. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (3) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Các tiểu ban được thành lập theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan. Chức năng nhiệm vụ của tiểu ban do Hội đồng quản trị quy định.

3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 51. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người Phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Hiểu biết pháp luật và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty;

b) Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Người phụ trách quản trị Công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp:

- Không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này;
- Các trường hợp khác theo quyết định của hội đồng quản trị Công ty;

5. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được công bố thông tin theo quy định Pháp luật.

6. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 52. Vai trò quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên

Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu để thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản

lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính cũng như thâm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Điều lệ Công ty, Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.

Điều 53. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty có từ ba (3) đến (5) Kiểm soát viên. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (5) năm và có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên.

Điều 54. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (3) năm liên trước đó.

Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 55. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự như ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Khoản 3 Điều 47 Quy chế này. Tỷ lệ đề cử ứng viên Ban kiểm soát như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để ứng cử/đề cử các ứng viên Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối

đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc bầu kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và tiến hành theo cách thức tương tự đối với bầu thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Khoản 4 Điều 47 Quy chế này.

Điều 57. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 54 Quy chế này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định;
2. Đại hội cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 58. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 59. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao và các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

CHƯƠNG V: GIÁM ĐỐC

Điều 60. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

1. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện và nghĩa vụ được giao.

2. Giám đốc thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 61. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Việc đề cử, ứng cử, miễn nhiệm, bổ nhiệm Giám đốc được thực hiện theo quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc trong nội bộ Công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán, các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc:

a) Công ty có quyền trả lương, thưởng cho Giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;

b) Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

- Giám đốc được trả lương, thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

- Thù lao của từng thành viên Hội đồng, tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 62. Phối hợp trong hoạt động của Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát và Giám đốc

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục tiêu và lợi ích hợp pháp của Công ty trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

a) Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy quyết định của Giám đốc trái pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, Nghị quyết và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị.

b) Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Giám đốc cung cấp các thông tin về các lĩnh vực công việc mà thành viên đó được Hội đồng quản trị phân công phụ trách. Thời hạn cung cấp hoặc trả lời thông tin không quá ba (03) ngày làm việc sau khi nhận được yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp chưa thể cung cấp thông tin theo yêu cầu, Giám đốc có trách nhiệm thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị biết và xác nhận lại thời gian cung cấp.

c) Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp giao việc cho nhân viên Công ty mà không thông qua Giám đốc Công ty/ Giám đốc đơn vị trực thuộc Công ty, trừ trường hợp nhân viên Công ty được phân công làm việc trực tiếp với thành viên Hội đồng quản trị đó.

d) Hội đồng quản trị phải thông báo cho Giám đốc ít nhất trước ba mươi (30) ngày việc sử dụng các nguồn lực để tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

đ) Hội đồng quản trị phải tạo điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát theo chức năng nhiệm vụ; tiếp thu ghi nhận các ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát.

e) Khi tiếp nhận báo cáo kiểm tra của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị phải nghiên cứu để có kế hoạch củng cố, chấn chỉnh và xử lý/khắc phục kịp thời.

g) Hội đồng quản trị hoặc cá nhân Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm cung cấp tài liệu, giải trình cho Ban kiểm soát các vấn đề được Ban kiểm soát yêu cầu.

h) Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi thông báo (kèm theo các tài liệu) để mời đại diện Ban kiểm soát tham gia và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

l) Kiểm soát viên có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

k) Hội đồng quản trị sao gửi các Nghị quyết/Quyết định cho Ban kiểm soát trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được thông qua; các nội dung xin ý kiến của Ban kiểm soát phải được gửi ít nhất bảy (07) ngày làm việc.

2. Ban kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát mọi mặt hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nghĩa vụ một cách độc lập với Hội đồng quản trị, Giám đốc và báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông Công ty về hoạt động giám sát của mình.

a) Ban kiểm soát có quyền giám sát tính hợp pháp trong hành động của các thành viên Hội đồng quản trị; hoạt động của thành viên Ban Giám đốc và các vấn đề khác nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.

b) Ban kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến, kiến nghị nhưng không có quyền biểu quyết, nếu có ý kiến khác với Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của Ban kiểm soát vào biên bản và trực tiếp báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

c) Đối với kết quả kiểm tra định kỳ/dột xuất: Ban kiểm soát phải gửi kết luận bằng văn bản cho Hội đồng quản trị. Tùy theo kết quả kiểm tra, Ban kiểm soát cần bàn bạc, thống nhất với Hội đồng quản trị trước khi báo cáo Đại hội

đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất được ý kiến thì có quyền bảo lưu ý kiến vào biên bản.

d) Ban kiểm soát thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

đ) Đề xuất biện pháp bổ sung, sửa đổi cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, kiến nghị Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

e) Ban kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của Cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại, tham vấn Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông.

g) Đối với các nội dung Hội đồng quản trị, Giám đốc xin ý kiến, Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

3. Giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị và chủ động điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và báo cáo Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật:

a) Giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b) Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước, trái Điều lệ Công ty và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản.

c) Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.

d) Khi phát hiện các vấn đề không có lợi cho Công ty, Giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Điều 63. Các hoạt động phối hợp khác

1. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc phải được thông báo (có văn bản mời họp), ghi biên bản cuộc họp và thông báo kết quả cuộc họp.

2. Trong các trường hợp cần thiết, vì lợi ích của Công ty, Giám đốc và/hoặc Ban kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và phải nêu rõ mục đích triệu tập.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các Kiểm soát viên trong thời hạn tối đa năm (5) ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu. Yêu cầu cung cấp thông tin của Ban kiểm soát phải được gửi bằng văn bản đến người được yêu cầu, trong đó nêu rõ lý do phải cung cấp và đảm bảo cam kết bảo mật thông tin trong quá trình giám sát.

4. Các quy định phối hợp khác được cụ thể tại các quy chế/quy định nội bộ khác của Công ty.

Điều 64. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp

1. Mức độ đánh giá hoàn thành nhiệm vụ:

- Hàng năm căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác.

- Giám đốc chịu trách nhiệm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.

- Trưởng Ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng Kiểm soát viên.

2. Tiêu chí và phương thức đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế nội bộ khác của Công ty.

Điều 65. Khen thưởng

1. Hàng năm căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ tại Khoản 1 Điều 64 Quy chế này.

2. Chế độ khen thưởng

- Bằng tiền

- Hình thức khác (nếu có)

3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng khi lợi nhuận vượt và các nguồn khác (nếu có).

4. Mức khen thưởng : Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức cụ thể.

Điều 66. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người điều hành khác và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người điều hành khác và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII: HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 67. Hiệu lực thi hành

- Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông bao gồm bảy (07) chương, sáu mươi bảy (67) điều và có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

- Quy chế này thay thế Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HDQT ngày 26/07/2013 của Hội đồng quản trị Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông.

- Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Các nội dung khác liên quan đến quản trị Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế/quy định nội bộ khác của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Thân

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm Thành viên HĐQT, Thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023
và bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/01/2008, sửa đổi bổ sung lần V ngày 07/12/2019,
- Căn cứ thời hạn về nhiệm kỳ 2018-2023 của HĐQT và BKS,
Hội đồng quản trị PTC nhiệm kỳ 2018-2023 kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua:

1. Miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023 kể từ ngày 26/04/2023 đối với toàn bộ thành viên HĐQT có tên sau:

- | | |
|---------------------------|---------------------------|
| - Ông Lê Thanh Thân | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Đinh Sỹ Đức | - Phó Chủ tịch HĐQT |
| - Bà Lê Thị Hoàng Yến | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Lê Văn Thìn (Thành) | - Thành viên độc lập HĐQT |
| - Ông Thái Hồng Nhã | - Thành viên HĐQT |
| - Bà Phạm Thị Thu Thủy | - Thành viên HĐQT |

Lý do miễn nhiệm: Kết thúc nhiệm kỳ 2018-2023

2. Miễn nhiệm chức vụ Thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023 kể từ ngày 26/04/2023 đối với toàn bộ thành viên BKS có tên sau:

- | | |
|-------------------------|--|
| - Bà Lê Thị Thu Hương | - Trưởng BKS với lý do: Kết thúc nhiệm kỳ 2018-2023 |
| - Bà Nguyễn Thị Việt Hà | - Thành viên BKS với lý do: Kết thúc nhiệm kỳ 2018-2023 |
| - Bà Nguyễn Thị Nguyệt | - Thành viên BKS với lý do: có đơn xin từ nhiệm và kết thúc nhiệm kỳ 2018-2023 |

3. Tiến hành bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028 theo Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành, Điều lệ Công ty và Quy chế bầu cử tại ĐHĐCĐ thường niên 2023.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban kiểm soát;
- Ban tổ chức ĐHĐCĐ PTC 2023;
- Website PTC;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Thanh Thân